

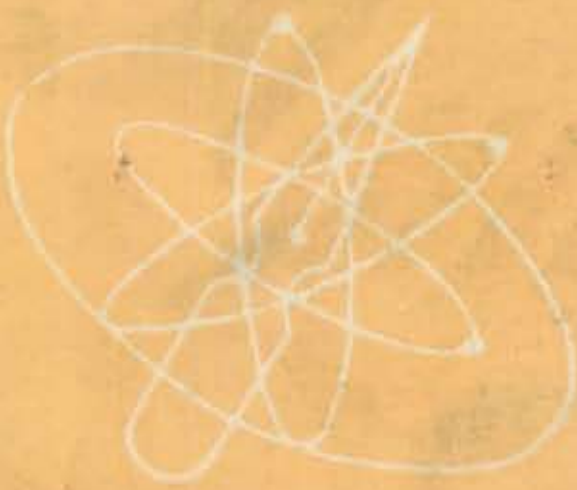
I THÁNG II NĂM 1967

BACH
KHOA
T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười một

PHẠM LƯƠNG GIANG *nền bang giao Việt Nhật* *
NGUYỄN HIỂN LÊ *thư ngỏ gửi một thanh niên : chính trị (dịch ANDRÉ MAUROIS)* * NGUYỄN VĂN XUÂN *một thời mới (văn-học miền Nam)* * ĐOÀN THÊM *những ngày chưa quên : Thành lập Cộng-Hòa* * VÕ HỒNG *gió cuốn* * VÕ QUANG YẾN *bà Marie Curie (kỷ-niệm 100 năm ngày sinh nhật)* * TRẦN ĐẠ I *giữa đường* * NGUYỄN HIỂN LÊ *André Maurois nửa thế kỷ đề xây một kim tự tháp* * TỪ TRÌ *thế giới trong những tuần qua* * BÁCH KHOA THỜI ĐẠ I *đọc sách giúp bạn* * TRẦN QUÍ SÁCH *ma lính*
SINH HOẠT *triền lãm và*
diễn thuyết về Jean Cocteau *
thời - sự văn - nghệ *

260





L'antitussique pour
tous les âges...

Sirop Pectoral Gobey

- sans opiacés
- sans action dépressive
- sans effets secondaires

De 1 cuiller à café chez le nourrisson à une cuillerée
à soupe chez l'adulte.

GOUT AGRÉABLE

Distributeurs : Saigon : UFFARMA. 23 Bd. Nguyen-Huê
Phnom-Penh : SIPP. 19 Terak Vithei Preah
Bat Sisowath.

60-24



BÁCH

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 260 ngày 1-11-1967

PHẠM LƯƠNG GIANG <i>nhân cuộc viếng thăm Việt-Nam của thủ tướng Sato, thử ôn lại: nền bang-giao Việt — Nhật</i>	3
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống: Chính trị (dịch ANDRÉ MAUROIS)</i>	11
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>một thời mới (văn nghệ miền Nam nhìn từ miền Trung)</i>	17
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên: thành lập Cộng-Hòa</i>	23
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	31
VÕ QUANG YẾN <i>kỷ-niệm 100 năm ngày sinh - nhật Bà Marie Curie</i>	38
TRẦN ĐẠI <i>giữa đường (truyện ngắn)</i>	43
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>Audré Maurois nửa thế kỷ đề xây dựng một kim-tự-tháp</i>	54
TỪ TRÌ <i>thế-giới trong những tuần qua</i>	64
BÁCH KHOA THỜI ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn: Con chồn tinh quái (Linh-Bảo); Con đường thuốc lá (Vũ-đình-Lưu); Một luồng lửa khói (Hồng-Cúc); Neo tuổi vàng (Hữu-Phương); Hiệp định Genève 1954 và cuộc tranh chấp tại Việt Nam (Trương-hoài-Tâm); con tàu bí mật (Nguyễn-trường-Sơn)</i>	68
THÀNH TÔN <i>đầy tháng con (thơ)</i>	75
THỦY TRIỀU <i>ngựa hoang (thơ)</i>	76
TRẦN HUIỄN AN <i>tiếng vàng Phương Oanh (thơ)</i>	77
TRẦN HOÀI THƯ <i>ngày đầu làm lính (thơ)</i>	78
PHỒ ĐỨC <i>bên trong (thơ)</i>	79
SINH HOẠT:	
NGÊ BÁ LÍ <i>triển lãm và diễn thuyết về Jean Cocteau</i>	80
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	80

Chủ nhiệm: LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn:
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 25\$ Công sở: Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung:
thêm cước phí máy bay

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài sau đây :

Trên vùng tưởng nhớ (Thái Tú Hạp) — Vết tích; Thu về trên vọng gác (Yên Uyên Nguyên) — Mùa thu trên đồi; Trầm ngâm (Cao Quảng Vấn) — Chiếc lá (Huỳnh Mỹ Lệ) — Giới hạn; Đàn xưa; Mừng mủ (Thiên Hy) — Nàng thơ xứ Huế; Tiễn biệt (Tâm Thi) — Chúc bạn đi lấy chồng; Tình đời lắt léo; Đi lên (Dã nhân) — Giấc Đông phương (P.Q.V) — Buổi sáng (Lê sơn Tông) — Gửi về cho mẹ (H.) — Những người yêu ra đi (Hoàng Lạc Chương) — Tôn Tản (Lưu Kiều Xuân) — Quê em; Tìm lại dung nhan (Nhất Tâm Phương) — Bài thơ cho bé Huyền Vũ; Mưa chiều Phú Nhuận (Lê Thanh Xuân) — Phấn hoa (Hoài Thương Hảo) — Những chứng bệnh của tình dục; Dạ sầu; Con ngựa; Xem đánh cờ tướng (Mai Vinh Lâm Tuấn Vấn) — Quận lý (Ung Đức Mậu) — Những nguyên tố mới (Trần Thanh Hùng) — Cánh chim qua núi (Thụy Hoàng) — Mây bay (Lam Hà) — Trước mắt (Huỳnh ngọc Sơn).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ *Bách Khoa* mà vẫn chưa đăng (trừ THƠ và trường hợp đặc biệt có

thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— Anh Lê Thành Tôn « Chuyện của Lài » của C.T.N. Minh. Đúng như anh nhận xét, hãy còn non (Võ Phiến).

— Anh Đỗ T. Đức : Rất mong đoạn kết vì nhà in kêu rên quá trời (Võ Phiến)

— Ô. Thiên Thư Trần văn Phối (An Giang) : Xin gửi cho tác phẩm của T.T.V.Đ. chúng tôi sẽ giới thiệu một thể

— Ô. Thủy Triều : Xin cho biết tên thực và địa chỉ hiện-tại để chúng tôi tiện liên lạc.

— Linh Mục Nguyễn Phương (Huế) Đã nhận được thư và bài, xin trân trọng cảm ơn cha. Sẽ đăng trong những số tới.

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn dịch giả và tác giả đã gửi cho những sách sau đây :

— **Đôi bạn chân tình** nguyên-tác của Hermann Hess, do Vũ Đình Lưu dịch, Ca Dao xuất bản và dịch-giả gửi tặng. Đây là bản dịch thứ nhì về tác phẩm Hermann Hess của nhà xuất bản Ca Dao, dày trên 400 trang. Bản đặc biệt.

— **Tiếng hát hoàng hôn**, tiểu thuyết của Phương-Triều, do Sông-Hậu xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 156 trang, giá 76đ.

CÙNG QUÍ BẠN GỬI BÀI

Năm nay *Bách Khoa* số kỷ-niệm 11 năm cũng là số Tết Mậu Thân. Vậy mong quý bạn có những bài về Xuân về Tết, hoặc có những sáng tác nào đặc ý nhất, xin gửi về Tòa soạn *Bách-Khoa* (160 Phan đình Phùng Saigon) trước ngày 30-11-67 để chúng tôi tiện sắp xếp. Trân trọng cảm ơn quý bạn.

Tòa soạn **BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI**

NHÂN CUỘC VIẾNG THĂM VIỆT-NAM
CỦA THỦ-TƯỚNG SATO, THỬ ÔN LẠI:

nền bang-giao Việt-Nhật

● PHẠM-LƯƠNG-GIANG

Sau khi cương-quyết san bằng nhiều trở-ngại nội-bộ, Thủ-tướng Nhật-bản Eisaku SATO và phu nhân đã viếng Việt-Nam, ngày 21 (1) tháng 10 năm 1967. Cuộc công-du ngắn-ngủi, nhưng đượm nhiều ý-nghĩa. Sự-kiện đã nói lên ý chí cũng như thiện-chí của vị thủ tướng nước bạn về nhiều phương diện:

— góp phần vào công cuộc củng-cố an-ninh và hòa-bình tại Đông-Nam-Á, và, nói chung là toàn cõi Thái-bình-dương;

— thắt chặt thân-hữu với các dân tộc Á-đông, củng-cố bang giao với các quốc gia này;

— phát-triển giao thương giữa Nhật-bản và các nước Á-đông;

— và, tuy chẳng nói ra, tương đối nắm lại vai chủ-động trên chính trường Đông Nam Á. Với danh-nghĩa mặc-nhiên này: tìm một giải-pháp khả-di chấm dứt chiến tranh khốc-hại đang tàn-phá Việt-nam cả hai miền Nam, Bắc ..

Ngần ấy mục-tiêu thoát nghe thật

đơn sơ, mà thực ra rất phức tạp, vì đòi hỏi nhiều điều-kiện và can-đảm. Những điều-kiện và can-đảm tiên-quyết cho một hệ-thống tư-tưởng về chánh-trị, đối nội cũng như đối ngoại...

Chúng ta hãy cùng ôn lại chút địa-dư và lịch-sử, ngược dòng thời-gian trước khi trở về hiện tại...

oOo

Lãnh thổ Nhật-bản gồm 1.042 hòn đảo, trong số đó có 4 hòn đảo lớn nhất là HONSHU, SHIKOKU, KYUSHU và HOKKAIDO xếp theo hình cánh cung, theo hướng Tây-Nam Đông-Bắc. Kể toàn thể các hòn đảo lớn nhỏ, hòn đảo cực Bắc cách hòn đảo cực Nam khoảng 4.000 cây số.

Diện-tích tổng-cộng được 368.844 cây số vuông, với một dân-số 98.000.000 người, căn cứ theo thống-kê năm 1965. Riêng thủ-phủ Đông-kinh có 11.000.000 dân. Đề có chút ý-niệm, chúng ta không quên :

VIỆT NAM	diện-tích	dân-số
miền Nam	170.806 csv	15.317.000 ng
miền Bắc	155.228 csv	15.920.000 ng
tổng cộng ,	326.034 "	31.237.000 "

(1) — Cuộc công-du đáng lẽ thực hiện trong 2 ngày 21 và 22, nhưng nay rút ngắn vì nguyên Thủ tướng Yoshida Shigeru tạ thế,

Riêng thủ-phủ Saigon-Chợ lớn, dân-số lối 2.000.000 người.

oOo

Theo tục-truyền, Nhật-bản do nhà vua Jimmu thuộc giòng-giới thần mặt trời Amaterasu lập nên, từ năm 660 trước kỷ-nguyên Thiên-Chúa. Căn-cứ vào nghiên-cứu của một số sử-gia, thì chỉ từ đầu kỷ-nguyên, chúng ta mới có một số bằng-chứng tương-đối khả dĩ xác-nhận Nhật-bản là một « nước » sống trên quần-đảo hiện nay.

Ngay từ những thế-kỷ đầu tiên, chúng ta đã thấy có nhiều liên-lạc giữa Nhật-bản với Trung-quốc và Cao-ly. Tài-liệu Trung-Hoa có nói tới một số « vương-quốc » ở phía Bắc đảo Kyushu và miền ven biển giữa nội-địa, với các « dân-tộc tổ chức thành bộ-lạc, thông minh, lanh lẹn và hiếu chiến ».

Sau đó, lịch sử Nhật-bản chia thành nhiều thời-kỳ đặc biệt :

— thời kỳ Nara (710-794), và Heian (794-1185), chịu ảnh hưởng văn-hóa Trung-Hoa. Năm 710, kinh-đô đặt tại Nara. Năm 794, kinh-đô được chuyển sang Kyoto.

— thời kỳ quân-phiệt : Kamakura, Muromachi và Momoyama, (1185-1600).

— thời kỳ Tokugawa, quyền-chính tập-trung (1600-1868) đặc-biệt vì tình trạng triệt-đề cô-lập.

— thời-kỳ Meji (1868-1912). Nhật-bản đụng-chạm với Tây-phương, nhưng đã khéo tranh-né nên không bị đô hộ, như một số quốc-gia hoàng-chúng khác không may-mắn. Kinh-đô được chuyển từ Kyoto tới Tokyo.

Trong thời kỳ này, sự-kiện đáng chú ý nhất là Nhật-bản đã thức thời, tự ý chấm dứt chánh sách bế-môn tỏa-cảng, vận-dụng hết khả năng để theo kịp các

cường-quốc Âu-Tây. Và kể từ 1912 cho tới ngày nay là thời kỳ hiện-tại mà chúng ta đều biết, Nhật-bản đã nổi tiếng trên thế-giới về đủ mọi phương diện, dù là gặp tuần thái-lai hay trong cơn bi cực. Có thể nói rằng trong suốt tiền bán thế-kỷ thứ XX, hoàng-chúng có được nề vì phần nào cũng là nhờ ở dân tộc Nhật, mặc dù đối với các bạn hoàng-chúng đồng-hành, Nhật-bản không phải lúc nào cũng sẵn mỹ-ý và giàu thiện-chí. Nhưng đó lại là một vấn-đề khác.

Một số sử-gia và chánh trị gia đã chia lịch sử đối ngoại của Nhật-bản ra 3 thời-kỳ như sau :

a). 1890-1945. — Sau khi đã thành công trong việc hủy bỏ các hiệp-ước bất bình-đẳng ký kết với Tây-phương từ năm 1853 dưới thời kỳ Tokugawa, Nhật-bản bèn nghĩ đến vấn-đề mở-mang bờ-cõi. Các quốc-gia nhỏ yếu Á-Phi phần lớn đã bị Tây-phương đô-hộ, chỉ còn một số ít trong đó có nước ở ngay cửa ngõ Nhật-bản, khiến Nhật-bản không thể nào nhắm mắt làm ngơ cho được ! Bởi vậy, nói đến Nhật-bản mở-mang bờ-cõi, tức là nói tới các quốc-gia nhỏ-yếu ở Á-châu, sớm muộn sẽ được Nhật-bản « chiếu cố » nhiều nhất. Rồi mới đến các đất-đai ở xa. Điều đó thật dĩ-nhiên và dễ-hiểu. Và chẳng, có phần đau đớn nhưng cứ thực-tế mà xét, nếu Nhật-bản không chiếu-cố, thì rồi một cu-ờng quốc Âu-Tây cũng sẽ có ngày tới nơi « thăm-hỏi ». (Ta có thể nhớ lại vụ Ý-đại-lợi chiếm Ethiopie năm 1935-36. Còn trường-hợp Thái-Lan ở giữa « Đông-Dương » và Ấn-độ, sở dĩ được tạm yên là vì Anh ở Ấn-độ và Pháp ở « Đông-Dương » đã đố-kỵ và do đó ngăn cản lẫn nhau, đồng ý về điểm đề Thái-Lan ở giữa làm « trái độn ».)

Năm 1894, Nhật-bản và Trung-Hoa xích-mịch về vấn-đề Cao-ly. Và sau đó,

nhân danh hiệp ước Shimoroseki năm 1895, Nhật-bản được quyền chiếm các đảo Formose và Pescadores. Đáng lẽ Nhật còn được quyền chiếm cả Leao-Tong, nhưng một số quốc-gia Âu-Tây đã can-thiệp để dành quyền đó cho Nga.

Năm 1902, Hiệp-ước Anh-Nhật được ký-kết. Nhân-danh hiệp-ước này, Nhật-Bản được toàn-quyền xử-trí về vấn-đề Mãn-Châu. Năm 1904, bất-bình trước sự hiện-diện quá-đáng của Nga tại Cao-ly và Mãn-châu, Nhật-Bản tuyên-chiến với Nga. Sau 18 tháng đo tài thừ sức, Đô-đốc Nhật Togo đã đánh bại hạm-đội Nga tại Port Arthur và Tsushima, khiến Nga phải ký hiệp-ước Portsmouth năm 1905. Đây là lần đầu một quốc gia Hoàng-chúng đã thắng một quốc-gia Bạch-chúng. Nhật-bản lấy lại quyền chiếm-đóng Leao-Tong, và được Nga công-nhận quyền tự-do hoạt-động tại Cao-ly và Mãn-Châu. Năm 1907, Nhật thành-lập nền bảo-hộ tại Cao-ly. Và năm 1910 Cao-ly "được" sát-nhập như một phần của lãnh-thổ phù-tang... Theo chương trình Nhật-bản thì sớm muộn người Cao-ly (Đại Hàn) sẽ thành người Nhật, và xứ Cao-ly sẽ thành một tỉnh Nhật bản.

Sau chiến-tranh 1914-18, vì đứng trong hàng-ngũ Tây-phương, vì có công tham-chiến, Nhật-bản được quyền chiếm đóng Chan-Tong tại Trung-Hoa, và các đất-đai của Đức trên Thái-Bình-Dương như Carolines, Mariannes, Marshall... Sau trận thế chiến thứ nhất, Nhật-bản được kể là một trong số năm cường-quốc trên thế-giới.

Năm 1931, các vụ lộn-xộn tại Mãn-Châu khiến Nhật viện cớ can thiệp bằng võ lực. Năm 1932, Mãn-châu-quốc được tuyên-bố là một quốc-gia độc-lập,



Eisaku SATO, Thủ tướng Nhật bản
Chủ tịch Đảng Dân-chủ Tự-do

— sinh ngày 27/3/1901 tại Yamaguchi, Nhật-bản.

— 1924 : Tốt nghiệp Đại-học Tokyo

— 1926 : lập gia đình

— hiện có 2 con trai, cháu nội trai, 3 cháu nội gái.

Sự nghiệp :

— 1924 : vào làm việc tại Bộ Hòa-xa.

— 1947 : Thứ trưởng Bộ Vận-tải
Tham gia nội các Yoshida thứ nhì (1948) thứ ba (1951) thứ tư (1952). Tham gia nội các Kishi thứ hai (1958) nội các Ikeda (1961 và 1963)

11/1964 : Thủ-tướng chánh phủ.



1/1949 trúng cử Hạ nghị viện, dân biểu tỉnh Yamaguchi ; trúng cử hạ nghị viện lần thứ hai (1952) lần thứ ba (1953) lần thứ tư (1955) lần thứ năm (1958) lần thứ sáu (1960) lần thứ bảy (1963).

nhưng thực ra chỉ là một thuộc-địa của Nhật do phe quân-phiệt chỉ-huy kiểm-soát.

Nhưng sau vụ Mãn - châu - quốc một số người Trung-Hoa tầy-chạy hàng Nhật-bản. Năm 1932, viện có đó, Nhật thị-uy tại Thượng-Hải. Rồi năm 1937, sau khi đã đặt các cơ-sở nội-tuyển, Nhật-bản quyết định một mất một còn, thanh-toán cho xong vấn-đề Trung-quốc!

Năm 1940, đứng trong hàng - ngũ trục Bá - linh / La - mã / Đông-kinh, Nhật - bản đã yêu - sách nhiều đặc-quyền tại Đông-dương khiến cho nhà cầm quyền Pháp thời đó phải từng phen lúng túng và mất thề-diện. Rồi Nhật-bản lâm-chiến, thắng trận anh-hùng và liên-tiếp như dầu loang lửa cháy, suốt từ Đông-dương, Thái-lan, Nam-dương cho tới Miến - điện, Ấn-độ... Nhật-bản nêu thuyết « Khu thịnh-vượng chung Đại Đông - Á », nhưng trong công-cuộc chinh-phục Á-châu, đã không thể che đậy hữu-hiệu các tà-ý dã-tâm của mình, đối với các dân-tộc Á-châu bị - trị... Các dân-tộc Á-châu tâm-trạng khi đó thật tế-nhị và mâu-thuẫn: hải-lòng vì Nhật-bản đã thay mình mà trả thù giùm, nhưng nếu Nhật-bản thắng trận, số phận của mình liệu có đỡ tủi nhục được phần nào chăng?... Coanh-sách thuộc-địa của Nhật-bản tại Cao-ly, ai cũng biết còn hà-khắc hơn cả chánh - sách thuộc - địa của các « mẫu-quốc » bạch-chủng đối với các thuộc-quốc hoàng-chủng !..

Tháng 8, 1945. Hai trái bom nguyên tử thả xuống tàn phá Nagasaki và Hiroshima đã khiến Nhật-bản đầu hàng vô điều kiện. Nhật-bản đã thất trận, với 1.800.000 quân-nhân tử trận, và 40% các đô thị bị san thành bình địa !..

b). 1945 — 1951. — Quân-đội Hoa-Kỳ, nhân-danh Đồng-Minh, chiếm-đóng Nhật-bản. Nhân-tâm ly-tán, thế-sự suy-

vi. Vì đây là lần đầu trong lịch sử Nhật bản, lãnh-thô bị ngoại-quân chiếm-đóng.

Tình trạng tuy vậy, chỉ kéo dài trong mấy năm. Cho tới hiệp-định San Francisco ký ngày 8-9-1951. Hiệp định có hiệu-lực thi-hành kể từ ngày 28-4-1952, đã trả lại cho Nhật-bản chủ-quyền đã mất vì thất-trận.

c). 1951 cho tới ngày nay. — Mặc dầu đất chật người đông, Nhật-bản đã dần dần và chắc chắn, vượt qua mọi chướng-ngại, vận-dụng hết khả năng nhằm kiến-thiết quốc-gia, văn-hồi uy-quyền và uy-tín như xưa, có lẽ còn hơn xưa nữa... Uy-quyền và uy-tín mới này không xây-đắp trên nền-tảng chiến-tranh chinh-phục mà lại nhờ ở công-cuộc chấn-hưng kinh-tế, nhân-tâm, và chánh-trị... Thật là một thành-công rực-rỡ, một gương sáng hãn-hữu...

Đành rằng trong công-cuộc chấn-hưng kinh-tế, mà đi so-g hàng là chấn - hưng nhân tâm và chính - trị, Nhật-bản đã gặp một thời-hội thuận-tiện vô song. Nhưng có thời-hội mà không có khả-năng, thì cũng không hiệu quả. Mà vì vậy, chúng ta phải thành-thực thán-phục, ngợi khen Nhật bản. Năm 1942, kỹ-nghệ và ngoại-thương của Nhật lên đến cực độ. Đều rồi sau cơn chiến-bại, kỹ-nghệ và ngoại-thương đó bị tê-liệt, xuống thấp hơn bao giờ hết. Bổng chiến sự tại Cao-ly xảy ra vào năm 1950-51. Những-quân nhân Hoa-kỳ đóng tại Đại-Hàn, chính đương-sự thăm viếng hay gia đình lưu-trú tại Nhật. Và để thỏa-mãn nhu-cầu quân-sự tại Đại-Hàn, để tránh chuyên-chở xa-xôi tốn-kém và mất thì giờ, đồng thời muốn gián-tiếp nâng-đỡ kẻ thù xưa ngày nay đã trở nên đồng-minh có nhiều khả năng và tiềm-lực, Hoa-kỳ đã đặt làm

các món hàng lớn tại Nhật (kể cả quân xe, quân phục v.v...) khiến nền kỹ nghệ Nhật được hồi-sinh nhanh-chóng không ngờ. Đè rồi một khi đã có vốn, có đà, cứ như vậy mà tiếp tục tiến triển ...

oOo

Chúng ta hãy xét qua về nền kinh-tế và kỹ-nghệ Nhật-bản hiện tiến tới mức nào?

Trước hết, về tài-nguyên thiên-nhiên Nhật-bản chú trọng đến canh-nông. Gạo, lúa mì, lúa mạch, rau, trái cây... vừa để thỏa mãn nhu cầu, vừa để xuất cảng. Sau đến chăn nuôi, trong đó có nuôi tầm để lấy tơ làm lụa; nuôi hạt trai làm đồ nữ-trang, một nguồn ngoại-tệ đáng kể. Rừng gỗ chiếm 2/3 diện-tích toàn-quốc, cung-cấp nguyên-liệu cho kỹ nghệ làm giấy. Nền ngư-nghiệp tổ-chức rất khoa-học. Ngư phủ Nhật không những bắt các cá nhỏ, như cá mòi, các trích... mà còn săn cả cá voi để lấy dầu và mỡ ..

Về kỹ-nghệ, trước hết phải kể xe hơi và tàu thủy. Ngay sau trận thế-chiến thứ hai, Nhật sản-xuất không quá 2000 chiếc xe một năm. Năm 1963, Nhật đứng hàng thứ 5, với 1.300.000 chiếc. Ngày nay, Nhật đứng hàng thứ 3. Và nếu đà này tiếp tục, chẳng bao lâu sẽ xếp hàng nhì hay nhất. Ngoài ra, chúng ta không thể quên kỹ-nghệ đóng xe hai bánh, như Honda, Suzuki, Yamaha... các nhãn hiệu thường gặp hàng ngày. Cỗ phần của công ty thuộc loại này, từ 10 năm nay, giá đã tăng từ một đến mười. Đủ hiểu hoạt-động tiến-triển tới mức nào.

Kỹ-nghệ làm dương-cầm, máy ảnh, truyền-thanh và truyền-hình cũng tấn-phát vô cùng, hàng xuất-cảng không những tại vùng Á-châu, mà còn sang cả tới bên kia Đại-tây-dương và Thái-bình-dương. Kỹ-nghệ điện rất bành trướng, và tương lai còn rất nhiều hứa hẹn. Kỹ

nghệ dệt có một tầm quan trọng đặc-biệt. Nhật-bản đứng hàng đầu về xuất-cảng vải, sợi, hàng nhì về sản-xuất lụa nhân-tạo...

oOo

Sau khi xét qua về địa - dư, sử-ký, kinh-tế Nhật-bản, chúng ta hãy bàn qua về chánh-trị : nội-bộ và ngoại-giao.

Nhật-hoàng là vị lãnh đạo tối-cao, và ngôi báu tại Nhật cha truyền con nối. Nhật-hoàng bổ-nhiệm Thủ-tướng theo đề nghị của Quốc hội và Chủ-tịch Tối-cao Pháp viện theo đề nghị của nội-các.

Quyền lập-pháp gồm hai viện. Hạ-Nghị viện có 486 nghị-sĩ với nhiệm-kỳ 4 năm. Thượng Nghị-viện có 250 nghị-sĩ, với nhiệm kỳ 6 năm; cứ 3 năm bầu lại một nửa.

Quyền hành-pháp có nội các, chịu trách-nhiệm trước Quốc-hội. Thủ-tướng do Quốc-hội chỉ định, Nhật-hoàng bổ nhiệm. Thủ tướng lựa chọn hay chấm dứt nhiệm vụ các bộ trưởng. Các bộ trưởng đều phải là dân sự, và ít nhất một nửa phải là nghị-sĩ.

Quyền tư-pháp hoàn-toàn độc-lập. Các vị thẩm phán cao-cấp do Quốc-hội bổ-nhiệm. Các toà án cấp dưới, thẩm-phán do Quốc-hội bổ nhiệm theo danh-sách của Tối-cao Pháp-viện.

Có 5 đảng phái chánh-trị hoạt động chánh thức :

— Đảng Dân-chủ Tự-do, đang cầm quyền, 273 nghị sĩ. Chủ tịch là ô. Eisaku Sato, đương kim Thủ tướng. Đối-nội chủ trương chấm dứt tham-những và phát-triển kinh-tế. Đối ngoại chủ-trương hợp-tác trên mọi lãnh-vực với các nước Đông-Nam-Á, trung lập đối với chiến cuộc tại Việt Nam, duy-trì hiệp-ước an-ninh Nhật-Mỹ.

— Đảng Xã-hội. (Đổi-lập) 140 nghị sĩ. Chủ-tịch: Ô. Seiichi Katsumata. Đối-nội chủ-trương hạ giá sinh-hoạt. Đối

ngoại chủ-trương trung-lập hóa Nhật, chống chiến-tranh tại Việt-nam, chống hiệp-ước an-ninh Nhật-Mỹ.

— Đảng Dân-chủ Xã-hội. (Đối-lập) 30 nghị sĩ. Chủ-tịch : Ô. Eiichi Nishimura. Đối-nội chủ-trương lãnh mạnh hóa chính-trường. Đối ngoại chủ-trương sửa đổi hiệp-ước an-ninh Nhật-Mỹ.

— Đảng Komeito. (Đối-lập) 25 nghị sĩ. Chủ-tịch : Ô. Yoshikatsu Takeira. Đối nội chủ-trương cải-cách xã-hội, nâng cao đời sống dân Nhật, chế-độ lưỡng-đảng trong Quốc-hội. Đối-ngoại chủ-trương thế-giới hòa-bình, duy-trì Liên-Hiệp-Quốc, đối với chiến-tranh tại Việt-Nam: 2 bên ngưng bắn vô điều-kiện, và triệu-tập tại Tokyo một hội-nghị quốc-tế trong đó có cả Việt-Cộng.

— Đảng Cộng-sản. (Đối-lập) 5 nghị-sĩ. Chủ-tịch. Ô. Sanzo Nosaka. Đối nội chủ-trương chấm dứt tham nhũng, hạ giá sinh-hoạt, nâng cao đời sống. Đối-ngoại chủ-trương chấm dứt hiệp-ước Mỹ-Nhật.

— Khối Độc-lập : 13 nghị sĩ.

oOo

Ngày 14-7-1967, Ngoại-trưởng Takeo Miki đã nêu những nguyên-tắc chính của nền ngoại-giao Nhật-bản tại Á-châu :

— linh-động, mềm dẻo, vận-dụng toàn-thể khả-năng nhằm tái-lập hòa-bình thế-giới, khởi-điểm là ngay tại Á-châu,

— chủ-trương Á-châu thịnh-vượng ; người Á-châu do người Á-châu giúp đỡ,

— giao-hảo với tất cả các quốc-gia, kể cả cộng-sản và trung-lập. Tách kinh-tế ra ngoài chánh-trị.

Thủ-tướng E. Sato đã quyết-định trì-hoãn vô-hạn cuộc viếng thăm Cambodge, vì không thể thỏa-mãn yêu-sách của ông Hoàng xứ Chùa Tháp muốn

Nhật-bản công-nhận biên-giới mới của nước mình như một điều-kện tiên-quyết. Còn thì đi đến đâu, Thủ-tướng cũng cùng với các nhà lãnh-đạo địa-phương bàn-luận về hai đề-tài : HÒA-BÌNH và Á-CHÂU THỊNH-VƯỢNG. Cuộc công-du được chia làm hai đợt. Đợt đầu đi thăm các nước : Miến-điện, Mã-lai-Á, Tân-gia-ba, Thái-lan, Ai-lao. Một cuộc viếng thăm đặc-biệt không nằm trong đợt nào là tại Trung-Hoa Dân-quốc. Còn với đợt hai, Thủ-tướng thăm các nước Indonesia, Úc-đại-lợi, Tân-tây-lan, Phi-luật-tân và Việt Nam.

Thủ-tướng cho biết là với số-lượng sản-xuất hàng năm lên tới 100.000 triệu Mỹ-kim, Nhật-bản đã tiến tới địa-vị một quốc-gia tiên-tiến về kỹ-nghệ. Nhật-bản là quốc-gia độc-nhất tại Á-châu, một khi phục-hưng nền kinh-tế sụp đổ vì chiến-bại, đã với tới tình-trạng kinh-tế phát-triển tốt bực. Do đó, Nhật-bản đủ điều-kiện để hợp-tác kinh-tế với, hay nói đúng ra là giúp đỡ các Quốc-Á-châu kém mở mang.

Nhật-bản sẽ đưa ra một dự-án viện-trợ, trong số có chương-trình xây cất một xưởng ráp xe hơi tại Mã-lai-Á, sửa sang phi-trường Vattay tại Vientiane bị hư vì nạn lụt năm 1966, dựng một đập nước tại Indonesia, lập nhiều trường học tại Phi-luật-tân v.v... Ở đây, chúng ta sẽ chỉ đặc-biệt lưu-ý về vấn-đề giữa Việt-Nam và Nhật-bản.

Quyết-định của Thủ-tướng viếng thăm Việt - Nam Cộng - Hòa đã gây nhiều sóng gió trên chính-trường Nhật-bản. Đảng Cộng-sản cũng như toàn thể các đảng đối lập lên tiếng chỉ trích, cho rằng Thủ-tướng viếng thăm Việt-Nam Cộng-Hòa mà nhất là lại không ghé qua

Hà-nội, như thế sẽ không còn giữ được tính cách trung-lập vô tư cần thiết cho nhiệm-vụ. Nhưng Thủ-tướng cứ lên đường, vì ông cho rằng cần phải quan sát tại chỗ mới có thể nhận định hữu hiệu, và nhờ đó đưa ra những đề- nghị thích đáng, nhất là trung-tâm chiến-sự lại ở miền Nam.

Ngày Thủ-tướng lên đường, những cuộc biểu tình khồng-lồ đã xảy ra tại phi trường Haneda. Một số người chết, một số khác bị thương. Mặc dầu vậy, Thủ-tướng E. Sato vẫn can đảm, và phấn khởi...

Trước đề - nghị lục cá-nguyệt 1964, Nhật-bản chỉ viện-trợ Việt-Nam với tính cách tượng-trưng, phần lớn là trong khuôn khổ kế hoạch Colombo. Nhưng từ năm 1964 trở đi (1964 là năm Thủ-tướng Sato cầm quyền) viện trợ được gia tăng dưới mọi hình thức. Một điểm đáng lưu ý là, vì tôn trọng hiến-pháp ngày 3 tháng 11-1946 cấm chiến tranh và tham chiến, Nhật-bản chỉ viện trợ với các mục-tiêu y-tế, xã hội, canh nông, giáo-dục... chứ không hề hoạt động liên quan tới chiến tranh.

Viện-trợ của Nhật đã thực hiện, có thể tóm tắt như sau :

1) nhân sự. —

- 1962 : chuyên viên về sản xuất sơn,
- 1963 : chuyên viên về ngành gỗ,
- 1964 : giáo sư Nhật-ngữ,
- 1965 : chuyên viên về nhà tiền chế,
: giảng viên Nhật-ngữ,
- 1966 : bác-sĩ tại bệnh viện Saigon,
: phái đoàn y tế,...

2) hiện-kim, vật-dụng.

- 1964 : giúp nạn lụt 10 000 MK,
. 25 xe cứu thương, dược-phẩm, y-cụ, máy khâu thanh, nhà tiền chế, tổng cộng trị giá 1.500.000 MK,

— 1966 : giúp dân ty nạn được phẩm, vải, mền... tổng cộng trị giá 200.000 MK,

- 1967 : dược-phẩm tặng bệnh-viện Chợ Rẫy, trị-giá 8.000 MK,
: y-cụ tặng bệnh-viện Chợ Rẫy, trị-giá 51.000 MK,
: xe «station - wagon» tặng bệnh-viện Chợ Rẫy,
: thỏa - hiệp Việt-Nhật về viện-trợ y-tế, cấp học-bổng (ngiên - cứu, tu - nghiệp) cung-cấp máy-móc, dự-án xây-cát khu giải-phẫu thần-kinh.

3/ giáo-dục. —

- bác-sĩ, y-tá bệnh-viện Saigon và Chợ Rẫy huấn-luyện tại Nhật-bản,
— trong chương-trình kế-hoạch Colombo : huấn-luyện chuyên-viên, 15 sinh-viên du-học...

Viện-trợ do Nhật đang thực-hiện cũng không kém phần quan-trọng. Một đoàn chuyên - viên Thanh - niên Chí nguyện hiện lưu-trú tại nông-trường kiểu-mẫu Phan-Rang. Một ngân-khoản ước 350.000 MK được chánh-phủ Nhật dành cho việc xây-cát khu giải-phẫu và cung-cấp nhân-viên, trang - bị kỹ-thuật...

Ngoài ra, ta không nên quên những chương-trình mới ở trong thời-kỳ dự định hay đang vận - động. Trong số chúng ta phải kể : xây-cát bệnh viện tại Biên - Hòa, thiết - lập trường Cao đẳng nông-nghiệp tại Cần-thơ, viện-trợ kỹ-thuật trường Nông-Lâm-Súc cũng tại Cần-thơ...

Tổng-số viện-trợ Nhật ở Việt - nam trị-giá hơn 3 triệu Mỹ-kim, ấy là không kể bồi-thường chiến - tranh Nhật - bản phải trả cho Việt-Nam, chiếu hòa-ước Nhật đã ký với Đồng-minh.

Nhật-bản đã thuận bồi-thường chiến-tranh cho Việt-Nam tới 39 triệu Mỹ-kim bằng hiện-vật và dịch-vụ, thi hành trong thời-hạn 5 năm, nhân-danh hiệp-ước ký hồi tháng 5-1959. Đồng-thời nhận cho Việt-Nam vay 9,1 triệu Mỹ-kim để phát triển kinh-tế. Nhà máy thủy-điện Danhim được hoàn-thành. Nhiều chương-trình khác được trù-liệu, như công-cuộc dẫn-thủy nhập-điền tại Phan-Rang, khuếch-trương kỹ-nghệ làm giấy, làm thép, làm ván ép, và cung-cấp dụng-cụ vót xác tàu...

Tờ Asahi Evening News gần đây có loan tin Thủ tướng E. Sato dự định tăng gia viện trợ cho Việt nam. Trong số có dự-án về thủy-nông tại Phan-Rang, công-cuộc trị giá tới 10 triệu Mỹ kim. Giới tiếp cận Thủ tướng Sato hy-vọng Nhật có thể góp phần đặc lực vào bài toán bình-định nông-thôn tại Việt - Nam. Nhưng một số chánh khách khác lại lo ngại như vậy có nghĩa là Nhật-bản sẽ gián tiếp tham gia chiến-sự. Các chánh khách này chủ trương Nhật-bản chỉ nên và chỉ có thể viện-trợ Việt - Nam thật hữu-hiệu một khi hòa-bình được hoàn toàn văn hồi. Và trong công-cuộc văn-hồi hòa bình này, Nhật bản có phần tham gia. Do đó, giới Nhật nhìn rộng nghĩ xa, đã bắt đầu nghiên-cứu các chương-trình kiến-thiết Việt-nam và hợp tác kinh-tế Việt Nhật cho thời kỳ hậu chiến...

oOo

Ta nhận thấy Nhật-bản có rất nhiều thiện-cảm với Việt-nam. Thiện-cảm về vị-kỷ cũng có, mà vị tha cũng có. Người hoàng-chúng có cảm tưởng là sau trận thế chiến-thứ hai, người Nhật và nước

Nhật đối với mình có mỹ-ý và thông-cảm hơn xưa. Mặt khác, quan-niệm «thuộc-địa» ngày nay đã trở nên lỗi thời, Nhật bản không thể tính chuyện chiếm-đóng lãnh-thò, sát-nhập đất đai, mà chỉ còn cách khuếch trương kỹ nghệ, phát triển kinh-tế. Với quan-niệm mới-mẻ này, một quốc gia quá giàu mạnh ở giữa nhiều quốc gia nghèo yếu, xét ra sớm muộn sẽ rất bất lợi. Có lẽ vì vậy, mà các nguyên «mẫu-quốc» ngày nay đều thi đua viện-trợ và hợp-tác với các nguyên «thuộc-quốc» của mình: đó là điều mà các nguyên «mẫu-quốc» trước đây đã quá ư sao lãng...

Nhưng có điều chúng ta phải đồng lòng tri-ân Nhật-bản, là Nhật-bản đã đặt vào trong công-cuộc rất nhiều thiện-chí và mỹ-ý. Nhất là từ khi Ô. Sato làm Thủ-tướng thì công-cuộc viện trợ đã gia tăng rất nhiều

Đối với những ai theo dõi một phần nào chánh-trị giữa Việt-Nam và Nhật-bản, chắc khó thể quên thái-độ của Nhật-bản khước-từ đề-nghị của Bắc-Việt hứa sẽ không đòi bồi thường chiến-tranh, nếu Nhật-bản công-nhận Bắc-Việt trên pháp-lý. Trái lại, Nhật-bản đã rất đứng đầu trong việc bồi-thường chiến-tranh Việt-Nam Cộng-Hòa. Không những thế, còn chuyển chánh-sách viện-trợ từ tình-trạng « tượng-trưng » sang tình-trạng cụ-hề và hùng-hậu. Đề đến ngày nay, vận-dụng hết khả-năng, ngõ hầu tìm giải-pháp hòa-bình cho Việt-Nam, và đó là đầu đề cũng như đối-tượng cuộc công-du của Thủ-tướng và phái đoàn Nhật vào cuối tuần vừa qua.

PHẠM-LƯƠNG-GIANG

Đồng bào nhớ đón coi sự tranh tài của tám Quốc-gia trên sân cỏ Việt-Nam vào dịp lễ Quốc-khánh.

của ANDRÉ MAUROIS

NGUYỄN HIỂN LÊ giới thiệu

(Xin xem BK.TĐ. từ số 256)

Thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống

CHÍNH TRỊ

Bạn sẽ làm chính trị không và dưới mặt nạ nào? Không làm chính trị là một cách làm chính trị. Là bảo: « Tôi không quan tâm gì tới châu thành của tôi, tới xứ sở của tôi, tới việc thế giới. » Là tránh né gió ngược, mỗi lúc chỉ tùy theo tư lợi nhất thời của mình mà lựa chọn hoặc chẳng lựa chọn gì cả. Là hi sinh những quyền lợi lâu bền của mình để được một sự yên ổn mong manh, vì những việc của châu thành, của xứ sở của thế giới đó là việc của bạn. Hoặc đó là chính sách của con chó chết bị dòng nước mạnh cuốn đi rồi một làn nước cuộn đánh tấp vào một chỗ nước tù. Nhưng bạn còn sống sờ sờ đấy mà; bạn sẽ lợi; bạn sẽ tự lèo lái bạn; vậy bạn sẽ làm chính trị. Không nhất định là thứ chính trị hoạt động, chiến đấu. Tôi chỉ xin bạn thu thập tất cả những yếu tố cần thiết để phán đoán, tóm lại để làm cái nhiệm vụ công dân của bạn.

Bạn vận động để có một chức vụ gì? Nếu vậy thì bạn phải lựa chọn. Tính tình của bạn cũng có thể hướng dẫn bạn được. Có những « con vật » (1) chính-trị. Nếu bạn thích chiến đấu, nếu bẩm sinh bạn có tài hùng biện, nếu kinh nghiệm cho bạn

thấy rằng mới tiếp xúc với quần chúng, và ở thời này, quan trọng hơn nữa, mới hiện lên trên vô tuyến truyền hình, bạn đã gây ngay được ảnh hưởng, thì tại sao lại không vận động để có một chức vụ? Về chính trị, tôi ưa những nghề không mưu tính trước. Hôm nọ một người đã được bầu làm thị trưởng một thành-thị lớn vì những vôi nước trong phòng tắm ông ta không chảy nước. Ông ta tìm nguyên nhân, kiếm được cách kiêu chính và cải thiện được một công vụ quan trọng của thành thị. Thế là ông ta được dân chúng chú ý tới, tín nhiệm.

Herrid, giáo sư văn chương, hồi mới vào đời, nghĩ tới bà De Récamier (2) hơn là tới cái ghế thị-trưởng thành Lyon. Rồi hoàn cảnh, lòng quý mến của nhân dân trong miền và một giọng tốt đã đưa ông ta lên chức đó. Nó là một bực thang để ông leo lên nữa. Khi ông đã tỏ ra khéo cai trị trong một thành-thị lớn, chính phủ trong thời chiến tranh giao cho ông bộ tiếp-tế. Từ chức Bộ-trưởng lên chức Thủ-tướng, con đường đâu có

(1) Animal: tiếng nói đùa để trò người.

(2) Nghĩa là nghiên cứu về đời bà ấy, một bạn thân của Chateaubriand khi về già.

xa. Nếu do thời vận (và được một bản năng giúp thêm vào) mà bạn đặt được chân lên bàn đạp rồi, thì bạn sẽ theo cái dòng danh vọng một cách tự nhiên, chẳng khó khăn gì cả.

Bạn có mong được quyền hành không nếu nó ở tầm tay bạn? Alain có tài hùng biện, có ý tưởng, có lòng tin, mà quán tuyệt trường Đại học bình dân ở Rouen nhờ phép biện luận bóng bẩy của ông, có thể ấp ủ và thực thi hiện mọi tham vọng được lắm chứ. Nhưng ông tự ngăn cấm mình điều đó. Trước hết ông muốn được là một người tự do. Được một đảng phái chỉ định, được một vị cầm đầu yêu mến nhất thì mất cả tự do, vì phải làm vui lòng đảng và vị cầm đầu, nên Alain không thích. Với lại ông nghĩ rằng cần có những công dân bình thường mà tinh thần sắc bén để giám thị các ông lớn. Và ông muốn làm hạng công dân đó. Cũng do tinh thần đó mà trong thế chiến 14-18, khi tình nguyện đầu quân, ông từ chối mọi thứ lon, trừ cái lon đội trưởng. Tôi cũng như ông ta, đã từ chối tất cả các chức vụ chính phủ tặng tôi, mặc dầu nhiều chức vụ đã cao lại đẹp. Nhưng đó là những trường hợp riêng không thể nêu làm gương được; dân tộc nào cũng cần có những nhà chỉ huy hoạt động. Có lẽ bạn sẽ là một trong những nhà đó.

Nếu quả như vậy thì bạn nên theo sát những công việc thiết thực. Đối với một người cai trị một thành thị, hoặc ngay cả một nước nữa, điều quan trọng không phải là những cái nhãn hiệu mà là những hành động. Đường sá cho tốt, bệnh viện thì tối tân, nhà cửa có đủ cho dân chúng, có sân thể thao, một rạp hát linh động, bấy nhiêu đủ cho bạn thành một thị-trưởng tốt. Sự quốc phòng được chu

đáo, thích ứng, liên minh một cách khôn khéo, ngân sách không thiếu hụt, thuế má không quá nặng, có đủ trường tiểu học, trung-học, đại-học cho trẻ em và thanh niên trong tuổi đi học, một chính sách an ninh xã hội có hiệu quả mà không tai hại cho ngân sách, một sự công bằng cho mọi người, ai cũng như ai, một sự bảo đảm những quyền của con người, như vậy đủ là một chính thể tốt rồi. Bạn hỏi tôi: «Thế thì tôi ở phe hữu hay phe tả, điều đó không quan trọng ư?» Tôi đâu có bảo vậy. Nhưng tôi nghĩ rằng, ở Anh giữa một nhà bảo thủ (ải cách và một nhà lao-động ôn hòa, sự cách biệt không lớn lắm. Trong đảng phái nào (không kể những kẻ điên khùng và những quái vật) cũng có những tâm hồn cao thượng và những quân vô lại. Sự phân loại đó, theo tôi, quan trọng hơn là sự phân loại độc đoán thành đảng xã-hội và đảng cấp tiến, đảng cộng hòa nhân dân và đảng cộng hòa độc lập, M.R.P. và UNR. (3). Bạn đừng làm con người của một bè phái. Quốc gia là một thực thể hợp nhất, sự thịnh vượng của mỗi người tùy thuộc sự thịnh vượng của toàn dân. Những con người cực đoan đã luôn luôn làm hại chính - thể mà họ bênh vực.

Thứ nhất là bạn đừng nên có óc bè phái, có ác ý không chịu xét những thuyết đối lập. Bài xích những kẻ không suy nghĩ như ta, vẫn dễ hơn là đánh đổ chủ trương của họ. Say mê chủ-trương chính-trị của mình, điều đó tự nhiên. Do đời sống của bạn mà bạn sẽ thành một người bảo-thủ hoặc một người phản-kháng. Nhưng bạn nên giữ

(3) Mouvement républicain populaire : Phong trào Cộng hòa bình dân và Union nationale républicaine : Liên hiệp dân tộc cộng hòa

tinh thần sao cho có thể phân biệt được trong tư-tưởng của bạn đầu là chân ti đầu là thành-kiến. Tôi biết nhiều người; cuồng nhiệt bên vực một phương sách khi phương sách đó do đảng của mình đề nghị và tàn nhẫn bài xích cũng phương sách đó khi nó do đảng đối- nghịch với mình đưa ra. Coi chừng đấy. Sự điên khùng và lòng thù oán không tạo được một chính-sách đâu. Chỉ là một đầu mút thôi thì làm sao tỏ rõ sự lớn lao của mình được, phải cùng một lúc rời cả hai đầu và chiếm được cái khoảng ở giữa hai đầu đó nữa chứ». (Pascal)

Tôi đã biết một thời mà ở phương Tây, chính thể đại nghị không bị bài bác. Ở Pháp, cho tới năm 1914, đại khái thì chính thể đó đã thành công. Đế tam Cộng Hòa đã dắt chúng ta tới vực cửa thể chiến thứ nhất với một quân đội ưu tú và những Đồng minh mạnh mẽ. Một người trong chính thể đó đáng được nhận cái biệt hiệu là Cha của Chiến thắng (4) Rồi kể đó là một thời kém rực rỡ. Ở nhiều nước Âu Châu sự hỗn loạn trong các quốc hội đã gây nên những chính sách phát xít, những quyền độc đoán xây dựng trên sức mạnh và bất chấp mọi quyền tự do của con người. Trong lúc đó thì ở Nga người ta bắt dân chúng phải nhận một chính sách khác, cũng không kém độc tài. Những gương ngoại quốc đó đã phá sự thăng bằng bấp bênh của người Pháp. Một số người ở phe hữu thêm chính sách phát xít đang thắng lợi; một số người cực tả từ chính sách xã hội đại nghị nhảy qua chính sách cộng sản của Staline. Vì vậy mà nước Pháp bị chia rẽ, chia xé và tới đầu thể chiến thứ nhì thì suy nhược, mất

tin tưởng. Sau chiến tranh, Đế tứ Cộng Hòa (mặc dầu có vài nhà có giá trị) cho dân chúng thấy rằng nếu nước Pháp muốn có một chính quyền vững thì cần phải thay đổi hiến pháp. Hiến pháp 1958 là đề thỏa mãn nhu cầu đó. Cũng như mọi hiến pháp, người ta có thể giải thích nó đúng hay sai. Cứ như hiện nay thì tôi nghĩ rằng nó là một phương tiện có thể dùng được.

Nó tăng cường quyền hành pháp. Điều đó cần thiết. Các điều kiện kỹ thuật đã thay đổi. Sự tổ chức một quốc gia mỗi ngày mỗi phức tạp, nên cần có những kế hoạch dài hạn. Làm sao có thể thực hiện các kế hoạch được nếu các ông bộ trưởng luôn luôn bị uy hiếp, dời từ bộ này qua bộ khác? Những chính thể dân chủ tây phương của chúng ta vẫn còn mong rằng quốc hội giữ quyền kiểm soát; chúng ta muốn rằng một dân biểu vẫn còn là một người kiên lạc giữa dân và chính quyền, đôi khi là một người bên vực dân nữa; chúng ta muốn rằng tự do tư tưởng và tự do ngôn luận được duy trì; chúng ta muốn rằng nếu dân chúng do những cuộc bầu cử tự do không còn tin cậy một chính thể nào nữa thì chính thể đó phải phải tuân ý dân; chúng ta muốn rằng mọi công dân được bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt sang hèn, chủng tộc hay tín ngưỡng, chúng ta muốn rằng chính quyền nào không tôn trọng nguyện vọng của đa số có thể bị lật đổ một cách hợp pháp; nhưng chúng ta cũng muốn rằng cái quyền được lật đổ chính quyền phải được qui định một cách nghiêm khắc. Một đạo luật về sự li dị không thể cho phép hai bên vì một lúc tính tình bất thường mà phá một giao ước trang nghiêm, tức hôn nhân; một đạo luật

(4) Maurois muốn nói Clémencenu chăng?

hiến pháp cũng phải đứng nên để cho lưỡng viện bốc đồng lên mới được.

Jacques Rueff viết: « Vấn đề chính của chính quyền ở mỗi thời là thăm định cái phân lượng quá khứ có thể chấp nhận trong hiện tại và cái phân lượng hiện tại mà người ta phải để cho nó tồn tại trong tương lai. » Ý kiến đó đúng và bạn sẽ thấy rằng cần phải chấp nhận trong hiện tại một phân lượng khá lớn quá khứ. Một quốc gia không thể bắt đầu tiến từ con số không, cũng không thể từ bỏ hết những cái mà các thế hệ trước xây dựng. Các công trình lớn lao chính là những biểu tượng bền vững đấy. Cách mạng Pháp đã bảo tồn điện Versailles; cách mạng Nga đã bảo tồn điện Kremlin và điện Leningrad. Thời Vương chính trùng hưng và thời Cộng hòa đã duy trì những thiết chế tốt đẹp nhất của thời Đế Chính: quân trưởng, Hội đồng Quốc gia, Đại học, Bắc đầu bội tinh. Thế hệ của bạn cũng nên sáng suốt như vậy. Một chế độ nào đó mà đứng được lâu thì đã là được bảo đảm về hiệu lực rồi đấy. Nó đã gây được những thói quen khó mà nhò đi được. Rán giữ lấy những nghi lễ truyền thống. Nếu bạn bỏ nó đi thì sẽ phải tạo những nghi lễ khác không tốt đẹp gì hơn đâu. Lyautey nói: « Tôi đã ăn hết thịt con tôm rồng, nhưng tôi giữ cái vỏ nó lại ». Bạn nên bắt chước ông ấy; giữ cái cốt cách bên ngoài của cơ cấu quốc gia: như vậy bạn sẽ được tự do nhiều hơn để thay đổi cái gì bạn cho là lỗi thời.

Bạn sẽ muốn mị dân đấy. Chính sách đó đánh vào những dự vọng của dân chúng và để thắng lợi, hứa tất cả những cái mà mọi người mong muốn, mặc dầu kẻ mị dân biết rằng không sao thực hiện được lời hứa của mình. Nói

láo như vậy có thể thành công được nhất thời, nhưng rồi dân chúng sẽ bất bình bùng tình dậy và gây ra hoặc một phản ứng (như ngày Thermidor, Brumaire) hoặc nếu kẻ mị dân mặc dầu thất bại mà vẫn cố bám lấy quyền hành, thì sẽ đưa tới một chính thể độc tài. Vậy bạn đừng ngạc nhiên rằng tôi khuyên bạn tránh mọi lối mị dân. Đôi khi có tạo được những thành công cá nhân, nhưng không bền. « Cối xay của các vị thần xay chậm đấy nhưng xay cừu mịn » Sớm muộn gì thì những lời hứa hảo cũng gây sự bất bình và phản kháng. Xét cho cùng thì chỉ có sự thành thực là thắng lợi lâu bền.

Bạn sẽ thấy rằng sự hiệu quả và sự thuần chính thường xung đột với nhau. Một nhà mác xít mà lòng thuần chính không chấp nhận chính sách nhượng bộ của các người chỉ huy về kinh tế thị trường (5) để cho có nhiều hậu quả. Nhưng nếu không nhượng bộ thị tất cả chế độ sẽ sụp đổ. Những người thuần chính của Cách mạng Pháp đã đẩy Cách mạng vào tay Barras, rồi vào tay Bonaparte. Vậy thì làm sao tìm được cái thăng bằng giữa sự hiệu quả và sự thuần chính? Tất nhiên, tất cả đều tùy thuộc hoàn cảnh, nhưng trước hết bạn phải phân biệt được thế nào là thuần chính thật và thuần chính giả.

Cứ nhất định tuân theo một học

(4) Thermidor: Ngày 27-7-1794 Robespierre bị lật. Brumaire: Ngày 9-11-1799, Bonaparte đảo chánh.

(5) Economie du marché: một chính sách kinh tế chủ trương tự do sản xuất và bán theo nhu cầu trên thị trường, trái với chính sách kinh tế chỉ huy của Cộng sản.

thuyết, bất chấp sự kiện, thì không phải là thuần chính nữa mà là bươn bỉnh. Marx, một người rất thông minh, đã suy luận từ những sự thực về kinh tế ở thời ông ta mà dựng nên một chế độ. Nếu ông được biết những sự kiện mà hiện nay chúng ta thấy thì tất ông sẽ là người đầu tiên sửa lý thuyết của mình. Ngược lại, thuyết tự do thuần túy ngày nay không thể áp dụng được nữa, mà cũng không áp dụng nữa. Chủ quyền đất đai, chủ quyền thương mại đã bị bài bác và sẽ phải tu chỉnh ngay cả trong những nước gọi là «tự do xí nghiệp»

Cổ bệnh vực một chế độ mà chống với kinh nghiệm thì không phải là thuần chính mà là ngu ngốc. Cũng vậy, bạn phải phân biệt hiệu quả thực và hiệu quả giả. Theo cái chính sách bất đắc dĩ liên kết với phe địch nguy hiểm nhất của mình để được đa số, thì không phải là có hiệu quả thực mà là tự đặt mình vào cái tình trạng nguy tạo, bấp bênh không sao cầm quyền được. Phải biết hy sinh cái hiệu quả ngắn hạn cho cái hiệu quả dài hạn.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ
dịch ANDRÉ MAUROIS

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12

KH SỐ 889 872 QCDP

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THẾ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél. 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

SUCCURSALE DE HONGKONG :

*Central Building, Queen's Road Centra
HONG KONG*

**Téléphones : 94 — 6081 (8 lignes
P.O. Box N° 763**

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

*Milton Mansion, 96 Nathan Road
KOWLOON* **Tél. 667.254**

Bureau Permanent Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau périodique «Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Kiamoun Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

B.P. N° 122

★

KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI...

VĂN NGHỆ MIỀN NAM NHÌN TỪ MIỀN TRUNG (6)

Một thời Mới

(Xin xem BK.TĐ. từ số 259)

Đề góp phần tạo dựng văn học Miền Nam, hiện nay còn có những nhà văn miền Trung và miền Bắc.

Những nhà văn miền Trung khoảng từ Thuận Quảng trở vào tiếp tay với Miền Nam là theo truyền thống. Truyền thống ấy bây giờ càng trở nên tất yếu khi cái miền chật hẹp đó không nơi nào hội đủ yếu tố dân chúng và phương tiện để trở thành một khu vực văn-hóa. Cũng như nhà văn Thanh-Nghệ-Tĩnh phải gia nhập vào văn nghệ miền Bắc. Tiếng nói, hoàn cảnh, tâm lý là ba nhân tố khó cưỡng đã xô đẩy đến sự-kiện Quốc gia có hai Miền dù (nhiều khi trừu-tượng) bây giờ gần như không bàn cãi ít ra cũng ở các lãnh vực ngôn ngữ, sáng tác. Mỗi giờ, mỗi phút, những xướng-ngôn-viên trong nước và trên thế giới nếu không nói giọng Bắc phần thì nói giọng Nam phần đã là những lý chứng vô tình nhưng hùng dũng. Lẽ tất nhiên, trước kia Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Quách Tấn đâu có gắng dùng tiếng địa phương đến mức tối đa. Vậy mà khi đặt họ bên cạnh Xuân Diệu Huy Cận-Lưu Trọng Lư, (1) Hoài Thanh, Nguyễn Tuân, Nguyễn Du (Thanh Nghệ Tĩnh) vv... người ta biết ngay họ

là các tác giả Đàng trong. Những nhà văn miền Trung hiện nay như ba chàng họ Võ (tôi được nhắc họ vì đột ngột tôi nhớ ba nhà văn họ Vũ thời tiền chiến miền Bắc : Vũ trọng Phụng, Vũ Bằng, Vũ đình Chí) : Vũ Hạnh, Võ Phiến, Võ Hồng (họ thực và giả) mà nội dung và hình thức hoàn toàn khác biệt nhau, nhưng tôi chắc dưới mắt nhà văn miền Bắc thì họ có chung một thứ giọng. Sự thực, nếu ta sắp họ bên cạnh Bình nguyên Lộc, Sơn Nam và tra xét kỹ về nội dung và hình thức, ta sẽ thấy tất cả đều có nhiều điểm giống nhau, bắt nguồn từ những nhân vật chất phác, giản dị, ít nhiều còn căn bản đạo lý, với một thứ ngôn từ có giọng điệu và thổ ngữ tương tự nhau.

Về nhà văn miền Bắc tiếp tay miền Nam hiện nay thì có thể xem là " thiên tài nhất thì ". Hoàn toàn là do hoàn cảnh xui nên chứ không buộc họ phải vào Nam. Sự tiếp tay đó có hiệu quả rất lớn là làm thay đổi phần nào bộ mặt Văn học miền Nam. Văn nghệ sĩ cũng đem những sở trường tiếp nối truyền thống cũ vào: Tờ chức tuần báo, nhà xuất bản, viết truyện ngắn, truyện dài, kịch, cách minh-họa, trình bày ấn loát phẩm.

(1) Những người đã pha nhiều tính chất Miền Nam.

Những sở trường này là xét về hình thức.

Còn về nội dung thì khi có sự tràn ngập, mạnh ai nấy làm, tất nhiên bên cạnh cái hay cũng không thiếu cái dở. Cái dở lớn nhất là những tuần báo hiện diện gần như chín phần mười chỉ vụ giải trí, không còn tìm thấy tính cách tranh đấu, khai hóa, đưng đầu và giáo dục như những Phong hóa, Ngày nay, Tiểu thuyết thứ bảy, Hànội, tân văn, Trung Bắc chủ nhật, Thanh Nghị... nữa. Về phong độ, tài năng, thì thua xa mà mục đích kinh doanh lại thấy rất rõ ràng (2). Thành ra đó là cái sở trường nổi bật nhất trước 1945 bây giờ trở thành cái sở đoản có tác dụng xấu. Các Nhật báo trình bày, ấn-loát, quảng cáo rất tiến, nhưng nhiều tờ nội dung lại rất vu vơ, nhiều khi hoạt đầu. Nói chung, cũng như các nhật báo do người Nam chủ trương, ngoại trừ vài tờ của một số người có lương tâm, còn thì vì không đại-diện cho một lực lượng thật mạnh nào nên nhật báo hiện nay nặng về bán tin tức mà kém nghị-luận hoặc nghị luận tùy hứng. Về bán nguyệt san, thì có vẻ chững chạc, vững vàng và tương đối có lương tâm hơn. Bài vở thường viết công phu, trình bày cẩn thận và do những người có ít nhiều khả năng chuyên môn viết. Nếu thời 1932-1945 Miền Bắc thành công tuần báo như thế nào thì nay các bạn miền Bắc có thể tự hào tiếp nối phần nào sự thành công đó bằng loại bán nguyệt-san. Ngày trước (3), ngoại trừ nhà Tân Dân với Tạp chí Tao Đàn (chỉ sống có mấy năm) và Phở Thông bán nguyệt san chuyên ấn hành (lậu thuế giấy báo?) những truyện dài, còn thì ít thấy có thứ báo đóng tập như sách này lắm. Trái lại, ngày nay rất thịnh và nhiều tờ tỏ ra cũng sống dai và nghiêm nhiên trở thành một « phái » Văn-học. Truyện

ngắn, truyện dài xuất bản thật nhiều, nhiều nhà xuất bản bắt chước cả phương pháp của Phở - thông bán nguyệt san (can đảm cắt luôn phần báo chí ở đoạn cuối mỗi truyện dài) đề ngang nhiên in sáng tác phẩm, dịch phẩm. Thành ra thị trường bộ-môn này xem ra khá mạnh, nhất là sau 1963. Nhưng cho đến nay, ai cũng thấy ngay là khả năng sáng tác chỉ nặng về lượng, không mấy nặng về phẩm. Hoàn toàn không còn cái không khí sôi nổi, hăng hái, linh hoạt, đa dạng của những nhà xuất bản khác nhau, nhà văn cách biệt hẳn nhau, tác phẩm với nội dung xa lạ hẳn nhau của các nhà xuất bản Đồi Nây, Tân Dân, Lê Cường, Minh Phương, Mới, Cộng Lực, Hàn Thuyên, Mai Linh v.v.. Những truyện ngắn dài của các nhà văn miền Bắc hiện nay có đề tài, nhân vật, hoàn cảnh, ngôn từ phẳng phất giống nhau, phần nhiều là người trong đô-thị, thiếu niềm tin, không tích cực, hay tìm hiểu thân phận con người, nặng dâm tính, loanh quanh luẩn quẩn, triết lý vẩn vơ, khiến cho bộ môn ấy kém hẳn phong phú, không khơi cho độc giả lòng hăng hái hoạt động, say mê, yêu đời, thích xê-dịch, hiểu giá trị lao động, yêu mọi cảnh sắc, sinh hoạt đất nước như trước. Nhiều trường hợp, tiểu thuyết nghèo nàn đến cái độ không còn chút sinh khí, do đó cái triết lý nào

(2) Tuy vậy, nếu xét riêng về phương diện kinh doanh tuần báo, tôi thấy nhiều tờ số bán không thể nào so sánh với một số tạp chí phụ nữ của miền Nam. Có thể nói là kém xa lắm.

(3) Tôi không hiểu Thanh Nghị là tuần-báo hay bán-nguyệt-san, nhưng thể thức vẫn là tuần báo khổ lớn. Còn những sách của nhà Hàn-Thuyên có nằm trong loại định kỳ nào không.

nó muốn trình bày cũng trở thành mất hết nhựa sống.

Bên cạnh những sở trường sở đoản, cái hay, cái dở đó, miền Bắc còn tiếp tay cho miền Nam một cái vốn hết sức quý giá : đó là người có nhiều kinh nghiệm về tổ chức, ấn hành, phát hành, có khả năng nghiên cứu sáng tác đã có thành tích vững vàng: Trần Tuấn Khải, Vi Huyền Đắc, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hoàng Chương, Lãng Nhân, Vũ Bằng, Nguyễn Hiến Lê, Giản Chi, Lê Văn Siêu, Nguyễn Đức Quỳnh, Vũ Đức Diên... Những nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo này còn đầy lương tri, dù không làm gì thì ít ra cái kinh nghiệm của lớp trước cũng quý giá đối với lớp sau rất nhiều. Nhờ họ mà ngành sáng tác, ấn hành, xuất bản, biên khảo, dịch thuật, đã được đẩy mạnh như chưa hề thấy. Sự hiện diện của họ có lẽ cũng kiếm hăm được phần nào cái hăng vô lý, cái tinh thần vô trách nhiệm, bừa bãi, cái bướng bỉnh, cầu thả của một số trẻ.

oOo

Trên kia tôi nói sự tiếp tay của miền Bắc là thiên tài nhất thì. Nhưng đó là đối với lớp đã lớn tuổi, còn đặc giọng Bắc, còn lấy sự nhớ Hà-nội làm một điểm sáng trong đáy hy vọng trở về. Với lớp trung niên, giọng Bắc ấy không còn thuần túy, đã pha rồi. Người miền Nam có câu «chửi cha không bằng pha tiếng», nhưng đó là lối pha để điều cợt hay cố ý pha cho dễ «thông cảm» (tuy càng thêm khó hiểu nhau hơn). Còn lối pha này là sự tự nhiên do đời sống đưa đẩy đến mà có. Lớp nhỏ thì không pha nữa. Họ cũng không có quá khứ Hà nội nào để mà nhớ nhung. Hòa bình rồi, nếu họ có về Bắc thì cũng chỉ để thăm qua cho biết. Bây giờ thì họ là những đứa con của miền Nam, gắn chặt đời sống,

tiếng nói, hy vọng, cùng miền Nam thẳng thắn, miền Nam yêu dấu, Miền Nam quê hương đích thật của họ. Sự tham gia triệt để của lớp trẻ đó, trong vòng năm, mười năm nữa, vào văn nghệ là một bước tiến lớn cho Miền Nam. Vì sự tham gia đó là thiết thân, là bản nhiên, là tự tại, do thế không có tính cách «khách và chủ» như hiện tại.

oOo

Hiện tại, dù muốn dù không, các nhà văn nghệ miền Nam cũng phải thấy vai trò chủ động đối với đất nước trong khu vực tiếng nói của mình. Bởi không có lực lượng tiếp tay nào qua được lực lượng chính yếu nòng cốt. Bởi không ai có thể thay cho các nhà văn ấy để đi thẳng vào đời sống quần chúng miền Nam. Hiện đời sống đó phải là Hồ Biểu Chánh, là Phi Vân, là Sơn Nam, là Bình Nguyên Lộc, là Ngọc Linh, là Võ Phiến, là Vũ Hạnh là Võ Hồng, là Cô Vân Trang... Rung động với đồng bào miền Nam, lo lắng, đau xót, thấm thía theo những thăng trầm của họ không thể là những người chỉ biết họ khi đi qua, mà phải đã từng chung đụng, thất bại, chiến thắng nhiều năm theo cuộc đời thăng trầm của họ. Nói tiếng nói miền Nam, cũng không ai có thể nói như người miền Nam, nói bằng cố gắng lười thuận lợi, phát tự tấm lòng thành thật chất phát hồn nhiên. Ông Dương Nghiễm Mậu, một nhà văn miền Bắc, đã vào Nam khá lâu. Vậy mà cách đây vài năm, khi ông sửa chữa một tác phẩm trong có những người miền Nam và miền Bắc chung sống, sinh hoạt với nhau. Đọc lại, tôi thấy những đối thoại dành cho những nhân vật người Nam không được tự nhiên, nhiều khi khô cứng gượng gạo và nhất là nó không thật, không sống. Sửa đi sửa lại tôi vẫn không

sao bắt được cái cách nói hồn nhiên đặc biệt, cái lối nói lấp lửng trong một âm điệu thật mềm, thật ngọt của nó. Dù đã cố gắng nghe, sống, ghi nhớ tôi vẫn không sao viết được những đối thoại có thể chấp nhận được, nói theo một anh bạn, nó vẫn thòi ra một cọng rau muống dài thòng. Sự kiện này tôi còn thấy trong nhiều tác giả sinh trưởng tại miền Bắc khi viết về những nhân vật miền Nam, trong nhiều trường hợp dù đã được viết một cách thật khéo léo vẫn lộ ra những tỳ vết (4).

Đó là chỉ viết cái đã biểu lộ hẳn ra bên ngoài còn khó như thế, bảo làm thế nào viết những cái bàng bạc trong đáy tâm hồn, trong tiềm thức? Mà nhà văn thì phải biết, biết hết. Viết văn như Vũ Trọng Phụng viết về người miền Bắc, nếu không lăn lóc trong cuộc sống đó, biết nó rõ như biết cái mặt vợ mình, thiết tưởng không làm sao viết được. Mà không viết được như thế thì chắc không bao giờ đạt được chỗ thâm viển. Vũ Trọng Phụng là nhà văn miền Bắc tiêu biểu nhất, rồi cũng do sự kiện đó, ông là một nhà văn Việt Nam tiêu biểu nhất. Đó một chân lý dân dị nhưng là chân lý vinh viển. Phân chia không phải để phân chia mà chính là để thống nhất trong đa dạng tính của nó.

Nắm cái lợi - khí lớn lao đó, nhà văn Việt Nam ở miền Nam phải cố gắng phát huy cái lợi thế có một không hai của mình. Mà cũng do đó, cái trách nhiệm càng trở nên lớn lao, sấu sắc, trách nhiệm không chỉ đối với trí thức - lại càng không phải đối với trí thức mơ hồ, vô bổ, nguy hiểm cho một xứ nông nghiệp lạc hậu, kỹ-nghệ chậm tiến - mà chính là đối với quảng đại quần chúng, như truyền thống các nhà văn nghệ sĩ miền Nam.

Nhà văn miền Nam vốn ở một xứ sinh sau đẻ muộn nên thường có tự ti. Hoa kỳ sinh sau Anh, Pháp, và chúng ta vẫn có thành kiến cho văn nghệ Pháp là bậc thầy. Nhưng chính những bậc thầy Pháp (5) ấy phải rút những bài học vô cùng lớn lao của những văn sĩ thời Nga hoàng mà dân chúng là nông dân lạc hậu, những văn sĩ Mỹ quốc không phải ở tình trạng hùng mạnh hiện thời mà là tình trạng kiến tạo từ khoảng bốn mươi năm lại đây, dân chúng còn sống đời sống văn hóa đôi khi rất thấp kém (6). Điều quang trọng đáng chú ý là phần lớn những tác giả Nga và Mỹ này sở dĩ lớn lao không phải vì họ viết những thứ văn siêu-hình, cao kỳ, trí thức gì mà chỉ thể-hiện đời sống của những người phải phấn đấu để tồn tại, để tiến bộ, dù người ấy là nông dân hay trí thức. Đọc Tolstoi, Dostoievsky, Pouchkine, Tourgueniev Gorki của Nga, đọc Hemingway, Steinbeck, Cadwell, London Melville của Mỹ, ai cũng nhận thấy ngay, thấy dễ dàng đời sống quần chúng, lao động, chiến sĩ, tiểu tư sản, đặc biệt hình ảnh nông dân nơi nào cũng hiện ra, có khi tràn ngập cả những bộ sách vĩ đại.

Nhà văn miền Nam ở một vùng đất đai giống hệt Hoa kỳ, thật thuận lợi để tìm đề tài trong cuộc sống rất lớn lao, thay đổi, với tinh thần tiên phong tuy chật vật nhưng hứa hẹn đầy phần thịnh đó. Một số bài khảo cứu và truyện của Sơn Nam, Bình nguyên Lộc, Phi Vân đã dẫn ta đi vào phần nào chiều sâu cuộc sống phấn đấu của nông dân miền Nam. Hình như đó là điểm dẫn khởi hết sức

(4) Văn 80

(5) Gide chịu ảnh hưởng Nga, Camus Sartre chịu ảnh hưởng Hoa-Kỳ.

(6) Tiêu biểu nhất là tiểu thuyết của Cadwell như Con đường thuốc lá, Mẫu đất thiêng,

quan trọng để các nhà văn miền Nam tìm về vinh quang! Chắc hẳn nơi đó là nguồn cung cấp những tài liệu lớn lao quan trọng nhất cho các tác phẩm lừng danh sau này và sẽ ảnh hưởng đến toàn thể năng lực sáng tác văn sĩ Việt-Nam. Miền Nam với đời sống phấn đấu của nó là thơ, là truyện, là kịch, là phóng sự, là biên khảo vốn có sự thành công tự thân. Văn nghệ sĩ miền Nam mang cái thiên tài hồn nhiên của mình để khai thác thì sự thành công chỉ còn là vấn đề thời gian.

Có lẽ bất kỳ quốc gia lớn nào hễ có kinh-đô ở miền Bắc (mà phần lớn quốc gia thế giới kinh-đô nằm ở miền Bắc) thì văn hóa tập trung ở đó rồi mới chuyển lần về phương Nam. Danh ngôn Tây phương có câu 'ánh sáng đến từ phương Bắc'. Nhưng khi ánh sáng của Phương Bắc bớt tỏ rạng và phương Nam đủ sức vùng vẫy thì nó thường tự phát-sinh nền văn nghệ lớn mạnh, ảnh hưởng lại phương Bắc. Ngay cạnh Saigon, các rạp hát Chợ-lớn vẫn diễn Quảng Đông hí, chính là loại tuồng phương Nam đã rạng rỡ một thời dưới hạ bần kỳ nhà Thanh trên toàn cõi Trung Hoa. Nước Pháp với nền văn học sán lạn mà chúng ta quá quen biết, bao trùm toàn quốc bằng chuyện ngữ «Oil», thế mà phương Nam vẫn còn những Félibre, tức thi, văn sĩ viết bằng tiếng «Oc», một thứ tiếng đã từng một thời bành trướng ở miền Nam trước khi bị tiếng «Oil» «khai trừ»; Roumanille và Mistral là những tác giả lừng lẫy của tiếng phương Nam này. Về phần Huế Kỳ, quốc gia

rộng lớn đó lẽ tất nhiên cũng có «hệ phái» phương Nam. Tác giả William Faulkner, thường được nhắc nhở ở Việt Nam, cũng là một tác giả đáng cho văn sĩ miền Nam nghiên cứu. Những «tiểu thuyết nông dân» của ông ngoài sự miêu tả mãnh liệt và chân xác cảnh trí, điều kiện sinh tồn của toàn dân ở xứ giàu bông vải và bắp, còn có giá trị thẩm mỹ rất cao. Vượt lên trên giá trị «xứ lạ» chính là phẩm chất và chân lý nhân bản làm cho rung động lòng người. Ngoài ra, phương pháp đối thoại nội tâm của ông cũng được các tác giả hiện-sinh lừng danh học hỏi. Đối với những «phương Nam» đó, phương Nam của chúng ta hiện thời còn quan trọng hơn nhiều vì nó chính là một «quốc gia» dù chỉ tạm thời. Tạm thời bởi vì cũng theo kinh nghiệm các nước trên, Trung Hoa, Pháp, Hoa Kỳ, những sự phân chia Nam Bắc, dù khốc liệt đến đâu, đến một lúc nào đó cũng phải thống nhất như nước ta thời. Trịnh Nguyễn từng chứng tỏ.

Văn nghệ sĩ miền Nam! Anh đã thấy bồn phận trách nhiệm của anh rồi, anh còn chờ đợi gì nữa?

Quảng-đại quần chúng từ Bến-Hải đến Cà-Mau đang đổ mắt chờ anh! Toàn thể nhân dân toàn quốc cũng chỉ trông chờ vào các anh để có sự thông cảm lớn lao giữa hai miền dân tộc khi Hòa-bình trở lại trong sự Thống-nhất.

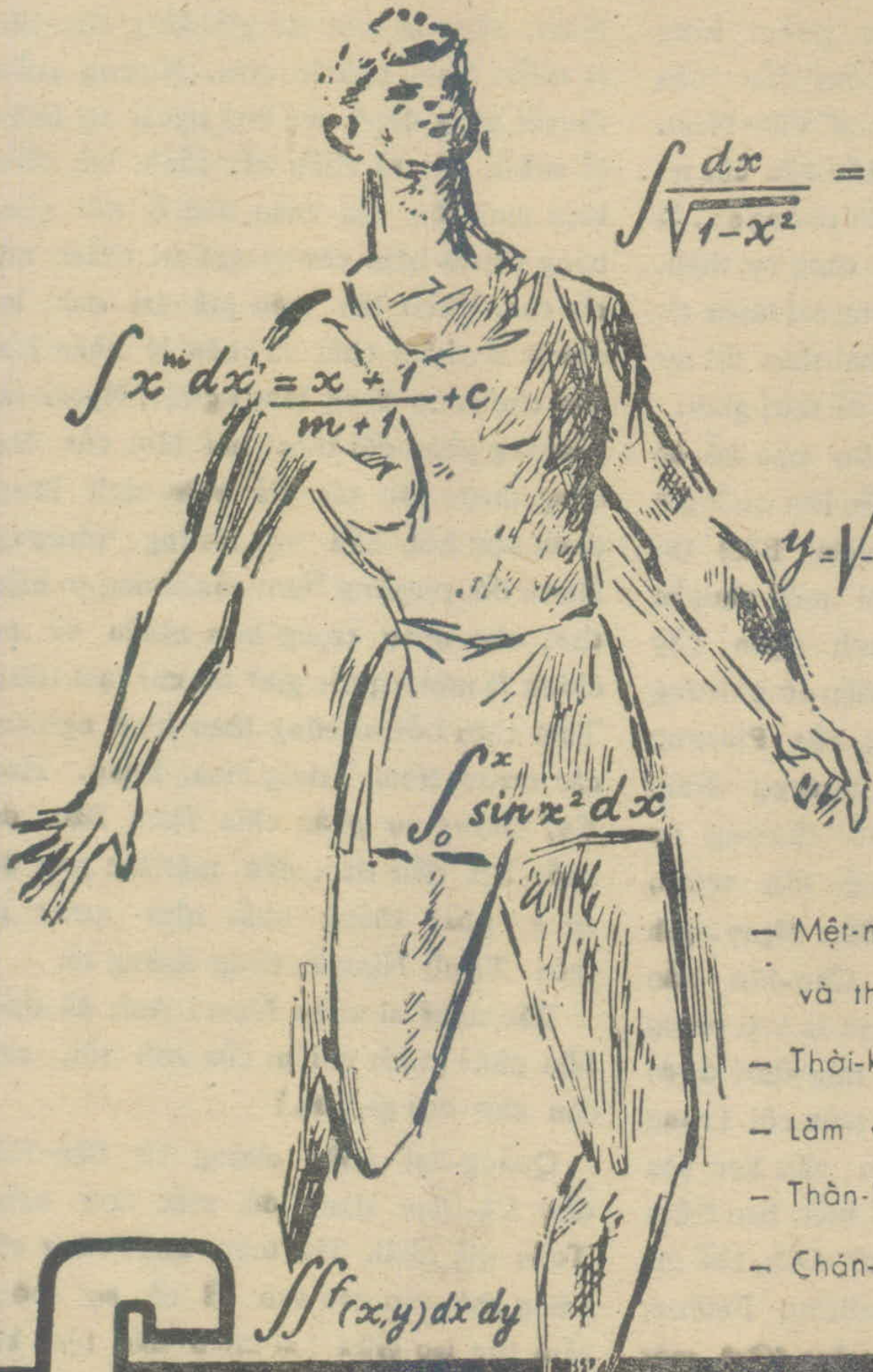
NGUYỄN VĂN XUÂN

những ngày trên giường bệnh
Hè 1967

NHÀ MAY : BẮC HẢI

Tốt nghiệp tại Ba-Lê
778 Phan Thanh Giản Saigon

Chuyên may Âu phục — Hợp thời trang — Giá phải chăng



$$\int \frac{dx}{\sqrt{1-x^2}} = \arcsin x + c$$

$$\int x^m dx = \frac{x^{m+1}}{m+1} + c$$

$$y = \sqrt{-\frac{9}{2} + \sqrt{\frac{9^2}{9} + \frac{4^3}{27}}}$$

$$\int_0^x \sin x^2 dx$$

$$\iint f(x,y) dx dy$$

- Mệt-mỏi thân-thể và thần-kinh.
- Thời-kỳ dưỡng bệnh
- Làm việc trí óc quá sức.
- Thần-kinh yếu-mệt
- Chán-nản.

S CORBO-TONIC

MÙI THƠM - KHÔNG ĐỘC

TỔNG PHÁT HÀNH
VIỆN BẢO CHẾ O.P.V.
34 Nguyễn Huệ Sài Gòn



NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

● ĐOÀN - THÊM

THÀNH LẬP CỘNG - HÒA

Khi một cuộc cách-mạng thành công, chế-độ mới thường được xây dựng trên căn-bản lý-thuyết sẵn có của những người hay nhóm lãnh-đạo. Đó là trường-hợp Cộng-Hòa Xã-hội Pháp 1848, Trung-Hoa Dân-quốc 1911, Nga-Sô 1917, Ý Phát-xít 1922, Đức-Quốc-Xã 1933, dân-chủ Cộng-hòa Cuba 1960 v.v... Giành quyền để thực hiện chính-kiến hay chủ-nghĩa, là mục-đích dĩ-nhiên và tối-hậu của sự tranh-dấu.

Nhưng cũng có khi người nhảy ra giằng lấy trách-nhiệm, chưa có định-kiến chánh-trị nào rõ-rệt, chỉ vội nhằm một mục-tiêu thiết-thực hoặc cấp-bách, như lật đổ một chánh-quyền bất-lực hay bạo-ngược; rồi nếu cần kiến tạo một chế-độ khác thì sẽ liệu sau : trường-hợp tướng Franco 1938. Khi xuất quân từ Maroc về Tây Ban Nha chống chánh-phủ Cộng-hòa, ông chỉ mồn dẹp Cộng-sản để cứu vãn một tình-thế hỗn-loạn. Song đến khi chiến thắng rồi, ông lại bị lúng túng trước vấn-đề chế-độ.

Tuy ưa quân-chủ, ông chưa thể phục hưng triều-đại Carlos, mà uy-tín đã bị tổn thương quá nhiều, nhưng ông cũng không trả quyền cho dân vì lo nạn Mác-Xít. Rút cuộc, chế-độ thành lập từ 30 năm nay vẫn chưa thể định nghĩa : không quân-chủ không dân-chủ, chẳng có vua nhưng quốc-trưởng nắm quyền lớn của vua thời trước, và cho tới ngày gần đây, dân không được quyền bầu cử. Một chế-độ như vậy không thoát thai từ lý-tưởng chính-trị, nhưng từ những sự-kiện thực-tế tạo nên hoàn-cảnh đặc-biệt của Tây-Ban-Nha.

○○○

Sau 1948, VN đã lâm vào tình-trạng nào ?

Chế-độ Bảo-Đại không sinh sản từ một lý-thuyết nào hết, chỉ dựa trên một truyền-thống lịch-sử lỗi thời và một chính-nghĩa quốc-gia mà chưa ai minh định. Chánh-thê thiếu tính-cách căn-bản đến nỗi nguyên-thủ không biết tự xưng là gì cho phải, đành mang danh-hiệu hàm hồ là Quốc-trưởng. Nền tảng pháp-ly cũng chưa đủ nếu không thiếu hẳn. Ông Bảo-Đại được thỉnh về do các đại-diện của nhiều đoàn-thê, song các đoàn-thê này chưa phải là đa-số quốc-dân. Quốc-gia VN và chánh-quyền Bảo Đại được nhiều nước thừa nhận, nhưng sự-kiện này, tuy là một lợi-điểm về chánh-trị quốc-tế, vẫn không thay được sự chấp-thuận của người dân trong nước, vì theo nguyên-tắc dân-tộc tự-quyết, chỉ người dân trong nước mới có quyền chọn chánh-thê và người lãnh-đạo.

Năm 1948, không có anh-hùng tạo nên thời-thế, không có lý-thuyết biến thành thê chế, chỉ có những nhu-cầu của một cuộc-diện xô đẩy tới một giải-pháp tạm

thời. Các vai trò chính cũng không hề tỏ rõ có chủ-trương hay ý-thức nào đối với tương-lai của quốc gia VN và xã-hội VN; rồi bị dồn vào công việc cấp-bách hàng ngày, chẳng ai còn đầu óc để suy nghĩ về các vấn-đề lâu dài. Thời-gian qua, qua khói và lửa, nên tới 1954, vấn-đề cốt-yếu về chế-độ và chánh-thể vẫn còn nguyên vẹn. Hồi đó, nhiều người phàn nàn rằng trên chính-trường, có chỗ trống rỗng vì thiếu triết-lý, một triết-lý không phải Mác-xít và còn có thể lôi cuốn ra khỏi Mác-xít.

oOo

— «Trước hết phải có triết-lý. Triết-lý là hồn. Hồn hiện ra Hiến-pháp và Chính-sách. Hiến-pháp định rõ các mục-tiêu chung, đặt căn-bản tổ-chức quốc-gia rồi mới đến việc tổ chức guồng máy. Chánh-sách vạch rõ đường lối phải theo, đề lập kế-hoạch, định chương-trình, và những thể-lệ thi-hành mà đạt các mục-tiêu của Hiến-pháp. Cộng-sản nó hơn mình ở chỗ đó. Mình cứ đặt con bò trước cái cây hay con người trước con bò. Hỏi những ông làm luật dựa vào đâu mà làm như thế ni thế khác, thì áp a áp ứng. Thiếu triết-lý. Còn về thi-hành, hỏi vì sao, thì nói Tổng-thống bảo thế, Tổng-thống dạy thế. Đừng có đưa Tổng-thống ra làm khiến làm mọt. Cho chỉ-thị, là cho biết nguyên tắc. Rồi phải xem cần làm sao để đạt nguyên-tắc đó, bèn-phận thừa hành như vậy. Nếu không biết liệu sao, mà tại thiếu triết-lý hiểu triết-lý, thì sẽ dò ra lấy, mà trúng. Chánh-sách là chánh-sách chung: rồi ở Canh-nông khác, ở Tư-pháp khác, ở lãnh vực nào phải tìm cách chăm chú cho thích ứng. *A la letre*, nhắm mắt vâng dạ rồi làm máy móc, rồi lại đổ cho Tổng-thống. Bảo đừng nêu Tổng thống nữa, thì đổ cho «Thượng-cấp». Công-bằng xã-hội mà làm giấy miễn cho những anh có học có tiền. Mình có học là bởi cha mẹ ông bà có tiền cho ăn học chứ mình hơn gì ai. Thiếu triết-lý Bảo sửa soạn Hiến-pháp, thì cố đi tìm mấy Hiến pháp của Tây. Không hiểu triết-lý, thì đem 100 Hiến-pháp về đọc 100 năm cũng chẳng tới đâu...»

Đại-khái như trên, là những lời mà ô. Ngô đình Nhu, Cố-vấn Chánh-trị, đã nhắc vài lần từ cuối 1955 cho một ít người, khi vấn-đề chế-độ và chánh-thể đang được chú trú trọng hơn hết.

Triết-lý chánh-trị mà ông muốn đưa ra, đã được tóm tắt trong đoạn mở đầu và phần căn-bản của Hiến-Pháp 20-10-1956; lại được nhấn mạnh trong nhiều diễn-văn huấn-từ của nhà lãnh-đạo hồi đó, hoặc phổ biến trong các lớp giảng dạy lý-thuyết Nhân-vị. Nên nhiều người hẳn không lạ gì những ý-tưởng hòa đồng con người với thần-linh, cá-nhân và tập-thể, nhu-cầu thể-chất và các giá-trị tinh-thần.... để bước tới một xã-hội trong đó mọi người mọi lớp đều được những điều-kiện tương-đương mà tiến.... Công-bằng xã-hội, cộng-đồng đồng tiến v.v. đã thành những khẩu-biêu chánh-thức.

Tuy-nhiên, những ý-tưởng này chỉ thể hiện ra hai thiên đầu của Hiến-Pháp 1956. Còn ở phần cơ-cấu chánh-quyền, nghĩa là khi chuyển sang phần ứng-dụng, và nếu xét về mặt công-pháp, thì rất khó thấy tương-quan gì giữa lý-thuyết

Nhân-vị và các guồng máy quốc-gia. Bởi thế, năm 1956, tôi không khỏi hoài nghi, tuy một số người hài lòng vì cho là lần đầu tiên chúng ta mới kiến tạo được trên một căn-bản triết-lý chính-trị vững vàng. Trái lại, tôi chỉ ghi nhận *áp-lực rất mạnh của thực-tế*, của nhân-vật và thời-cuộc, trong việc xây đắp móng nền của chế-độ.

oOo

Chẳng hạn, có liên-hệ nào giữa Tổng-thống-chế và lý-thuyết Nhân-vị? Không biết Nhân-vị, Hoa-kỳ đã đặt thề-chế đó và theo từ ngày lập quốc, gần 2 thế-kỷ nay. Vậy nên tìm nguyên-do ở phía khác, ở tâm-lý người trong cuộc và hoàn-cảnh 1954-55.

Hồi đó, nhờ tình-thế, ô Ngô Đình Diệm đòi được toàn-quyền dân-sự và quân-sự. Đã quen rộng tay hành động suốt hai năm, chẳng khi nào ông chịu biến thành một quốc-trưởng chỉ có nhiệm-vụ ký giấy, gắn huy chương, hay đi đặt những viên đá đầu tiên. Ông lật đổ nhà Nguyễn, nhưng không thể còn xưng Đế như Tây-sơn Nhạc, hoặc tự tôn làm một Thủ lãnh độc-tài như Hitler. Ông phải thành lập Cộng-Hòa, mà ở chánh-thề này, thì nhiều quyền nhất, chỉ có Tổng-Thống tương-tự như của Hoa-Kỳ. Ấy là chưa kể ảnh-hưởng của các thân-hữu Mỹ và cố-vấn Mỹ được ông tin dùng.

Nhưng ngoài sự-kiện đó, còn nguyện-vọng chung của rất nhiều người, là có một chánh-phủ vững mạnh để giúp dân. Xứ-sở bị cắt đôi, còn một phần lại bị xâu xé vì nạn tranh-chấp đảng phái, thì dù ai phải ai trái, người dân cũng mong muốn một nội-tình ổn-định để trở lại cuộc sinh-hoạt điều-hòa. Ngót triệu người di-cư càng khao khát an-ninh vì bỏ quê quán vô đây, tất-nhiên không phải để tìm nơi nhiều loạn. Có những người quá bức vì những sự chia rẽ lục đục, đã nói hẳn ra: sự ổn-định cần được thực hiện bằng mọi cách, nếu không thể đoàn kết, thì đành dùng võ-lực; Ông Diệm hay ông nào khác cũng được đi, ai khoẻ hơn thì giăng hẳn được quyền mà làm việc cho dân đỡ khổ.

oOo

Hành-pháp phải mạnh: trong chánh-quyền và giữa dân-gian, ý-kiến kia được chấp nhận dễ dàng, bởi cả những người không hiểu Nhân-vị là gì hết.

Song dù mạnh, chánh-phủ cũng sẽ phải thực-thi dân-chủ: tới đây, dư-tuận phân chia theo hai ngã.

Đối với nhiều người ở ngoài chánh-quyền, nhất là trong các đoàn-thể chính-trị, thì người cầm quyền phải mạnh để phục vụ dân-chúng, không phải để củng cố thế-lực mà phụng sự quyền-lợi của mình và của đảng-phái mình. Và lại, muốn mạnh, các biện-pháp của chánh-phủ phải được sự ủng-hộ của các đại-diện dân, nhưng sự ủng-hộ này chỉ có giá-trị nếu thành thực. Nên người thay mặt dân phải tự-do phát biểu ý kiến và đối lập được nếu cần. Vậy Quốc-hội phải do dân tự-ý bầu lên. Có như thế, chánh-sách và luật-lệ mới phản ảnh dân-nguyện và thích hợp với nhu-cầu chung.

Quan-điểm này, mà các chuyên-viên Hoa-kỳ cũng tán thưởng, lại không được sự đồng ý của nhiều người ủng hộ chánh-phủ đương-thời: theo họ, về lý thuyết, thì không thể chê trách, nếu thực hiện được, thì còn gì bằng, nhưng trong thực-tế, khó chấp nhận lắm.

Vì trong hiện-tình, số đảng phái quá nhiều, nếu để dân bầu tự-do như ở nhiều xứ khác, thì Quốc-hội sẽ phân tán ra hàng chục phe nhóm, khó thỏa thuận đối với các vấn-đề trọng-yếu, khó phối hợp thành một đa-số cần thiết để giải quyết kịp thời những việc khẩn-bách. Tổng-thống-chế không thể đi đôi với chế-độ đa-đảng, vì sự tập-quyền ở hành-pháp sẽ gặp nhiều trở-ngại do sự phân-hóa ở Lập-pháp. Chúng ta phải cố tiến tới chế-độ lưỡng-đảng như ở Hoa-Kỳ hay ở Anh.

Nhưng nguy-hại nhất, là nếu cho bầu tự-do, thì cử-tri ở thành-thị dễ bị Thực dân mua chuộc, và cử-tai tại ở nông-thôn dễ bị Cộng-sản lôi cuốn: không ai có thể phủ nhận sự đe dọa này. Một quốc-hội gồm đa số tay sai Thực Cộng, thì đại-biểu của các đảng phái khác sẽ bị tràn ngập. Những người ngoại-quốc không hiểu nổi thực-trạng VN, mới nghĩ rằng cuộc tuyển-cử phải được và có thể được tự-do như ở nước họ,

Tóm lại, guồng máy Hành-pháp và Lập-pháp cũng như đường lối căn theo để nắm vững tình-thế, chẳng mang dấu vết nào dễ nhận của triết-lý chánh-trị mà người cầm quyền muốn đem ra thí nghiệm: chỉ thấy những đòi-hỏi của thực-tế phức-tạp, một thực-tế không dung thứ lý-thuyết? hay một thực-tế được viện dẫn để bào chữa sự trốn-tránh những nguyên-tắc đã đề cao?

oOo

Một số bà con quan tâm đến thời-cuộc, lại được dịp bàn tán về một vấn-đề đã bị nêu ra và nhắc tới nhiều lần từ 1946.

Một buổi tối, đầu 1956, tôi đã được dự thính một cuộc tranh-luận giữa mấy ông bạn già và trẻ: hai người công kích, một người ủng hộ Chánh-phủ, ba người khác không chống không bênh.

— Mình đã không tin được cái Quốc-hội 1946 và chính các anh đã bực và kêu la mãi. Đến lượt các anh, lại muốn dàn cảnh bày trò, thì còn trách ai? Mình tuyên bố, thì toàn là Dân-chủ, Tự-do...

— Chúng ta đều muốn tự-do. Nếu không thì vô đây làm gì? Song chính vì đề bảo vệ tự-do đó, mà ta không thể để cho Cộng-sản và Thực dân lợi dụng, nên phải tìm cách tránh sự lộn sòng. Mình chỉ có thể tin được những người của mình đưa ra. Mình phải có một Quốc-hội đáng tin cậy.

— Nếu vậy thì chỉ cần loại bớt những tên bất-hảo, còn giữa bọn quốc-gia với nhau, sao lại không để bầu tự-do được?

— Khó lắm. Chúng trá hình rất khéo, có khi lý luận y như anh. Công-An của mình chưa kịp tổ chức đầy đủ, chưa chơi nổi với chúng. Mà ngay những ông không Cộng-sản, cũng có thể bị lung lạc. Và nếu không chẳng nữa, cũng chống đối om sòm làm cản trở công việc.

— Như thế nghĩa là ngoài sự lo ngại Thực Cộng, các anh còn lo ngại cả các phe nhóm khác. Thế thì đâu là Dân-chủ?

— Nói thật đi, mình với nhau, cần gì giọng mị-dân? Thực ra, có mấy ai tin rằng trình-độ mình đã cho phép hoạt động chính trị tự do? Chính anh trước đây vẫn ngán vì nạn xôi-thịt, vì chính-khách sa-lông, chính anh đã có lần dọa rằng: hề có quyền, thì phải cứng rắn, chớ không thể chịu tình-trạng không ai bảo được ai. Anh đã phục Mussolini.

— Vậy thì mình cứ nói dối ?

— Xin đỡ lời hai ông bạn. Đừng đặt vấn-đề như vậy. Không có chuyện nói dối hay không nói dối. Ai mà không thích tự-do ? Quần-chúng thích tự-do, thì làm sao mình nói khác được? Nhưng mình có bổn phận nhìn đúng sự thật hơn quần-chúng. Nếu không, thì dẫn đường sao được? Chúng ta đừng quên là đứng trong địa hạt hành-động, chứ không nằm trên lãnh-vực lý-thuyết. Quần chúng quen mơ ước. Mình phải đương đầu, đối phó, tranh đấu. Mình không thể khăng-khăng duy lý mà bơi lội trong lý- tưởng.

— Tôi vẫn không hiểu : các anh chấp nhận tự do, mà lại không cho hưởng tự-do ?

— Dân muốn tự-do. Nên mình phải cho thỏa mãn, ít nhất về nguyên-tắc. Còn về thực-tế, thì sẽ liệu đi dần dần từng giai-đoạn.

— Có khi bề ngoài trái ngược cả mục-đích. Như muốn hòa bình đấy, thế mà phải nổ súng mới khò ! Muốn thoát Thực Cộng để có tự-do. Nhưng chính vì thế mà chưa cho hẳn tự-do được, phải gò ép là khác, gần như phải lôi cuốn, phải uốn nắn, phải dìm dặt, nghĩa là gần như không muốn cho tự-do.

— Nói thế, nghĩa là rồi lại đủ các mảnh lời, đe dọa, mua chuộc, v.v ?

— Mình không mảnh lời, thì Thực Cộng mảnh lời. Mình không dùng áp lực, thì chúng cũng áp-lực. Áp-lực của chúng đưa dân xuống dốc. Áp-lực của mình nhằm đưa dân ra khỏi hang vực. Bề ngoài, có thể bị trách như Thực Cộng. Bề trong, mình khác hẳn, vì mục-đích, vì thiện-chí của mình. Làm việc lớn, không ngó vào tiêu-tiết. Anh chọn đi,

— Nhưng dù tình ngay, thì lý sẽ gian. Lý gian, thì dân nào còn tin được ? Chỉ có các anh hiểu lấy với nhau, còn người dân đều thấy gian-trá, thì đừng mong nêu thiện-chí gì ra với ai cả. Rồi anh muốn giải thích, tuyên truyền gì nữa, cũng tốn công mà thôi. Thà các anh bảo quát mọi người : chúng ta chưa thể dân-chủ tự-do, hay là chúng ta chưa thể bầu cử trong khi còn Cộng-sản Thực-dân quanh mình, rồi cử phăng một Quốc-hội, chọn lấy hộ dân những người xứng đáng.

— Như thế, lại đi vào vết cũ, lại mắc tiếng là không tiến bước nào, so với thời Pháp-thuộc và thời Bảo-Đại. Anh đừng quên : mình đương cần ngoại-viện hơn lúc nào hết, mà Hoa-Kỳ chỉ sẵn lòng giúp nếu mình có một thể-chế tương tự phần nào như của họ, dư-luận bên họ đòi hỏi một chế-độ có tính-cách dân-chủ, và muốn tỏ rõ thì phải có tuyên cử. Dầu mình có giải-thích, họ cũng không chịu hiểu những nhu cầu khác, họ không hiểu được theo lối khác của họ.

— Nói trắng ra, thì đối với dân mình cũng như đối với nước ngoài, mình phải giữ cái bề ngoài, cho yên chuyện. Còn trong thực-tế, thì mình vẫn theo lối riêng mà các anh tin là cần thiết, là thích hợp ?

Một vị ngồi nghe từ đầu, bấy giờ mới tỏ ý lo ngại :

— Thôi thì «gặp thời-thế thế thì phải thế» Cũng được đi, nếu quả là vì dân. Và miễn là làm lợi cho dân. Nhưng tôi xin hỏi; một khi nắm chắc Quốc-hội rồi, thì ít ra có để cho người ta làm việc đảng-hoàng không? Có cho ăn nói không?

có được đưa ra sáng-kiến hay cảnh-cáo về những vụ quá-lạm thất-sách không? Hay là cứ phải gặt như đối với quan Thống-sứ thời Pháp?

— Nếu ý-kiến xây dựng, và nếu có thái-độ hợp-tác, thì ai mà gặt bỏ?

— Chưa chắc. Vì những vị mà các anh chọn, thì chọn theo tiêu-chuẩn nào? Hiền lành, bảo sao nghe vậy? Có đầu óc, không nịnh bợ? Tôi e nếu chọn hạng này, thì những người được chọn lại hay nói thật để mất lòng, rồi bị kêu là chống đối?

— Có hai lối chống đối. Chống đối kín đáo thì mới xây dựng, như có điều bất-đồng, thì tìm cách nói cho người hữu-trách biết để cải quá, nhượng bộ, hay chấp nhận. Còn nếu chống đối bô bô giữa Quốc-hội, trên báo chí, thì có ý mỉ-dâm háo danh, muốn được tiếng là cương-trực, không sợ ai cả, như thế là không xây dựng. Lấy thân-tình khuyên nhau, thì đóng cửa bảo nhau, giặt quần áo bẩn trong nhà chớ đừng đem ra giữa công-chúng mà giặt.

— Nếu bảo không nghe thì biết làm sao? Chịu nín thinh là cùng. Như thế thì được việc gì?

— Đã gọi là hợp tác, thì ít nhất phải chịu một kỷ-luật chung, một sự lãnh-đạo chung. Mình có ý-kiến hay đấy, nhưng có khi không phù hợp với đường lối chung do cấp lãnh-đạo vạch rõ, mà mình đã chấp nhận. Nên khi có sự bất đồng, đành phải có một bên chịu vậy, và cấp lãnh-đạo thế nào cũng phải nắm phần quyết-định tối-hậu. Anh vào đoà-r-thề nào chẳng thế?

— Như thế, có thể đi tới đảng-trị?

— Đảng-trị đâu phải là đáng chê ngay? Đảng-trị cũng như nhân-trị, pháp-trị, có phần hay phần dở: tùy người, tùy đường lối, tùy kết quả lợi hay hại cho dân. Chê sự đảng-trị một cách tiên-nghiệm, là thái-độ của người đối-lập cần có cơ đả-kích. Ấn-độ từ ngày độc-lập, do đảng Quốc hội của Nebruchi phối: đã sao chưa? Đảng Lao-Động Anh mấy độ cầm quyền ở Anh? Đảng Dân-chủ hay Cộng-Hòa ở Hoa-kỳ, thay phiên nhau trị nước. Để chừng các nước đó đều suy sụp cả?

— Chúng tôi chỉ e sẽ đi tới độc tài. Ý anh, thì bảo hãy đợi xem, đừng xét vội. Nhưng với tính nết ông Diệm và anh em ông ấy, nghĩ khó mà tránh độc-đoán, ít khi các ông chịu nghe ai. Rồi nếu có sự lăm lăm, mà Quốc-hội vô quyền, thì lấy gì ngăn cản?

— Lý luận thì vô cùng. Không thể đi tới cùng kỳ lý. Đến một mức nào đó, đành phải tin hay không tin mà hành động.

oOo

Cách đây vài hôm, một trong ba bạn đã kling kể rồi gì trong buổi họp trước có cho tôi biết vài nhận xét riêng.

Khi ấy, tôi có cảm-tưởng là ông bạn hơi bi-quan, nhưng cũng ghi ý-kiến để nghiệm về sau:

— Chúng ta đứng trước hai quan-điểm trái ngược: tự-do và bướng-dẫn

Quan-điểm thứ nhất rất hợp lý, nên dễ có ảnh-hưởng vào các tâm-hồn trong trắng, nhất là của thanh-niên.

Quan-điểm thứ hai không trái thực-tế, và có thể được cảm-tình của những người ưa hành động hơn là suy lý.

Quan-điểm thứ nhất là của những công-dân yêu nước muốn bảo vệ công-quyền chính đáng, và hướng lên lý-tưởng dân-chủ. Song cũng có thể là của những nhóm có dụng-ý trà trộn, lợi dụng một phương-tiện tranh đấu hợp-pháp để lôi cuốn vào những cuộc phiêu-lưu.

Quan-điểm thứ hai là của người hữu-trách quen đối phó với những thời sự éo le, luôn luôn phải nhìn nhận sự thật, kể cả cả sự phi lý, và nhằm đi tới đích hơn là thắc mắc về việc chọn lựa đường lối ngay thẳng hay quanh co. Nhưng ở trường-hợp phải lựa chọn, biết đâu không có những ẩn-ý vị-kỷ hay độc-tài, nghĩ tới quyền-lợi mình và phe nhóm mình hơn là quyền lợi quốc-gia ?

Theo quan-điểm nào, cũng vẫn có thể miêng nói vương-đạo mà đầu nghi bá-đạo ; hay ngược lại, có khi đầu vương-đạo chân đành theo bá-đạo. Tất cả vấn-đề, là có thành thực hay không, nhưng lòng ngay mà đường không thẳng, thì trước lịch-sử lấy gì biện minh ? Đứng ở cương-vị người quen tranh đấu, thì dễ dứt khoát. Song ở địa-vị người dân, ai cũng đòi hỏi một thứ lương-tâm chánh-trị, thì khó tránh nổi bi-đát, bi-đát vì hoài-ngibi.

Những người chấp nhận bầu-cử «hướng dẫn», nếu chỉ hướng dẫn bằng cách giới thiệu cho quốc-dân những nhân-vật được coi là xứng đáng, thì cũng không có lỗi hơn người quảng cáo sách thuốc bồ-thận tốt hoặc ông thầy lành nghề bó xương. Song ở trường-hợp cử-tri cự tuyệt vì không tin, thì chánh-phủ sẽ thua và còn mất thể-diện, nên đã đưa ra, thì phải giúp cho thắng lợi bằng những phương-tiện mà nhà đương-cuộc có thừa.

Dù cấp trên có thành-thực hạn chế sự can-thiệp để tránh những hành-động sỗ-sàng, cấp dưới muốn được dịp tăng công sẽ tỏ ra quá sốt sắng. Nên sự khuyên nhủ ủng-hộ ứng-cử-viên X, dễ biến thành sự bắt-buộc dồn phiếu cho ông đó, hoặc thành sự đe-dọa, ngăn cản, hay gây khó-khăn cho các ứng-cử-viên khác nản lòng rút lui. Thắng-hoặc vị tranh-cử là người thân-tín đặc-biệt của nhà cầm quyền, thì cấp thừa-hành còn lo lắng bị trừng-phạt, nếu chẳng may xảy ra chuyện thất-cử ; nên bằng mọi cách, họ phải xoay sở để nắm chắc kết-quả mỹ-mãn và tránh tai-họa tày đình.

Lịch sử đã cho thấy mọi cuộc bầu cử hướng dẫn đều diễn tiến như trên : ở Pháp, dưới triều vua Charles X và hoàng-đế Nã-Phá-Luân III, ở Thổ Nhĩ-Kỳ sau Mustapha Kémal, ở Đại-Hàn thời Lý-Thừa-Văn, ở Ai-Cập khi còn quốc-Vương Farouk hay từ khi Nasser lên cầm quyền, ở nhiều xứ Nam Mỹ, và khá nhiều xứ châu Phi mới thành quốc-gia độc-lập . . . Bộ máy hướng dẫn một khi đã vận, thì ở đâu và bao giờ cũng chạy theo những hướng đường tuột dốc, với những tốc-độ khó lòng kiểm soát, đến nỗi nhiều khi vượt cả ước-vọng của người điều-khiển : giành được 80%, 84%, 91% hay 99% số phiếu cho những nhân-vật được cấp trên chỉ định thắm.

Bạn M. kết thúc câu chuyện bằng một câu hỏi mà tôi chờ đợi: Anh nghĩ sao?

Tôi trả lời rằng chỉ có thể có ý- kiến sau một thời-gian, khi nào dựa được vào một số kết-quả của chế-độ, vào một số thành-tích của chánh-quyền thành lập theo chế-độ...

— Đợi kết-quả mới phê phán là thái-độ của nhà nghiên cứu. Song nếu kết quả xấu, thì sự đã rồi, người tranh-đấu không thể chờ, nên phải xét đoán mau và định lập-trường.

Tôi nhận rằng M. có lý của M. Chắc tôi không có bản-lãnh của người tranh đấu chánh-trị. song tôi biết rằng những gì đã tạo nên tôi, không cho phép tôi có đường lối nào khác để nhìn nhận người với việc.

Đ.T.

Thuốc mới :

Viên thuốc bọc đường **ALGAN**

KHÔNG CÓ THUỐC NGỦ)

Trị : **Cảm, Cúm, Đau, Nhức, v..v...**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

K.N số 2080-BYT/QGDP

75, Nguyễn-bình-Khiêm — SAIGON

Thuốc mới :

XI-RÔ **TIFOREX**

(Chloramphénol và sinh-tố B + PP)

★ DÙNG LÂU KHÔNG HẠI

★ TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG BIẾN CHỨNG CỦA TRỤ SINH

Chủ trị : — Sốt thương hàn — Nóng lạnh — Cảm
— Ho gà — Sưng phổi — Đau ruột v. v...

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

Số 2124-BYT/QCDP)

75, Nguyễn-b-Khiêm, Saigon

TRUYỆN DÀI

VÕ HỒNG

GIÓ CUỐN

8 | Liên đưa con hè-mã đến thăm tôi buổi tối thứ bảy. Hần tên là Thanh-Hùng. Y như tên của một kép hát cải-lương hay tên của một võ-sĩ. Những người trong xã-hội thường ngầm công nhận với nhau những công thức: chẳng hạn mái tóc dài như thế là của kép cải lương, chẳng hạn đánh phấn loang lổ và có nhiều màu hồng như thế là chính hiệu Ma-ry Sến mới ra lò. Chẳng hạn cái quần tây ống rộng thùng thình như chân voi kia là của một ông phán sắp về hưu. Người vị-hôn-phu của Liên quả có một cái tên rất cải-lương.

Liên nói:

— Hôm nay em đem anh Hùng đến chào chị. Anh Hùng cũng ở đường gần đây thôi.

Tôi hỏi:

— Anh ở đường nào vậy?

— Em ở đường Trịnh Phong.

Tuyệt nhiên là tôi không có một ký ức gì, một kiến-thức gì về cái tên Trịnh-Phong này hết. Chắc chắn là con đường này phải ở xa lắm, nơi một khu tân-tạo nào ở ngoại ô. Thành phố nào cũng lấy tên những danh nhân nổi tiếng nhất để đặt cho những con đường chính. Lê Lợi, Quang Trung, Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng..... là những tên không-thể-tránh-được. Tôi nói:

— Tôi chưa bao giờ được hân hạnh đi đến con đường đó.

— Tôi cũng nghĩ vậy. Tôi chắc tôi chả bao giờ được hân hạnh thấy chị đi trên con đường đó. Nó khó tìm như một cái kim găm bạc. Nhiều người đi trên lưng nó mà cũng không hề biết là có nó ở đó.

— Chắc tệ như con đường của tôi đây là cùng.

— Có lẽ còn tệ hơn. Chị hãy tưởng tượng nước ngập hết cả hai bên lề chỉ còn ở giữa một nẻo đường rộng từ một thước đến năm tấc. Bao nhiêu xe đạp, xe gắn máy, xích lô, người đi bộ, người gồng gánh đi ngược chiều nhau và chia nhau hưởng-thụ cái rỏ hạnh-phúc đó. Chưa hết. Nếu nó chịu khó chạy dài như một con đường cái biết tự-trọng thì cũng còn «chơi» được. Đằng này thì nó vòng qua uốn lượn theo sáng-kiến của những vùng nước và xe mình tha hồ múa lượn với những xe khác.

Thuyền mời nước, cắt ngang câu nói của Thanh-Hùng. Thuyền có tật xấu đó, không tinh-tế để làm vui lòng người đối-thoại. Nước trà không phải là mối

quan tâm của người đến thăm mình. Nước trà chỉ che lấp những khoảng trống. Thanh-Hùng đang thích nói và riêng tôi cũng thích nghe Thanh-Hùng ba hoa. Có người yêu đi bên cạnh, anh ta muốn biểu-lộ sự khôn ngoan của mình. Tôi thành thật muốn khơi ngòi để anh nói chuyện vui vẻ, khơi mạch nói, nhằm nguồn hiểu biết sở-trường của anh để anh có dịp sung sướng. Tôi bảo Liên :

— Thế là đám cưới của hai người phải tùy-thuộc ở thời-tiết nắng mưa nữa đó. Không thể chỉ hỏi ông thầy bói về ngày lành tháng hạn mà còn phải hỏi kinh-nghiệm của đài khí tượng nữa. Không thể bắt một dây ô-tô có kết hoa lợi lổm ngổm giữa những vũng nước và bắn té bùn lên quần áo của những bộ-hành uốn lượn trên nẻo đường « không biết tự trọng » đó.

Thanh-Hùng cười to, thú vị. Ánh mắt sáng lên sau vòng kính trắng. Tôi có cảm tưởng dễ chịu như vừa bỏ con cá vào vũng nước.

— Em không lo chị ơi. Chắc em sẽ cưới vào tháng Tám sang năm. Trời chưa kịp mưa. Tháng tám hạn với tuổi tui em lắm. Ông thầy Huyền-Linh-tử dạy rằng tui em thành-hôn trong tháng tám thì có đường làm ăn nên nổi ; có nhà cửa đàng hoàng.

— Nhà lâu ?

— Vâng. Nhà lâu. Ô-tô.

Liên chen vào :

— Anh ấy cứ đòi mua xe Jeep. Em không chịu.

— Liên nó đại lắm chị ơi. Em bảo mua xe Jeep để cho thuê. Mỗi ngày được tám trăm.

— Anh Hùng tính chuyện hợp-ly, — Thuyên nói Mùa này mua xe Jeep cho thuê lợi lắm. Rồi lấy tiền lợi mua xe đẹp mà đi chơi. Có thiệt đi đâu ?

— Em thì thích hưởng liền bây giờ. Mua một chiếc Renault Caravelle vợ chồng đi làm và đi phố.

— Đi làm đã có bus, đi phố đã có Honda.

— Honda thì sao bằng Renault Caravelle ? Ai lại trời nắng mà cứ trùm hụp cái áo mưa trên mình sợ Vauxhall và Bel Air của người ta té nước lên mình. Cả mấy cái xe Jeep ho hen lờ lỏi cũng làm « le » với mình, xẹt nước ào ào như tưới. Máy con khỉ cái ngòi ở băng trước lại hích hích nhia mình mà cười. Mình muốn chửi cho một trận mà

— . . . mà xe nó chạy mau quá, — tôi tiếp lời và mọi người cười ò lên, vui vẻ.

Liên thích đưa đời và một người vợ như vậy là một gánh khá nặng cho Thanh-Hùng. Nhưng tôi lại nghĩ : tình yêu và tình nghĩa sẽ san bằng lần lần những lồi lõm của hai cá-tính, như những cơn mưa sẽ gặm lấu những chỗ đất cao để bồi lấp cho những chỗ trũng.

— Anh Hùng cứ chê em là ham diện. Chị nghĩ thời bây giờ không diện thì đợi đến thời nào ? Tuổi của mình không diện thì đợi đến tuổi nào ?

Tôi nói :

— Mua xe Jeep cũng đã hách rồi. Chán vạn người phải đi xe đạp. Rồi vài năm sau mua Renault Caravelle.

— Nào phải em không cho Liên diện. Em còn khuyến khích là khác. Có người vợ đẹp, chỉ ngồi nhìn thôi cũng no.

Liên chồm người chu mỏ :

— Xi, nịnh một cây.

Thanh-Hùng cười :

— Thật đó chị. Em là loại người không tin có Thiên-đàng địa-ngục, em chỉ coi những ngày sống trên cõi đời này là quan trọng.

— Như vậy thì hai người hạp tính nhau lắm. Thuận vợ thuận chồng....

Thuyên nhìn đồng-hồ rồi nói ;

— Anh chị ngồi chơi, tôi có việc đi họp một chút.

— Hôm nay thứ bảy mà, mọi việc đều ngừng nghỉ.

— Một cuộc họp thường thôi. Họp liên-gia đại-biểu.

— Anh làm đại-biểu ?

— Vâng. Một năm nay rồi.

— Đại-biểu anh còn chịu khó họp, thế là tinh-thần cao đấy. Ở xóm tôi thì sự hội họp đã im lìm hơn một năm nay.

— Đại biểu tôi cũng biết lắm. Nhà cửa họ dọn đi, thay chủ mà cũng chẳng thêm khai báo. Chỉ lao xao chộn rộn lúc làm thẻ tiếp-tế mua gạo, còn thì sau đó ai cũng xin hai chữ bình-an. Tiếp tế đường, sửa họ không cần. Đứng đợi cả buổi mới mua được hai lon sữa hiệu Foremost nhạt như sữa bột pha nước loãng. Liên gia tương-trợ nhưng cũng chả ai tương-trợ được gì. Nhiều liên-gia chỉ đi họp toàn đàn-bà. Họ mang con mọn tới, cho bú lách nhách. Thỉnh thoảng có đứa khóc ré lên làm giật mình những đứa đã ngủ gà ngủ gật. Thế là chúng cùng òa ra khóc òn ào khiến căn phòng họp phảng phất giống một phòng phát thuốc, một buổi chủng đậu mùa hay bạch-hầu, một nhà hộ-sinh tử.

— Em cũng bị làm liên-gia trưởng. Cực nhất cho em là ở trong liên-gia có mấy ông anh chị thuộc hàng đao búa. Mấy ông bắt ký nhận là hạnh kiểm tốt để lên xã xin giấy hạnh-kiểm. Mình có dám từ chối không ? Xã bắt liên-gia-trưởng ký nhận trước, thế là oán thù mình lãnh đủ. Mà mình chỉ có hai bàn tay không và một trái tim biết đập thình thình như trống. Xã có lính cầm súng canh ở cổng, thế mà xã khỏi trách nhiệm. Cấp phát kiểu này thì đến Al Capone cũng sẽ được ghi là : một người làm ăn rất mực thiệt-thà hiền lành, tánh-hạnh rất tốt lúc nào cũng tôn trọng thuần-phong mỹ-tục ở trong xã chúng tôi, một công-dân gương mẫu....

Tôi nói :

— Tại tính anh hiền lành chứ có nhiều ông liên-gia trưởng hách không chịu nổi. Hồi mới thành-lập chế-độ liên-gia đại-biểu, có mấy ông liên-gia trưởng tới lại đi khám nhà đồng-bào, bất kỳ là gần sáng hay giữa khuya. Nạn-nhân đầu tiên

chắc là những người đàn bà góa mà ông liên-gia trưởng thăm mơ trộm ước. Tiếp đến là những người mà ông ta thù hận.

— Chế-độ đó bây giờ đã cáo chung rồi, — Thuyên vừa nói vừa bắt tay Thanh-Hùng và cúi chào Liên.

— Khi Thuyên đi ra khỏi cửa, Liên bảo tôi :

— Anh Thuyên lúc nào cũng chừng chạc nghiêm chỉnh, người là chính-quyền có một tác phong, chả như lũ em.

— Mỗi bên có một cái hay. Cởi mở xuề xòa cũng là một ưu-điểm.

— Em bộp chộp lắm, — lời Thanh-Hùng. Muốn làm ông lớn thì không thể bộp chộp được. Phải chừng chàng, dè dặt, uy nghi. Em thì như có: bỏ dĩa.

Thế-hệ thời nay là thế-hệ Kennedy. Nhanh-nhen, hoạt bát... và nếu giống được một tài-tử chiếu bóng thì càng tốt. Trước Kennedy, ở châu Âu hay châu Mỹ người ta đều cùng một quan-niệm cổ-điển là muốn làm Tổng-thống hay Thủ-tướng thì phải từ năm mươi lăm tuổi trở lên, phải có nhiều râu ở cằm và một cái đầu láng như quả trứng. Kennedy đã mở màn một thời-đại mới, một quan-niệm mới, một ý-thức mới. Kennedy đã thành-công và điều đó quả là một cuộc cách-mạng.

— Chị cũng hy-vọng một ngày nào làm bà Thủ-tướng ?, — Liên hỏi.

Tôi cười :

— Chị không nghĩ. Vả lại, anh Thuyên chỉ là một công-chức trung-cấp. Muốn làm Thủ-tướng, không thể chỉ là một công-chức trung-cấp. Có nhiều con đường dẫn tới ghế Thủ-tướng : con đường chính-trị, con đường cách-mạng, con đường đảo-chánh .. nhưng tuyệt-nhiên không ai hy-vọng đi tới đó bằng con đường tráng xi-măng của một Ty chuyên-môn, của một tòa Tỉnh-đường được quạt mát bằng thứ gió nhân-tạo của cánh quạt Marelli. Anh Thuyên chỉ hy-vọng mua được một ngôi nhà để ở, khỏi phải ở nhà thuê. Ước vọng tương-lai chỉ mới tới chạng đó.

— Cũng không khó, — lời Thanh-Hùng. Nhưng khi đã có nhà rồi thì ước vọng lại được đẩy xa đi. Có cái ô-tô đẹp. Có một chức-vụ lớn, Y như Liên vậy.

— Liên sao ?

— Liên bắt em chạy đua hoai. Hồi mới biết nhau, em còn đèo Liên trên póc-ba-ga xe đạp. Liên nói : gắng mua cái Solex. Chạy chín ngàn mua được Solex thì Liên đổi ý-kiến : ngôi Solex lóc chóc chẳng hơn gì xe đạp.

Liên cướp lời :

— Chả thật thế sao ? Mỗi lần em ngồi sau lưng và anh vừa đạp vừa gài cho máy nổ thì em gần đứng tim. Cứ sợ ngã lăn kềnh thì xấu hổ.

— Hi-hục làm và ăn nhịn để dành để mua một chiếc Gobels. Liên lại chê : Đi Gobels ngó bộ hăm hăm hờ hờ như mấy ông cai thợ nề te tái ngược xuôi kiếm mượn thùng hồ hoặc vù tới Cầm-toàn-xương mua thêm đinh năm phân, thêm sắc sáu.

— Liên chỉ là đại-diện cho con người muôn thuở. Có ai bằng lòng mình, bằng lòng hiện-tại của mình ?

— Cho nên em cam-đoan với chị rằng Liên chỉ có thể lấy em mà thôi. Một người đàn ông nào khác không thể chiu nổi Liên đâu.

— Đa-tạ. Đa-tạ.

Liên như mũi cười.

Tôi mở hai lon nước nho ra mời Liên và Thanh-Hùng. Họ uống từng ngụm nhỏ rồi đổi ly cho nhau trước mặt tôi. Tình yêu thật hồn-nhiên và giản-dị, không bị ngăn ngại bởi sự hiện-diện quấy rầy của ai hết. Liên cười vui vẻ :

— Em đòi cốc cho anh. Coi chừng anh mắc những bệnh truyền-nhiễm và anh lây cho em :

— Dễ thường anh lại khỏi bị lây bệnh của em hả ? Miễn đừng có một đứn nào mắc nhằm bệnh suyễn kinh-niên kéo truyền-nhiễm cho nhau đến ngày :

Chồng suyễn mà lấy vợ hen.

Đêm nằm cò cử như kèn thổi đôi

Tôi nói :

— Cả hai đều khoẻ mạnh, như vậy là chỉ truyền vàng cho nhau. Sức khoẻ là vàng mà. Tha-hồ mà giàu. Thanh Hùng làm ở dưới P.X. phải không ?

— Dạ phải

— Thế là có đủ điều-kiện để mà giàu rồi đó. Có nhờ tụi quen nó mua đồng-hồ, ra-di-ô magnétophone và TiVi National dùm cho không ?

— Cũng có lai rai.

— Lương được ?

— Hai chục ghim, kể cả over-time.

— Ngoại-bồng !

— Chừng đó.

Tôi nói :

— Anh Thành bạn học trước tôi ba năm dạy ở trường Trung-học báu-công Nguyễn-đình-Chiều thì bị động-viên. Ngày ra đi, ngoài việc xa vợ mới cưới, ngoài nỗi lo sợ hiểm nguy anh còn tỏ ý lo rằng khi về không biết có dễ tìm công ăn việc làm không. Nhà trường có nhận mình dạy trở lại đầy đủ nguyên vẹn như trước không. Bởi vì mình đi thì phải có người thay thế và khi mình về thì nhà trường biết đuổi ai ra. Nhưng việc đời xảy ra ngoài tầm lo lắng của anh. Ngày giải ngũ, anh về dạy chơi vài giờ rồi có người giới-thiệu vào làm ở P.X.. Lương hai mươi ngàn đồng. Vừa làm vừa chơi trong khi đi dạy mỗi ngày sáu giờ lương không quá mười ngàn. Hai mươi ngàn là lương chính, chưa kể ngoại-bồng.

— Phải có một chút máu giang-hồ trong giai-đoạn này thì mới làm ăn được. Có người bị đẩy vào thế giang-hồ, bắt buộc, và họ làm nên việc nhờ thời-thế chèn họ vào ngõ cụt. Mấy ông giáo vườn kiếm ăn sơ-sài với một tư-thực tiểu-học dăm bảy chục học-sinh bây giờ đều giải-nghệ hết, chị thấy không ?

— Ờ.

— Họ đi làm sở Mỹ hết.

Sự thực đó té ra bấy lâu nay tôi quên đề ý. Cách đây năm sáu năm, đi đến ngõ nào xóm nào cũng bất ngờ gặp một ngôi trường sơ-sai, nhiều khi là một căn phố hẹp, đôi lúc là một ngôi nhà tôn vách dựng phen và nấp dưới một tàng cây. Lối đi vào trường thường là một khoảnh cát đầy dấu chân xéo giẫm. Giáo viên là một người thanh-niên hai mươi tuổi, một cô sồn sồn kém nhan-sắc, một người đàn ông đứng tuổi gầy gò mang kính trắng. Ngượng-ngập, uề-oải, cho dầu là thầy đang nắn nót tô một câu cách-ngôn đầy sinh-lực lên bảng « Một linh hồn tinh tấn trong một cơ-thể khoẻ mạnh » Có tin được không ? « Sạch sẽ là mẹ sức-khoẻ ». Có đúng vậy không ? Sạch sẽ là cái gì ? Khoẻ-mạnh là cái ? Ai đã thực-hành điều đó ? Thực-hành rồi không ? Có lẽ khó lắm, khó lắm. Thầy giáo còn không làm nổi nữa mà. Cả thầy trò đều chỉ là những tín-đồ đang cùng nhau đọc những câu kinh, những câu chú, cao-siêu và mơ-hồ. Học-sinh ? Đủ cỡ tuổi, từ bỏ bú cho đến sắp đi quân-dịch. Họ chen chúc trong một cái hộp như vậy, trong một cái trại như vậy, luộm thuộm, lộn xộn, ồn ào. Có ai thấy một bầy ong mật sát cánh nhau, chen chúc sục sạo, vận chuyển gấn nhau để xây tổ ? Có ai thấy một bầy ruồi tranh giành chỗ đứng với nhau trên một diện tích sinh tồn hẹp ? Đại-khái, hình ảnh lớp học của chúng ta đó. Đủ lớp : từ khai tâm a, b, c... đến làm toán đố. Lớp này chép bài thì lớp kia tập đọc. Lớp này nghe giảng Sử ký thì lớp kia làm toán đố. Thầy giáo nói luôn miệng như một anh rao hàng dầu cù-là. Còn nhọc hơn nữa vì cứ một lát là phải găm thét lên và quật roi vun vút. Ngã rạp xuống, cái khối người đứng ngổi loi choi đó. Trúng ai nấy chịu. Lắm đứa bị đòn oan, đứng lên mếu máo khóc. Đánh nhau thụi nhau tha-hồ ở những bàn sau. Chuyển cho nhau cắn một khúc bánh mì, gỡ vỏ từng quả me chín rồi ném thềm nhau. Vạch tóc ra bắt chấy cho nhau. Gác hai chân lên bàn rồi ngồi bó gối nhìn vào mặt nhau như khi ngồi bán hàng xén dùm mẹ ở ngoài chợ. Thầy giáo đang mang gương chăm bài trên bản, — với một lũ đứng bao quanh, thì ở dưới lớp cứ việc tự-do. Học phí hàng tháng ? Năm chục mẫu giáo, sáu chục lớp năm, bảy chục lớp tư, tám mươi lớp ba... Lương thầy giáo hàng tháng ? Bốn ngàn rưỡi tháng Tám, bốn ngàn bảy tháng Chín, bốn ngàn hai tháng Mười, bốn ngàn tháng Mười một, ba ngàn rưỡi tháng Giêng. Xén bớt bằng mọi cách. Mưa lụt không đi học, ho cảm không đi học, nghỉ Tết rồi nghỉ luôn hết tháng Giêng. Trả tiền nhà, tiền son phấn, tiền sô sách, tiền sửa chân bàn gãy, tiền hội họp tiệc tùng liên đoàn giáo chức, tiền pastilles và kẹo ngậm ho... rớt cuộc người giáo viên chỉ có vẻ phong lưu t ong thả bằng cái tên gọi mà thôi : « Cô giáo Tuyết, thầy giáo Minh ». Nếp sống chênh vênh đó bị nạn « vật giá leo thang » hạ cho những đòan chí tử. Cho đến chết thật. Trả nhà lại cho chủ phố, trả con nít lại cho phụ huynh, thầy giáo cô giáo ghi tên học lớp « Anh-ngữ đàm-thoại cấp-tốc, bảo đảm đọc đúng giọng, nói lưu loát » rồi xin vào căn-cứ Long-vân hay xin đi Đá-bạc, Cam-ranh. Thầy đồ đời nay không thể bịt tai để khỏi nghe giọng ca của Pat Boone, Frank Sinatra rên rỉ đêm ngày nơi băng nhựa của chiếc magnéto-phone láng giềng, không thể chiến đấu tay đôi mãi với đĩa rau muống luộc kiên-

nhấn-hơn-mình, thầy đồ đi tìm siah lộ mới.

Liên và Thanh Hùng chào tôi về hồi tám giờ rưỡi.

— Chúng em đi xi nê. Hay là chị cùng đi với chúng em ? Phim hay mà. Điệp viên OSS 117.

— Cám ơn Liên, mình phải ở nhà, không có ai trông nhà hết.

Thanh-Hùng vừa ngắt một lá ô-ma chia ra trước mặt, cuộn giữa ngón tay vừa nói :

— Em em ưa đi xem phim trinh thám. Biết là giả dối sắp đặt hết, nhưng mà vẫn thích vì nó hoạt động vui vẻ. Ghét nhất là những phim có lệ sầu, lệ tình, những phim buồn đó để dành cho những người ưa suy nghĩ. Họ sẽ bớt buồn nếu họ đang buồn nhiều. Họ sẽ tập buồn, — buồn vay cho thiên hạ, — để hy vọng tránh những nỗi buồn sau này có thể sẽ đến với họ.

— Em chẳng nghĩ lời thời gì hết. Cứ đến rạp tìm hai giờ thoải-mái, khoẻ khoắn, quên hết mình là ai, mình sống ở đâu, mình đang cần phải làm những gì. Thời, em chào chị. Liên nắm tay tôi.

— Em đi chị nhé ?

Con đường tối và mấp-mô. Để giày nhọn của Liên lún xuống cát khiến Liên loạng choạng nhiều lần. Tôi đưa Liên và Thanh-Hùng một đoạn đường. Tôi nói :

— Cứ nhìn xuống đất, chọn chỗ nào tối mò mò thì giẫm vào. Ngó đen điu dễ sợ nhưng đó là đất thiệt, khô ráo. Chỗ nào sáng láng bằng phẳng thì phải tránh. Đó là nước. Đừng có ham mê nhào lặn tới.

— Đi đường lầy ban đêm giống như phù-du hả chị, — Liên nói. Cứ thấy sáng a vào là chết.

— Cũng như lấy vợ nữa. Phải so tính cho kỹ. Hễ thấy mặt mày sáng sủa đẹp đẽ mà a vào thì cũng chết.

— Thôi dẹp anh đi, — Liên đập mạnh vào vai Thanh-Hùng.

Mùi hôi của đồng rác lù lù nằm ở đầu đường hắt vào mũi chúng tôi, mùi hôi quen thuộc của những đồng rác. Người nào cũng có kinh-nghiệm về mùi hôi của rác thành-phố. Cứ cách vài góc đường là có một góc chịu đựng một đồng rác lù lù vươn vãi, nằm tràn ra đường. Lon, lọ vỡ, rau úng, ruột cá, xác chuột, phân người... Ra đến đường lớn tôi mới yên lòng để cho Liên bắt tay và tôi gật đầu chào Thanh-Hùng. Tôi phải trả bằng sự ân-cần đó cho xứng với công khó của hai người đã mò tìm vào một ngõ sâu tăm tối như thế này để thăm tôi.

Còn tiếp
VÕ - HỒNG

Đón đọc :

TẬP SAN SỬ ĐỊA SỐ 7 VÀ 8

đặc khảo về Phan Thanh Giản và 100 năm ngày thất thủ Ba tỉnh Miền Tây.

Có bán tại nhà sách Khai Trí, Sài Gòn và các nhà sách lớn toàn quốc.



● VÕ - QUANG - YẾN

KỶ-NIỆM 100 NĂM NGÀY

SINH-NHẬT

Bà Marie Curie

Đàn bà lừng danh trên thế-giới tuy nhiều nhưng trong lĩnh-vực khoa-học thì thật hiếm, nhất là cách đây vài chục năm bà Marie Curie không những đáng được kể trong bảng vàng số ít phụ-nữ khoa-học lừng danh mà còn là người đã có công mở cửa ngành khoa-học cận-đại cho phái yếu. Nhìn lại vào thời-kỳ bên nước ta, cha mẹ đang còn ngăn cấm con gái đi học vì «biết chữ tiện việc viết thư cho trai» thì làm sao cho phụ nữ đạt được đến trung học, đại học, khảo cứu, dù ở cả những nước tân tiến. Bà Marie Curie lại còn đáng được cảm phục hơn vì bà lớn lên vào lúc nước Ba-lan, nơi quê bà, bị đế quốc Nga chiếm đóng, thanh niên Ba-lan còn khó lòng theo lên đại-học chứ đừng nói gì đến phụ-nữ. Vậy mà bà bền tâm quyết chí làm sao để rạng mặt với thế giới, thật là một tấm gương có một không hai.

1867-1884-1891.

Bà Marie Curie sinh ngày 7-11-1867 tại Varsovie, bốn năm sau cuộc khởi nghĩa cuối cùng thất bại của dân tộc Ba-lan chống quân đội chiếm đóng của Nga

hoàng, nghĩa là nhằm vào lúc cuộc can quét tiêu diệt kháng chiến lên đến cùng cực. Mẹ bà dạy học trong một trường tư thục còn cha bà là giáo sư toán-lý và vật-lý-học bậc trung-học. Gia đình Sklodowski — tên cha bà — đông con, bốn gái, một trai, rất thuận hòa và từ nhỏ đã tiêm nhiễm học-thức lớn rộng. Riêng cha bà, ngoài những lý-thuyết căn bản về vật-lý, hóa-học, còn rất am hiểu các tiếng La-tinh, Hy-lạp và thông thạo các sinh ngữ Pháp, Anh, Đức, nếu không kể hai tiếng Ba-lan và Nga.

Tuy vậy, tài-chánh không luôn đi đôi với kiến-thức và toàn gia-đình không có di cư, đổi chỗ, ăn ở thường trong các xóm nghèo. Luôn luôn nuôi mộng học xa, cô Marie cố gắng ở bậc trung học và năm 17 tuổi (1884) ra trường với một huy-chương vàng. Nếu sống vào thời kỳ chúng ta hiện nay, ắt cô ta vào ngay đại-học không chút khó khăn. Nhưng vào cuối thế-kỷ trước, quân đội Nga hoàng kiểm- chế ép bức dân tộc Ba-lan. Ở trường, chỉ được phép nói tiếng Nga. Ở đại-học, chỉ một ít sinh-viên

Ba-lan, nhờ cha mẹ có quyền thế được theo học vì đại học chỉ dành cho thanh niên Nga, còn phụ nữ thì bị cấm hoàn toàn. Nhưng thanh niên Ba-lan đâu chịu ngồi yên phục tòng và sinh viên, học sinh bí mật tổ chức những lớp học ái quốc khắp nơi, ngay cả cho thợ thuyền. Đồng thời họ tổ chức những cuộc bãi xích, tẩy chay các trường công. Cô Marie tuy hết còn được đi học, vẫn tiếp tục đọc sách trau dồi kiến thức, theo dõi công tác của những nhà bác-học lừng danh hồi đó như Pasteur, Darwin.

Năm cô 18 tuổi, một người chị của cô kiếm cách đi Paris du học còn cô thì phải đi làm cô giáo trong một gia đình giàu có. Karol Zurawski, người con trưởng ông chủ nhà, đi học ngành toán ở đại học, mỗi kỳ nghỉ lại về nhà. Một mối tình đầu chớm nở giữa đôi trai trẻ nhưng cuộc tình duyên này chẳng đưa đến đâu vì ở Ba-lan hồi đó không thể có hôn nhân giữa con trai một địa chủ và con gái một giáo sư nghèo. Tuy nhiên thời gian tiếp xúc với Karol đã làm cho Marie yêu toán học và vật-lý-học. Vì vậy, sau đó, khi trở về lại Varsovie, cô xin vào làm ở Viện-bảo-tàng kỹ nghệ và nông lâm để có thể bắt đầu làm thí nghiệm vật-lý và hóa-học.

1891 - 1895 - 1897.

Năm 1891, mặc dầu tài chánh khó khăn, cô quyết đi Paris để học thêm. Đã hiểu học lại luôn biết cố gắng, cô ghi tên ở Sorbonne học đủ cả toán, lý, hóa. Cô chăm lo đời mài lý thuyết cũng như kỹ thuật thí nghiệm. Không mấy chốc cô được giáo sư giao cho vài công tác nhỏ, tuy không quan trọng nhưng cũng là cơ hội để cô trở tài thông thạo và trí óc lanh lẹ.

Ba năm sau khi đạt đất kinh-thành

ánh sáng, cô Marie học xong ban cử nhân khoa-học. Đồng thời một sự-kiện may mắn đã giúp cô thi hành mọi mong ước và hướng đời cô vào đường vinh hiển : cô gặp Pierre Curie ! Nếu Marie chỉ đang còn là một sinh viên, Pierre đã là một giáo sư có tiếng, đã từng khảo cứu trong ngành tinh học và cũng đã cùng người anh Jacques phát minh hiện-tượng áp điện. Lúc ban đầu, chuyện trò chỉ quanh đề khoa học, nhưng dần dần Pierre để ý thấy Marie vừa đẹp, vừa có duyên, lại mau hiểu, biết bàn cãi sáng suốt.

Một năm sau, vào khoảng tháng bảy năm 1895, Pierre và Marie giản dị cưới nhau, không nhà thờ, không chường-khể. Gia sản của cặp vợ chồng son trẻ chỉ vốn vẹn có hai chiếc xe đạp mới mua nhờ tiền biếu của một người bà con vừa mới gởi cho. Hai chiếc xe đạp này chứng kiến mọi hạnh phúc vừa của một đôi uyên-ương, vừa của một cặp nhà bác học lừng danh. Hai năm sau, đứa con gái đầu lòng ra đời : Irène, sau này sẽ là vợ của Frédéric Joliot, nối gót mẹ trên đường học vấn cũng như trên đường vinh dự. Năm 1897 cũng là năm bà Marie đậu thạc-sĩ và dần bước vào luận đề tấn-sĩ.

Vào hồi ấy, nhà bác học người Pháp Henri Becquerel khảo cứu về một kim loại hiếm là urani. Trước đây, nhà vật lý học người Đức Wilhelm Röntgen đã tìm ra quang tuyến X. Nhà toán học người Pháp Henri Poincaré tiếp tục muốn tìm xem các vật có huỳnh quang có cũng phát ra những quang tuyến tương tự không. Riêng Henri Becquerel thì thí nghiệm với những muối urani. Ông ngạc nhiên thấy những muối này cũng phát ra quang tuyến nhưng khác hẳn những quang tuyến

đã biết. Hơn nữa, chẳng cần phải có ánh sáng kích thích, những muối urani điều hòa và ngẫu nhiên cho phát ra quang tuyến, ngay cả trong bóng tối. Đặc biệt, muối urani cho in hình lên một tấm gương ảnh mặc dầu gói kín trong giấy đen. Vợ chồng Pierre và Marie Curie tò mò tự hỏi năng-lượng nào đã làm cho muối urani luôn phát quang-tuyến. Và bà Marie quyết định lấy hiện tượng này làm đề-tài cho cuộc khảo cứu đang chớm nở.

1897-1902-1906.

Nói thì mau nhưng làm không phải chuyện dễ. Trước tiên là vấn đề chỗ làm. Ngày nay khi sinh viên bước chân vào viện đại-học đồ sộ, phòng thí nghiệm cao ráo, thường ít còn nghĩ tới những khó khăn của nhà khảo cứu thời trước. Bà Marie được Trường vật-lý ở đường Lhomond «biểu» một căn phòng ẩm ướt thường để chứa những máy móc hư cũ. Lẽ tất nhiên, không dụng cụ kỹ thuật, không tiện nghi đầy đủ. Chống lại những thiếu thốn hoàn toàn, bà Marie chỉ biết hiến tấm lòng can đảm và nhẫn nại. Và với những điều kiện thô sơ, bà tìm ra được hai nguyên-tố mới: poloni (để kỷ niệm nước Ba-lan) và ra-di (để nhớ tới quang tuyến).

Đưa ra một nguyên-tố mới đã là một nỗi khó khăn về bằng cứ, một đề-tài bàn cãi; đây lại còn là công tác của một người đàn bà! Lẽ tất nhiên ta hiểu ngay những nhà hóa học mày râu thuở ấy đòi được xem mới chịu tin.

Muốn chứng minh sự hiện hữu của hai nguyên-tố mới này, muốn đưa cho những người còn nghi ngờ xem, hai vợ chồng Pierre và Marie phải mài dũa, cặm cụi trong luôn bốn năm. Bốn năm trong một căn nhà gỗ, cạnh « phòng thí

thí nghiệm » trước, một thứ nhà chứa đồ mà Viện đại-học y-khoa đã bỏ đi vì không thể dùng để làm gì. Có khi bà Marie làm việc như một người thợ, suốt ngày phải đứng quây một nồi quặng nấu sôi với một thanh sắt vừa lớn vừa nặng, công việc thật vô cùng mệt nhọc, nhất là đối với một người đàn bà. Thật là anh hùng!

Năm 1902, bà Marie thành công khai trích được một phần mười gam «ra-di» và lần đầu tiên xác định được trọng-lượng nguyên-tử của nó: 225. Những người hoài nghi phải chịu đầu hàng và nghiêng mình trước sự nỗ lực phi thường của bà Marie vừa mới lập công trạng khoa-học vẻ vang nhất trong đầu thế kỷ. Một năm sau, hai vợ chồng Pierre và Marie Curie cùng với Henri Becquerel được thưởng giải Nobel vật-lý-học.

Nhưng hạnh phúc gia đình Curie không được vĩnh viễn. Ba năm nữa thời, thời gian sinh thêm một cô gái thứ nhì, Eve sau này có viết một cuốn sách về mẹ nàng (nhà xuất bản Gallimard) thì một buổi sáng mưa phùn tháng tư năm 1906, ông Pierre bị một chiếc xe ngựa cán vỡ sọ. 11 năm hạnh phúc thật quá ngắn ngủi...

1906-1911-1922.

Sớm góa bụa, bà Marie không chịu đầu hàng trước định-mệnh và tiếp tục công tác khoa học đã cùng chồng khai mở. Một tháng sau ngày Pierre Curie vĩnh biệt thế gian, toàn thể Hội-đồng Phân-khoa Khoa-học quyết định mời bà lên ghế giáo sư thế cho chồng. Hãnh diện thay cho một người đàn bà! Nhưng vinh-dự chưa hết: năm 1911, một lần nữa, và lần này một mình, bà lên đường đi Stockholm lãnh giải Nobel hóa học. Đàn bà lãnh giải Nobel đã hiếm mà được luôn hai lần lại là một chuyện có một không

hai. Từ nay, mọi viện đại-học, mọi tổ chức khoa-học đều không ngớt mời bà. Năm 1912, bà thành nhân viên danh dự Hội Khoa-học Varsovie. Năm 1913, bà được mời làm nhân viên đặc biệt Viện Khoa-học Amsterdam, nhân viên danh dự Hội nghệ thuật và khoa học Edimbourg. Năm 1914, ở đường Pierre Curie một ngôi nhà được cất lên, trước có bản «Viện Quang tuyến, nhà Curie» mà người được mời làm giám-đốc đầu tiên là bà Marie. Ngoài ra, từ Ba-lan qua Thụy-sĩ, từ Anh qua Mỹ, hơn 20 viện đại học lần lượt ban cấp cho bà bằng tể-nữ danh dự.

Cuộc thế chiến thứ nhất làm gián-đoạn mọi công tác khảo cứu thuần túy. Bà Marie thấy ngay cần phải có máy quang-tuyến X trong những xe cứu-tử. Bà tổ chức 20 chiếc và chính mình điều khiển một chiếc. Đã quen làm việc trong những điều kiện cực nhọc, bà không sợ đời sống của trận tuyến. Không những đã phát minh nguyên-tử «ra-di», bà Marie còn là người đã khởi xướng một phép chữa bệnh mới: Khoa trị-liệu Curie. Vì vậy năm 1922, 35 nhân viên của Viện Y khoa Paris đề nghị bầu bà làm nhân viên. Đây là lần đầu tiên ở Pháp, một người đàn bà được đề cử vào một viện khoa-học. Hơn nữa, 64 nhân viên của viện còn ký thỉnh-nguyện bầu bà mà không hỏi ý kiến trước của bà, đồng thời mọi ứng-cử-viên khác đều đồng thanh rút lui.

1922-1926-1934

Vinh dự tràn trề mà bà Marie không chút tự cao, tự đại. Trái lại bà sống rất giản dị, luôn luôn tiếp xúc với mọi người. Bà muốn thanh niên quanh bà luôn vui tươi, trái hẳn với thời trẻ của bà. Những người cộng tác với bà bảo, ngoài công

tác khảo cứu trong phòng thí nghiệm, bà thường bàn cãi, nói chuyện về mọi vấn đề, mở ra một chân trời mới rộng cho những người trai trẻ. Là một nhà bác-học chân chính, bà Marie còn là một nhà giáo kiên-tâm, một người công dân yêu nước. Tuy nhiên, năm 1912, khi mời bà làm nhân viên Hội khoa-học Varsovie, những nhà bác học Ba-lan không quên gửi một phái đoàn qua Paris thỉnh cầu bà trở về lại quê hương yêu dấu. Thật khó lòng nhưng đặt khoa học lên trên hết, nhận thấy ở Varsovie không đủ phương tiện để thúc tiến cuộc khảo cứu, bà chỉ nhận lời điều khiển từ xa phòng thí-nghiệm mà người ta muốn dựng lên cho bà.

Dù sao, sau trận đại-chiến nhờ bà giúp tiền và với một số lớn quyền được, Varsovie xây phòng thí nghiệm khảo cứu về môn trị-liệu bằng quang tuyến. Năm 1922, bà đặt viên đá đầu tiên. Sau này bà còn trở lại Varsovie một lần nữa để trao một gam «ra-di» mà Hoa-Kỳ đã có nhã ý biếu bà.

Luôn luôn phụng-sự khoa-học, bà Marie không bỏ qua một dịp nào để thúc đẩy, khuyến khích. Tháng sáu năm 1926 tại Genève, nhân danh nhân viên Hội-đồng hợp-tác văn-hóa, bà trình bày những điều kiện làm việc trong các phòng thí nghiệm và phác họa một tổ-chức quốc tế học bổng. Luôn luôn lạc quan, bà tin ở sự cố gắng hằng ngày về mặt khoa học vì nhờ đấy mà «nhân loại tiến lên được cấp bậc đặc biệt ngày nay trên mặt đất, tiến mau đến hùng cường và hạnh phúc». Bà đồng ý với Rodin, Pasteur, tin tưởng «khoa học và hòa bình sẽ thắng dứt nát và chiến tranh».

Vì bị quang tuyến lâu năm ăn sâu vào cơ thể, bà bị bệnh thiếu máu và tạ thể

hôm 4-7-1934, thọ 67 tuổi. Trong lúc hấp hối, bà còn nhắc nhở đến những công tác khoa-học đang còn bỏ dở, những công tác mà bà đã theo dõi suốt

đời. Eve Curie bảo bà đã là «một sinh viên vinh viễn».

VÕ-QUANG-YẾN

Tài liệu: Curie, Infeld, Perey.

Nhân dịp 100 năm ngày sinh nhật bà Marie Curie, nhiều tổ chức đã nhớ tới bà. Từ Le Courrier của UNESCO đã cho ra một số đặc biệt kỷ-niệm (tháng 10/1967) với những bài rất đặc sắc của Leopold Infeld, giáo sư vật lý học người Ba-lan, Marguerite Perey, giáo sư hóa học hạch nhân ở viện đại-học Strasbourg, tài liệu của Eve Curie và chính của bà Marie Curie. Ở Paris Ủy-ban đệ-nhất bách chu-niên ngày sinh-nhật bà Marie Curie sẽ tổ chức một tối kỷ-niệm hôm 24-10-1967 tại Sorbonne, một cuộc triển lãm tại viện quang tuyến bắt đầu từ trung tuần tháng 10, và cho phát hành một loạt tem bưu chính.

Đã phát hành :

VÀO NƠI GIÓ CÁT

của Nguyễn - thị - Hoàng

- Một tác phẩm tình cảm đậm thắm nồng nàn nhất.
 - Một giọng văn tha thiết, lôi cuốn não nùng chưa bao giờ thấy qua những tác phẩm trước của nhà văn Nguyễn thị Hoàng.
- do Hoàng Đông Phương xuất bản.

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Giữa đường

(Xin xem BK. TĐ. từ số 259)

Bà trưởng ấp nói :

— Thầy cháu vừa lên quận. Nghe đâu lên học tập về bầu cử. Hai ông có việc gì cần không ạ ?

— Không, chúng tôi tới thăm ông trưởng ấp thôi.

Hùng chào người đàn bà, rồi kéo tay tôi đi. Tôi đề nghị với Hùng tới nhà Mạnh. Hai đứa lăm lăm bước. Căn nhà của Mạnh ở ngay bên lộ chính. Tôi dừng lại bên chiếc cổng tre, nói với Hùng :

— « Me xừ » này có thể cho mình nhiều ý-kiến.

— Sao cậu biết ?

— Anh ta có vẻ hiểu biết . Hắn hình như đã học đến đệ tứ ở quận.

— Thế à ?

— Chắc cậu cũng biết hôm khai giảng hắn là người hăng hái nhất chứ gì ? Chính hắn đề nghị mở lớp học và bắt tay vào công việc ngay từ hôm tôi tới đây thăm địa điểm.

— Tôi tưởng đồng ý mở lớp là do ông trưởng ấp chứ ?

— Hình như ông ấy nhất, ít khi ở đây, tôi tới mấy lần không gặp.

Hai người đã vượt qua cổng, tới chiếc giếng. Hôm đầu tiên tôi gặp Mạnh, là lúc anh ta ở dưới giếng chui lên. Anh xuống vớt chiếc gầu vừa rơi xuống. Giếng sâu gần 20 thước. Tôi thắc mắc :

— Ông không sợ ngạt hơi à ?

Mạnh cười :

— Vùng đất này ở cao, nên khí Carbonic ít tụ xuống đáy giếng.

Chữ Carbonic thốt từ miệng một người nông dân trẻ khiến tôi hơi ngạc nhiên. Mạnh cho biết quá khứ học vấn của anh. Chính anh đã góp ý kiến đề xây dựng một « trường học tạm thời ». Anh mừng rỡ :

— Ở đây có hơn bảy mươi trẻ em thất học. Chúng tôi đã xin xây trường hơn năm nay mà không được. Nay được như thế này thì hay lắm.

Anh chạy qua bên mấy người hàng xóm đề loan tin và bàn bạc ngay lập tức. Dáng điệu hối hả chân thành của anh trong việc lo lắng đến tương lai của lũ trẻ trong ấp làm tôi cảm động và phấn khởi.

Hùng tiến tới cánh cửa của gian nhà trước. Anh quay nói với tôi :

— Không có ai cả.

Gian nhà trống, không bày biện gì. Ở một góc có mỗi chiếc phản bằng gỗ cũ kỹ. Cả một góc phòng đối diện đầy ắp, chất đống những bắp vừa mới hái. Một chiếc cửa sò song gỗ lớn ở chính giữa căn nhà, mở hướng ra ngoài vườn. Những hàng cây lay động càng làm cho phía trong căn nhà thêm quạnh hiu. Bên trái của căn nhà là một chiếc cửa ngăn với nhà bếp. Khói bay tỏa ở phía trong.

Tôi gõ lên thành cửa :

— Anh Mạnh ơi !

Một bà cụ ở dưới bếp chạy lên. Bà còn đang mở to mắt nhìn cho rõ, có lẽ vì khói ở dưới bếp. Tay cầm đôi đũa cả. Trông thấy tôi và Hùng, bà cười, nụ cười hiền hậu và nhỏ nhẹ, giọng nói vùng Quảng :

— À hai thầy giáo.

— Thưa cụ anh Mạnh có nhà không ạ ?

— Nó chạy ra đồng rồi. Chút nữa có lẽ cũng sắp về ăn cơm mời hai thầy ngồi đợi cháu một chút.

Hùng và tôi ngồi xuống trên chiếc phản. Bà cụ bỏ xuống bếp.

— Hai thầy ngồi chơi, tôi rót nước.

Hùng hỏi tôi :

— Mẹ của Mạnh ?

— Ừ.

Hùng đang đưa hai cẳng chân buông ở phía dưới phản :

— Bắp này chắc vừa hái. Còn nguyên mùi thơm của lá.

— Mới ở đây đã làm bộ thành thạo dữ.

Bà cụ bưng một cái khay bằng miếng sắt tây tròn đã rỉ, trên đựng hai ly nước còn bốc khói. Bà vẫn nói giọng nhẹ và chậm rãi :

— Vâng, bắp cháu Mạnh mới hái về hôm qua.

Bà đặt ly nước trên phản, cạnh chỗ hai người và ngồi dựa lưng vào phía vách. Bà tiếp tục câu chuyện :

— Bắp không được lớn lắm ! À... mời hai thầy soi nước.

Hùng hỏi :

— Nghe rói đất ở đây tốt lắm mà.

— Đất ở đây tốt nhưng là đất mới phải đợi hai ba mùa nữa cây cỏ mọc mới lớn được.

Hùng đùa :

— Nhưng đất ở đây hơn miền Quảng chứ bác ?

Giọng bà cụ có vẻ phấn khởi :

— Đất ở xứ bằng thế nào ở đây được. Vô đây đất tốt, nhưng cũng cực thấy mồ.

Bà cười, nụ cười thêm phần tha thiết.

— Nhất là lúc nào cũng nhớ xứ. Nhớ con, nhớ cháu...

Hùng đặt hai chân đu đưa xuống đất, anh đứng dậy :

— Sao bác vô đây làm gì ?

— Thầy bảo tại sao không vô đây ? Ngoài đó loạn lắm làm sao ở. Nhà cửa cháy hết, đau khổ lắm thầy ơi...

Bà cụ im lặng. Tôi và Hùng cũng im lặng. Hùng đi đầu mũi giày. Đầu cúi xuống. Câu than vô tình của bà cụ khiến anh biết mình lỡ lời. Bà cụ dựa lưng vào vách nhìn ra hàng cây ngoài cửa sổ lay động. Có lẽ tâm hồn bà cụ cũng thế.

Tôi phá sự im lặng :

— Mà sắp hòa-bình rồi bác. Bác cứ yên trí đi, sắp được về xứ rồi.

Đôi mắt bà cụ thoáng nét linh động. Bà mở to con ngươi :

— Tôi cũng nghe nói vậy. Bầu cử xong rồi thì có hòa-bình đúng không thầy?

Bà chợt nhỏ giọng xuống :

— Mà hai thầy cũng là người công-giáo ?

Tôi không trả lời. Hùng gật đầu. Anh là người tới nhà thờ hàng tuần.

Nét mặt bà cụ rõ sự mừng rỡ :

— Hai thầy cũng là người công giáo.

Bà nhỏ giọng hơn nữa :

— Hôm nọ có mấy người về đây phát tờ truyền đơn bầu cử. Bảo bỏ phiếu cho mấy ông, in hình trên giấy đó ! Bỏ phiếu cho mấy người đó, sẽ có hòa bình... Mấy tờ giấy đó tôi còn cất...

Giọng lớn dần :

— Hai thầy cũng là người mình, tôi mới dám nói đó !

Sau một hồi diễn giải bằng những cử chỉ hấp dẫn, bà cụ không quên đặt lại câu hỏi hóc búa :

— Có thiệt bầu cử rồi sẽ hòa bình không thầy ?

Hùng đang tẩn mặt ra nghe, bị câu hỏi bất ngờ, anh lúng túng. Sau cùng anh không ngăn được nụ cười :

— Cái đó còn tùy...

Hùng chưa biết dẫn giải ra sao. Một tiếng chân đi mạnh ở đầu hồi rồi giọng Mạnh vang lên :

— A hai thầy giáo tới chơi

Bà cụ đang thuyết giảng về chính-trị thấy con về, mặt bà thay đổi hẳn. Về hăng say biến mất đổi sang ngượng nghịu sau bà cười lảng :

— Hai thầy giáo đợi mãi lâu quá !

Tôi đỡ lời :

— Dạ, cũng không lâu gì ?

Bà cụ lần xuống bếp. Mặt Mạnh đầm mồ hôi. Trên một bên vai là một bao tải lớn. Anh quăng bao tải trên đồng bấp :

— Tôi vừa đi hái bắp về xong. Hai thầy ngồi chơi, xin lỗi hai thầy, tôi ra rửa mặt cái đã.

Tôi với Hùng cùng theo Mạnh ra cửa. Tôi nói :

— Thôi để ra ngoài này nói chuyện cho mát.

Mạnh dậm chân trên thành giếng :

— Gớm bùn nhiều quá.

Anh quay chiếc tay quay, thả chiếc thùng xuống đáy giếng, quay nhìn tụi tôi cười :

— Mệt quá hai thầy. Xe ngựa đầy quá, bao này bỏ lên cứ rơi hoài. Phải vác về trước.

— Ủa anh đi mau hơn xe ngựa cơ à ?

— Không, xe bị lún bùn, ngựa kéo không lên, Có lẽ cũng sắp về tới đây bây giờ.

Chiếc thùng nước hiện trên miệng giếng. Mạnh đổi tay trái nắm lấy cần quay, tay phải kéo thùng nước lên, ra ngoài miệng giếng. Anh đổ nước ra bàn tay trái, khoát nước lên mặt, miệng hỏi câu bất ngờ, âm thanh không rõ ràng vì thỉnh thoảng bàn tay lại lướt qua miệng :

— Hai thầy vừa nói chuyện bầu cử với má tôi ?

Hùng :

— Vâng

— Chắc là bà lại đòi hòa bình ?

Cả tôi và Hùng đều cười :

— Vâng

Hùng khéo léo hơn :

— Bây giờ ai cũng đòi hòa bình cả.

Giọng Mạnh bắt đầu mạnh mẽ :

— Máy thằng cha vận động bầu cử chỉ nói dóc. Bỏ phiếu cho tụi nó, nó vô quốc-hội rồi là ngồi ăn nhậu . . .

Hùng cười hơi gượng. Anh nghĩ đến sự liên hệ của anh và nhóm vận động mấy ngày trước. Tôi không làm ngạc nhiên cho lắm. Những người dân Quảng bình dân hùng-biến vào bậc nhất. Mạnh đặt chiếc gầu trở lại vị trí cũ trên thành giếng. Giọng anh bỗng hiền hòa, nhanh chóng cũng một cách hết sức bất ngờ :

— Mời hai thầy vào trong nhà xoi nước. Tôi cũng định gặp thầy Hùng có chút chuyện.

Ba người trở lại phần. Tôi nghĩ đến bữa cơm chiều sắp dọn. Trời cũng đã

hết năng. Nên vào ngay câu chuyện muốn hỏi là tốt hơn. Tôi xin Mạnh cho biết ý kiến về vấn đề trường-học. Người nông dân cười :

— Chính lớp học một phần là do tôi đóng góp như hai thầy, tôi cũng mong các em có chỗ học., Nhưng chắc các thầy đã biết : dân ở đây nghèo quá... !

Mạnh ngừng một lát. Vầng trán cao thông minh hơi nhăn lại. Trên nét mặt có một vẻ đẹp tuyệt trí thức. Mạnh buồn rầu nhìn chúng tôi :

— Hai thầy đã đóng góp cho ấp chúng tôi Chúng tôi rất cảm ơn. Chúng tôi cũng cố sức đề khôi phục lòng hai thầy. Nhưng đôi lúc chẳng biết làm sao. Tôi đã nói với nhiều phụ huynh học sinh, họ không hưởng ứng. Đi học chẳng biết có ăn ai, mà lại không hái được tiền...

Con người hăng hái của buổi đầu, người độc nhất có thể giúp tôi và Hùng trong công tác này, bỗng dưng gieo vào lòng chúng tôi nỗi thất vọng. Tôi không thất vọng vì câu trả lời của Mạnh. Khi phải đề mồ hôi để xua đuổi sự nghèo đói đang đe dọa đời mình, cho dù lấy lý do gì chẳng nữa cũng không thể phủ nhận sự mồ hôi của những kẻ khác cùng mục đích. Điều đó thật hiển nhiên. Nhưng tôi buồn khi thấy vẻ mặt của Mạnh. Vẻ mặt cương quyết của xây dựng, vun trồng, bây giờ trước tôi đang biểu lộ sự bất lực. Không phải riêng gì Mạnh chính chúng tôi cũng vậy. Không muốn bày tỏ sự thất vọng đó tôi tươi cười :

— Bây giờ anh khuyên chúng tôi nên làm cách nào ?

Mạnh trầm giọng, nhưng giọng anh vẫn rõ rệt và rắn chắc :

— Theo tôi chỉ có cách nghỉ một thời gian. Nhất là vào thời buổi này... Sau đó sẽ hay...

Mắt anh hướng về Hùng nghiêm trọng :

— Tôi định dùng cơm xong là tới thầy đề khuyên thầy về tỉnh. Lúc này tình hình nguy hiểm lắm ! Chiều nay ra đồng. Người ấp bên kể chuyện đêm qua mấy ông vừa về...

Mạnh đưa mắt nhìn quanh nhà, tia mắt sau cùng dừng trên khuôn mặt tôi :

— Họ giết mất hai người. Một ông lloh và một ông giáo dạy ở trường bên... Nghe đâu ông giáo có dính líu gì đó ở xứ trước khi trốn vô đây. Nhưng biết đâu... Tôi lo cho thầy Hùng...

Tia mắt dời từ tôi sang Hùng, cánh tay Mạnh dơ xuống theo nhịp dao đập, giọng anh trở nên thỉ thào :

— Hai ông bị đâm nát cả người !...

Tôi nhìn Hùng. Hùng bặm môi lại. Anh rút điều thuốc ở bao ra vắn vắn trên tay. Không khí im lặng. Có tiếng cây lay động vì gió ở ngoài khung cửa sổ. Tôi quay lại phía sau. Bên ngoài hình dáng cây chỉ còn lơ mơ : Trời đã bắt đầu tối..

oOo

Hùng ăn cơm tại nhà ông lão buổi sáng, nhưng nơi anh ngủ là căn nhà nằm sát bờ rừng. Ngang hông căn nhà là ruộng bắp bỏ hoang. Chủ bỏ về tỉnh, hình như không còn thiết tha gì tới ruộng đất nữa. Bắp ra trái. Lũ trẻ con vật sạch Tụi học trò thường hái giùm Hùng. Ngọn đèn dầu lù mù đặt trên chiếc bàn

gỗ, không đủ soi sáng căn nhà. Hùng phải đốt lửa, bằng củi cho căn phòng vừa sáng vừa ấm hơn. Hùng loay hoay kêu ngọn lửa cho to. Anh lôi mấy chiếc bập ở gầm giường ra kiểm cách nướng.

Ánh lửa bập bùng trên vách. Ngoài đêm là tiếng lá cuộn với gió ào ào. Nếu giàu trí tưởng tượng có thể nghĩ là hàng trăm bước chân người đang rào rào bước trên cỏ, khi xa khi gần. Tôi ngồi dựa lưng vào vách gỗ. Chân và nửa mình phủ chiếc chăn dạ của Hùng.

Tôi cố ôn lại những diễn biến trong hơn một tháng công tác của chương trình dạy học để làm phúc trình về Sài-gòn cho dễ. Tuy ra đây không phải là lần đầu tiên sự khó khăn đến với tôi. Một tuần lễ sau khi chương-trình bắt đầu, tôi ở tỉnh về thăm ấp, Bảo và Hùng báo tin :

— Hôm qua tại tôi đang dạy, có một ông tới nói là sẽ thừa với quận về chương trình của mình. Hình như hẳn không muốn sự có mặt của chương-trình giáo dục trong ấp này.

— Hẳn ta là ai vậy ?

— Hẳn là người ở trong Ban ra sáng lập ấp. Nhà hẳn lớn nhất ở đây, tuy hẳn không ở đây: Theo dân-xã hẳn là người có thể lực ở quận lắm. Tôi an-ủi hai người:

— Tôi có giấy giới thiệu của ông Tỉnh chấp thuận và giới thiệu cho làm công tác này. Hai cậu đừng ngại. Tôi sẽ gặp hẳn.

Tất nhiên tôi không gặp « ông trong ban sáng lập » đó để đấu khẩu một mách. Nhưng đề nhân-danh tương lai của lũ trẻ trong ấp, mềm dẻo một cách cần thiết, xin ông ta cho phép tiếp tục lớp học. Ở xã-hội mình muốn thay đổi một cái gì đó, ít nhất cũng phải « xuống nước » với những kẻ mà, bằng thân ra phải tát cho mấy cái vào mặt. Đó là phương châm của bọn tôi khi làm việc. Nhưng với những khó khăn bây giờ tôi chẳng biết phải mềm dẻo với ai. Với sự nghèo khó, với chiến tranh ? Những thứ đó từ lâu vẫn lạnh lùng như tiếng súng nổ, như thân người ngã chết...

Hùng bỗng lên tiếng đột ngột :

— Cậu nghĩ sao về lời khuyên của Mạnh ?

Tôi :

— Nghĩ sao ? Chỉ có cách là tạm nghỉ thôi. Không biết rồi còn tiếp tục được nữa không ? Tôi vừa về Sài-gòn vác hai trăm cuốn vở lên.

Hùng lấy chiếc que cời trên đống lửa. Anh đút mấy trái bập vào chỗ trống. Ánh lửa bập bùng, khuôn mặt Hùng đỏ hẳn lên. Hơi lửa tấp mạnh, vụt bốc cao. Hùng hơi ngửa người ra đằng sau một chút :

— Cậu về Sài-gòn có gì vui không ? Không khí bầu cử như thế nào ?

Tôi cười :

— Tất nhiên là vui hơn cái xóm ấp này của cậu rồi. Lại còn bầu cử nữa Thiên hạ múa lân quảng cáo rầm rộ lắm, cứ như bên «mèo»... Hồi hộp, gay cấn cóc chịu được.

Hùng cũng cười :

— Hồi hộp thế chớ nào bằng ở đây. Cứ nghe «sư» Mạnh nói buổi chiều, tớ cũng hồi hộp thấy mẹ !

Hùng lấy que tiếp tục cời cời lên trên lửa :

— Bắp mới hái, ngọt lắm, cậu thử ăn một cái biết liền...

Hùng như chợt nghĩ ra :

A, ở Sài-gòn tụi sinh viên tổ chức một cuộc hội-thảo về «giải pháp đất nước» gì đó, cậu có dự không? Mời toàn loại giáo sư hạng bự tới thuyết trình mà ?

— Có, tôi dự hai ba buổi...

— Tại sao không coi cho hết ?

— Một phần vì bận, một phần không thích. Mình phải học ở trường mệt quá rồi...

Hùng im lặng, anh lùi lại ra phía sau, dựa lưng vào chiếc vách, anh ngó đồng lửa, rồi nhắm mắt lại, khi mở mắt ra anh hỏi tôi :

— Cậu nghĩ sao về trí thức ?

— Cần thiết chứ.

— Không tôi muốn hỏi cậu nghĩ sao về những người trí-thức hiện tại ?

— Họ ở trong thành phố và họ là thầy của mình. Rồi một ngày nào đó, có lẽ mình cũng như họ.

Hùng nhắm mắt lại, mệt mỏi :

— Vấn đề của chúng mình là ở đây...

Hùng chưa nói hết câu, anh vội choàng mở mắt ra. Một tiếng sấm nổ chát chúa vang rất gần, tiếp theo nhiều tiếng nữa. Hùng đưa mắt nhìn tôi. Tôi dựa lưng vào vách tường. Muốn khỏi hài một câu mà biết rằng không đúng lúc. Tiếng tim đập mạnh trong lòng ngực.

Cả hai đều lắng nghe những tiếng nổ tiếp theo. Nhưng không thấy nữa. Chỉ có tiếng gió ào ở bên ngoài. Tiếng sột soạt của những hàng bắp lay động. Đêm chập tối lắm. Ngọn lửa vẫn bập bùng soi rõ trên hai khuôn mặt. Ở trong thành phố, cũng nghe thấy sấm nổ, nhưng thú nhận hiện tại tôi và Hùng không giữ được vẻ bình thản như những lần ấy. Tôi muốn dập tắt sự lo sợ. Một cảm giác kỳ lạ vẫn chạy khắp người. Tôi có cảm tưởng như tôi và Hùng đang bị đe dọa, bỏ rơi ở trong căn nhà lá nằm ở bià rừng này với cuộc chiến tranh, và cái khí giới của chúng tôi về học đường — chương trình giáo dục hệ bổng toi tả như xác người vừa bị đâm chết theo lời Mạnh kể.

oOo

Tôi xuống ấp vì vấn đề giáo dục, nhưng khi lìa khỏi ấp — trên chuyến xe — tôi chỉ còn bị ám ảnh về cuộc bầu cử, sự nghèo đói và chiến tranh. Hùng đã đáp xe về quận X... trước tôi một giờ. Tôi ngạc nhiên ;

— Sao cậu không về tỉnh với tôi ?

Hùng :

— Tôi có ông anh. Thiếu úy đóng ở quận. Chính vì lý do đó mà tôi nhận làm ở đây. Tỉnh thoảng dợt về quận. Đã từ lâu chúng tôi không gặp nhau...

Lần này, họ cũng lại không gặp nhau nữa. Có lẽ Toàn anh Hùng đang ngồi bên cạnh tôi, trên hàng ghế đầu của xe. Tôi nghĩ thế vì lúc xe ngừng, tôi thấy người thanh niên mặc quân-phục ngó chăm chăm con đường dẫn vô ấp. Khuôn mặt hao hao giống Hùng. Không có lý do gì để tôi hỏi Hùng tên người anh của anh. Nếu không, bằng tên đeo trước ngực người quân nhân là một kiểm soát chắc chắn.

Mọi lần, khi trở về tỉnh tôi phải dùng xe hàng lớn chạy từ quận X... tới Y... Những chuyến xe Peugeot nhỏ thường chỉ chạy khi đầy chỗ. Một bà ở trong ấp với đứa con nhỏ cùng đón xe với tôi. Một điều may mắn : Ba hành khách vừa xuống trước chỗ chúng tôi đợi hơn một cây số.

Ông tài cười :

— Ông là hên nhất đó nhé... Đón xe ở giữa đường mà có chỗ ngon lành !

Ông tài quay sang phía người quân nhân :

— Phải không thiếu úy ?

Toàn chỉ cười nhẹ. Nụ cười cũng không đóng góp thêm chút gì cho sự cởi mở. Cặp kính đen che kín đôi mắt. Sự trầm lặng của Toàn khiến tôi không muốn và không dám hỏi thăm xem anh có phải anh của thằng Hùng hay không. Mái tóc anh bông bênh trước gió. Mặt hướng thẳng về con đường đang chạy tới. Im lặng trước mọi phẩm bình của người trên xe. Tôi chắc anh phải là người bình tĩnh. Hùng nói với tôi :

— Ông ấy thương g con lắm. Đường bộ nguy hiểm mà vẫn mạo hiểm về thăm nhà luôn. .

Nếu người thanh niên này là anh của Hùng, bây giờ tôi không lấy làm lạ về sự liều lĩnh của anh

Trên xe có tất cả chín hành khách. Những phát-ngôn-viên của xe đều thuộc phái "mồm rộng tan hoang cửa nhà" tập trung ở hàng ghế cuối cùng và... đáng kể hơn cả là ông tài xế. Ông nói luôn miệng. Ông đề cập tới vụ hai xác chết Mạnh vừa kể ngày hôm qua. Ông kể hết tất cả các chi tiết, từ số người mưu sát từ giờ giấc, cách rình rập, cho tới cách cầm dao đâm xuống, và tiếng la của ông giáo : "chết tôi rồi" như thế nào ! Cũng may ông là người lái xe lâu năm ở quận và mỗi khi nói xong một chi tiết ông lại quay về phía Toàn hỏi ý kiến :

— Thiếu úy thấy có ghê không ?

Nhờ sự thân thiện đó, nếu không, mọi người đã tưởng ông là người cầm đầu vụ mưu sát !

Một người hành khách lên tiếng :

— Còn vụ bắt cóc tám người ông có biết không ?

Ông tài lắc đầu :

— Ủa, có vụ bắt cóc nữa à ? Thế thì... tôi không biết.

— Cách quận có 3 cây số thôi. Họ về bắt mất 6 người,

— Nạn nhân là những người thế nào ?

Một vị khác cũng ở hàng ghế cuối cùng :

— Nghe đâu là cử tri tích cực quá trong kỳ vận động !

Ông tài chặc chặc lưỡi :

— Chết mẹ ! Thế thì khổ rồi ! Các ông nội ơi !

Bỗng ông thắc mắc :

— Hôm qua tôi gặp thằng chả Tư ở ấp đó. Sao hồng thấy nó kể chuyện cho tôi.

Một bà khác :

— Sức mấy mà họ dám cho ông biết. Muốn thí mạng cùi hay sao ? Tụi này là thân lắm đó. Bán hàng thường trực cho bà, bà đó mới dám nói !

Hàng ghế giữa vẫn im lìm. Hai cụ già — có lẽ là hai vợ chồng đã ngủ im lìm. Cái đầu thỉnh thoảng gật gù vì xe lắc, lại có vẻ như đang tán thưởng những câu chuyện vừa kể. Người đàn bà và đứa nhỏ không nói năng lời gì. Cũng không lộ một vẻ khó chịu. Bà có vẻ nhút nhát. Buổi sáng, khi chờ xe, bà nhìn tôi mãi mới dám hỏi nhỏ nhẹ :

— Thưa thầy, thầy cũng đón xe về quận Y...?

Tôi hỏi bà về đứa con :

— Em này có học ở lớp trong ấp không ?

Bà rụt rè :

— Không, nhà tôi chỉ có hai mẹ con. Cháu giúp đỡ tôi làm việc mới đủ sống.

Bà cũng cho biết : Bà về quận Y... để thăm bà con và bỏ phiếu luôn thề.

Bà nói :

— Tôi mới tới đây chừng một tháng... Tên bỏ phiếu của tôi còn ở xã.

Đứa bé cũng nhút nhát như mẹ. Nó ngồi sát cửa xe đang đưa mắt lơ láo ngó rừng núi vùn vụt chạy về phía đằng sau.

Toàn vẫn giữ thái độ bình tĩnh, im lặng, Anh không cười tới một nụ cười nhẹ dù khi nghe thấy những mẩu chuyện có phần ngộ nghĩnh. Thỉnh thoảng anh lại lẩn tay sờ trên đốc súng, đeo ngang lưng. Chắc là một thói quen nơi chiến trường...

Những phát-ngôn-viên đã bắt đầu bàn sang chuyện buôn bán. Họ là những người bán thịt heo, mang hàng từ xã lên quận. Khi thì quận X khi thì quận Y. Với kinh nghiệm di chuyển trên con đường cộng thêm với khả năng thiên phú, họ lắm chuyện là phải. Xem chừng họ vừa bán được nhiều tiền ở chợ X lắm.

Trời trở nên nắng nhiều, con đường vào chỗ dễ đi hơn. Sự thức khuya của tôi tới hôm qua, vì mãi nói chuyện, cùng với tiếng xe rù rì khiến tôi gật gù trên hàng ghế thiu thiu ngủ . . .

Tôi tỉnh dậy khi nghe thấy tiếng quát của Toàn ;

— Này ông muốn sống thì «dọt» xe mau !

Tôi hoảng hốt dụi mắt. Chiếc xe đang đi chậm lại. Trước mặt là một toán chừng năm, sáu người đang ra hiệu cho xe ngừng. Họ đều là những người ăn mặc quần áo thường phục, không phải áo kaki vàng cũng không phải quần áo kaki xanh.

Mặt ông tài đã bắt đầu biến sắc. Ông còn cố vẻ do dự. Giọng Toàn vẫn bình tĩnh nhưng chắc mịch; khẩu súng đã rút ra từ lúc nào :

— Tôi ra lệnh lần chót. Tôi tiêu ông bây giờ.

Mấy bà hàng thịt cũng riu lưỡi :

— Ông ơi chạy đi . . . Cướp đấy !

Chiếc xe chỉ còn có cách toán người có ba thước. Bỗng thấy ga rú mạnh rồi chiếc xe lao vào người đứng giữa đường chắn lối. Người kia chỉ kịp vọt một cái vào bên kia đường. Tiếp theo là một loạt súng nổ. Tiếng bà nhà quê kêu lên :

— Chết con tôi rồi !

Chiếc xe vẫn lao đi vun vút. Tim trong lồng ngực tôi đập nghe rõ. Tôi ngoái cổ lại nhìn về phía sau. Máy kẻ chắn đường đã khuất sau một khúc quanh.

Tiếng bà nhà quê bỗng thảm thiết hơn :

— Ông ơi, đồ lại đi ! chết con tôi rồi !

Từ khi tôi giật mình tỉnh dậy cho tới khi xe vượt khỏi tầm súng không đầy 2 phút. Sự việc xảy ra quá mau. Ông tài xế, Toàn có lẽ cũng chỉ kịp hành động theo phản ứng. Một bà hàng thịt run rẩy :

— Lạy chúa tôi ! Nhiều máu quá.

Trên hàng băng thứ hai, đứa bé mặt mũi xanh nhợt, tóc nó lồm chồm phật phờ trước gió. Bà mẹ quay tay qua gáy ôm lấy con, máu đầm đìa trên ngực áo cả mẹ lẫn con. Không còn biết ai bị trúng đạn nữa.

Bà hàng thịt, bỗng hô lên lạc hẳn giọng :

— Lạy chúa tôi ! Mẹ Tinh bị thương rồi !

Rồi tiếng hỏi rối rít :

— Ở đâu nào ?

Bà bỗng rút bàn tay lại, dơ lên cao, bàn tay bà đầm những máu :

— Giê-su, đây rồi ! Ở đây.

Bà hàng thịt bị thương khuất sau bà già. Bà nghênh cổ lên. Tóc rối bù, mồ hôi lấm tấm. Bà thều thào :

— Chết tôi rồi ! Ông tài ơi ngừng lại đi.

Ông tài mất cả bình tĩnh :

— Ngừng ! Ngừng cái con mẹ chi ! Từ này thì đòi đồ lại bây giờ thì ngừng. Còn chút nữa tới nhà thương xã Bồng, tha hồ mà xuống.

Bà mẹ vẫn rên rỉ, tiếng khóc lóc của bà mỗi lúc một to :

— Con ơi ! Chết con rồi. Con ơi !..,

Hai ông già bà già đã tỉnh ngủ ngơ ngác ngó mọi người rồi lại ngó nhau.

Toàn vẫn ngồi im lặng, bất động. Khẩu súng còn ở trên tay. Mặt anh cũng

ĐÀY THÁNG CON

Thơ THÀNH TÔN

một tháng ra đời điều gì con thấy
điều gì con nghe ? con khóc ? con cười ?
cha ở phương xa mặt trời thức dậy
cha ở phương xa súng nổ ngậm ngùi

con sinh ra đời nhà thương giải phẫu
nhà thương dành cho cuộc chiến bây giờ
tiếng con khóc hòa tiếng la tiếng ré
anh cụt tay. chị què cẳng không ngờ

cùng giờ con sinh có nhiều người chết
của viên đạn lạc, của trái bom rơi
nghe quê hương ta uốn mình mỗi một
cuộc chiến chôn vùi hai tiếng à ơi

con mới bốn ngày cha đi nhập cuộc
học bắn học đâm vào đúng tim người
cuộc chiến mù lòa mắt bà mẹ khóc
cuộc chiến xanh non cỏ mộ, môi cười

mẹ sẽ thay cha nuôi con khôn lớn
con hiểu gì không cuộc sống con người
quá lắm hăn thù nguy trang đầu lưỡi
quá lắm cách ngăn ần giữa môi cười

giác quan cha giờ đã câm đã điếc
vì súng vì bom vì nỗi ngậm ngùi
con sẽ lớn khôn điều con tất biết
gần gũi xa xăm giữa những tình người

đúng ba mươi ngày trong tầm cuộc sống
chuyển tay thương yêu nội ngoại vui vầy
trên xóm làng ta ỳ ảm tiếng súng
khoảng trống quê hương con lấp sao đầy ?

(tặng Nguyễn Ngọc Huân)

NGỰA HOANG

Thơ THỦY TRIỀU

thôi về với kiếp ngựa hoang
thân mang số phận đa đoan nỗi sầu
năm đây chờ hái thương đau
người đi mang thưở ban đầu đi luôn
ngựa về lạc lõng bên truông
trời đêm chùng xuống trăm muôn hải hùng
giữa đời hay giữa hư không
ngựa nghe lá đổ mùa đông về rừng
mịt mù dĩ - vãng sau lưng
ngựa về lạc lõng lưng chừng non cao
tương lai thôi hết vấy chào
mắt hoang tìm kiếm nơi nào quê hương ?

ngày đầu làm lính

Thơ TRẦN - HOÀI - THU

● Nắng lên trời hoang vu
Điếu thuốc tàn mỗi mệ
Mấy thặng mang lá rừng
Mấy thặng buồn lá chết
Súng chưa mang mà nặng
Ôi Bãi Rừng Bãi Rừng
Ôi Vườn Thơm Vườn Thơm
Ôi tiếng hò xung - phong
Chợt nghẹn ngào tiếng sát
Có mình đang thương mình
Nhìn mồ hôi ướt đẫm
Hôn tháng ngày chiến binh
Đi lính hoài cũng nản
Nên viết hoài thơ tình
Làm chúc thư của lính

● Nắng lên trời hoang vu
Mây trời ôm đất khóc
Súng này mình chĩa lên
Viên đạn này mình bắn
Cho anh và cho em
Cho bà con cô bác
Cho một mùa xuân cao
Về hôn loài hoa mọn...

● Nắng lên trời hoang vu
Anh thấy mình thồn thức
Thấy cả nghĩa - trang đời
Trong khu rừng đất cấm...

tiếng vàng phương oanh

Thơ TRẦN HUYỀN ÂN

Với tên tuổi loài chim vàng kí thác
Em đến trong đôi cánh mỏng dịu hiền
Thở hơi gió xuống trưa nồng sa mạc
Bàn tay ngà gõ nhịp đũa thần tiên

Lời em đó . . . lời Phương-Oanh réo rắt
Mang hương đồng phần nội ngọt ca dao
Lai láng trùng dương mặn nồng sơn sắt
Ôm núi rừng cây lá chấp mây cao -

Anh đứng dậy theo em dịu tiếng hát
Trán quân hành còn ướt đẫm mồ hôi
Vai áo lính bạc nhàu pha bụi cát
Tình giao tình âm hưởng cũng thành đôi

Trời rằm xanh trắng võ trường sáng chói
Lời Phương-Oanh vào khí quyển tan hòa
Niềm vui thấm len buồng tim mạch phổi
Bốc lên cười nhấp nháy điểm sao xa

Đêm nay rồi ngày mai nghìn vạn ngả
Em tung bay gieo rắc giọng chim vàng
Thả bóng mát dọc đường dài nắng hạ
Thương bao người trai mỗi bước hiên ngang

Giọng chim vàng em còn lưu niệm đó
Anh xin về ướp ngát giữa ba-lô
Gót gian khò xem thường vì sẵn có
Lời Phương-Oanh bằng bạc khắp sông hồ

BÊN TRONG

Thơ PHỔ ĐỨC

Đôi gương nhìn chẳng ra mình,
Sầu che kín mặt buồn in rû mây.
Tuổi thơ vàng vọt trên tay,
Tâm tư quặn thắt vết trầy ă n năn.
Điêu-tàn mọc khắp châu thân,
Chiếc hôn kỷ-niệm khô dần thời gian
Tôi như con nước lìa ngàn,
Nay ghềnh mai thác đầu lạng cuối khe.



Cây hồn trở nhánh đăm mê,
Dòng sông thương nhớ trôi về hư không.

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, soạn giả, dịch giả, tòa soạn và nhà xuất bản đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— Ra tòa oan hay ư ng ? của Bùi Đình Tuyên, do tác giả, thẩm Phán viện Chương lý Saigon, xuất bản và gửi tặng Sách dày 370 trang cung cấp những kiến thức căn bản về luật hình-sự cho những người làm chứng hoặc bị cáo trước tòa. Bản đặc biệt : 500đ.

— Đất mới tạp-chí do sinh viên trường Luật chủ trương, số 7 ra ngày 5 tháng 10-67. Tạp chí in ronéo, bìa in typo, khổ 19 x 24, do Ô. Huy Giang Nguyễn Đăng Trừng làm chủ-nhiệm, gồm 3 phần: Nghị luận, sáng tác văn nghệ và sinh hoạt.

— Văn nghiên cứu và phê bình văn học tập 4 số đặc biệt Tưởng niệm Nguyễn-Du gồm nhiều bài biên-khảo công phu của Đông Hồ, Trương văn Chính, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn xuân Chữ, Vũ hoàng Chương, Nguyễn văn

Xuân, Quách Tấn v.v... Mới số dày 126 trang. Giá 30đ.

Quần chúng, bán nguyệt san văn học nghệ thuật số 1, chủ đề : Cách mạng văn hóa, diễn đin của thanh niên sinh viên ra ngày 5 và 20 mỗi tháng. Chủ nhiệm : Nguyễn thị Bảo Kim^o; Chủ bút : Trần Nguyên Sơn; Thư ký tòa soạn : Chu Vương Miện. Tòa soạn : 32 Nguyễn bình Khiêm Saigon. Mỗi số khổ 15 x 23 dày 98 trang. Giá 25đ.

— Hiệp định Genève 1954 và cuộc tranh chấp tại Việt Nam của Trương Hoài Tâm do Hữu Nghị xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 288 trang gồm 2 phần chính : Phân tích cuộc tranh chấp hiện nay tại V.N. và Vấn đề hòa bình và thống nhất V.N. Bản đặc biệt.

— Bóng người dưới trăng, truyện dài trong tủ sách Tuổi Hoa của Nguyễn Trường Sơn, do Anh-Huy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 118 trang, trình bày đẹp. Bản đặc biệt, Giá bản thường 50đ,

SINH HOẠT

Triển-lãm và diễn-thuyết về Jean Cocteau

Trung tâm Văn hóa Pháp có mở một cuộc triển lãm về Jean Cocteau tại trụ sở, 31 đường Đà-đất, từ 16 đến 31-10-1967 và ngày thứ sáu 20-10, lại tổ chức một buổi nói chuyện về con người nghệ sĩ đặc biệt này, lúc 18 giờ 30. Diễn-giả là ông Jean-Pierre-Louis Blaize, giáo sư trường Trung học Marie-Curie.

Cuộc đời của Jean Cocteau (1889-1963) cùng với sự nghiệp của người văn nghệ ngoại hạng này (1) đã được nhà giáo trẻ tuổi nói trên nhắc nhở đầy đủ và linh động trên một giờ rưỡi.

Linh động, vì ngoài những giai thoại kì thú, những chi tiết ngộ nghĩnh, diễn giả còn cho chiếu ảnh, nghe máy ghi-âm : giọng nói, giọng ngâm thơ của chính tác giả, vài màn kịch, vài bản đàn, điệu hát đã làm thính giả đầy phòng diễn thuyết hôm ấy không thấy thời gian qua lâu và ai nấy đều lấy làm thích thú.

Với giọng rõ ràng, đĩnh chững duyên dáng, dí dỏm, ông Blaize đã làm người nghe chăm chú theo dõi cuộc đời ngoại hạng và sự nghiệp đa dạng của người nghệ sĩ lạ này. Người bạn thân của nhạc sĩ lớn Stravinsky, của họa sĩ lừng danh Picasso, đã làm thơ, viết tiểu thuyết, viết kịch, viết truyện phim, làm đạo diễn một số kịch và phim mình. Jean Cocteau vừa là nghệ sĩ (artiste), vừa là thủ công (artisan). Những tập thơ *Plain-chant*, *Clair obscur*, tiểu thuyết như *Les enfants terribles*, kịch như *Le bel in différent*, phim như *La Belle et la Bête*, *Orphée*, chẳng những đã đưa ông vào Hàn-lâm-viện mà còn lưu tên ông cho hậu thế. Tiểu thuyết, kịch, phim, có thể già nua, lỗi thời, nhưng mà nghệ sĩ luôn luôn tìm cái mới, nhà thơ huyền bí khao khát Vô cùng ấy vẫn sống với thời gian.

NGÊ - BÁ - LI

(1) Bách-Khoa số 165 (15-11-63) trang 85 cũng đã có một vài về Jean Cocteau của Trạng-Thiên.

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Giải văn-chương Nobel

Đúng vào ngày sinh nhật năm ông 68 tuổi, nhà văn Miguel Angel Asturias được báo tin trúng giải văn chương Nobel. Phản ứng đầu tiên : « Một khích lệ lớn đối với tôi. Không riêng với tôi, mà còn đối với cả Mỹ Châu la-tinh ».

M. A. Asturias là người xứ Guatemala, thuộc Văn hóa Tây-ban-nha. Đây là lần

đầu tiên một tiểu-thuyết-gia viết tiếng Tây-ban-nha được giải Nobel. Trước, thuộc khu vực văn hóa này chỉ mới có mấy nhà thơ được tặng thưởng mà thôi (Gabriela Bemavente, Etchegaray, Juan Amen Jinenez).

M. A. Asturias đậu tiến sĩ luật, làm luật sư ở Guatemala xong lại sang Pháp

ghi tên học ở Sorbonne. Sau đó, tác phẩm đầu tay của ông dịch ra Pháp văn do Paul Valéry đề tựa. Hiện thời, ông lại đang làm đại-sứ Guatemala ở Paris.

Người ta còn nhớ xung quanh giải Nobel năm ngoái đã có lắm kẻ nhắc đến M. A. Asturias. Tuy rất cuộc hai nhà văn Do thái đã đi trước ông trong cuộc tranh đua này, nhưng năm 1966, đối với Asturias, vẫn không phải là một năm xấu. Năm ấy ông được tặng giải thưởng Hòa bình Lénine.

Phúc bất trùng lai, ngoại trừ đối với Asturias.

Một kiểu chống kiểm- duyệt.

Ông Asturias ở Guatemala hãnh diện vì nhiều phúc, thì bà Hélène Vlahos ở Hy-lạp lại đẹp vì cái cách đón nhận những tai họa xảy đến cho bà.

Bà Vlahos kém ông Asturias 13 tuổi. Bà điều khiển một hệ-thống báo chí gồm những tờ *Kathimerini*, *Messimortni*, *Ikonès*. Ngày 21-4 vừa qua phe quân nhân lên cầm quyền ở Hy-lạp sau một chính biến. Báo chí bị đặt dưới chế độ kiểm duyệt. Bà Vlahos không chấp nhận sự kiểm duyệt này. Xuống đường chẳng? Biểu tình ngồi chẳng? Đảo chánh chẳng? Không. Bành không dùng phương pháp của các tổ chức chính-trị, của các lực lượng quân sự. Bà có cách riêng.

Cách ấy là đóng cửa tất - cả các tờ báo dưới quyền bà. Hễ nhà nước còn đòi kiểm duyệt, bà còn đóng cửa báo, như thế không ai có cách gì kiểm duyệt được. Đóng cửa báo, mà bà vẫn trả tiền nhà in, trả lương các ký giả. Trong số các ký giả này có ông Théophile Papaconstantinou, trước vẫn viết xã-luận trên tờ *Messimorini* và hiện nay lại là... Bộ-trưởng Thông-tin! Từ tháng 6-1967 đến

nay, bà Vlahos cứ đều đều gửi món tiền lương đến ông Papaconstantinou, và cứ khần khoản: Xin ông nhận cho. Ông là nhân viên tòa-soạn của tôi. Ông không có quyền từ chối. Khờ ruột ông Papaconstantinou hết sức.

Ông Papaconstantinou và chính phủ của ông đã tính hết cách để làm cho bà Vlahos chịu tục bản các tờ báo. Vô ích. Bà lắc đầu. Hoặc là chế độ kia bãi bỏ. Hoặc là bà bị phá sản. Bà vui vẻ báo tin với báo *Sunday Times*: « Cũng chẳng còn bao lâu nữa. Tôi gần cạn rồi. »

Thế rồi gần đây chẳng biết bà tuyên bố với nhật báo *La Stampa* thế nào đó mà bị truy tố về tội phỉ báng nhà cầm quyền. Bị quay quay suốt bốn giờ rưỡi, ở phòng biện-lý bước ra, bà loan tin: « Họ sẽ đưa tôi ra tòa đấy, lý thú đáo để. »

Những ông M

Ở Pháp thuế hệ Văn học giữa hai cuộc thế chiến có năm nhân tài lỗi lạc (ngũ phụng tề phi) mà danh tính bắt đầu bằng chữ M: Mauriac, Malraux, Morand, Montherlant và Maurois.

Trong vòng một tháng nay dư luận chú ý tới hai M: Maurois qua đời và Malraux in sách. Cuốn *Phản hồi-ký đồ sộ* (605 trang) đang ra, tuần đầu xếp hàng thứ hai trong các sách bán chạy, tuần sau vọt ngay lên hàng đầu.

J. François Revel tóm tắt tư tưởng chủ yếu của tác phẩm đại khái như sau: Nghệ thuật là biểu hiện ra cái gì không hề có. Chính trị lớn, cũng như nhà nghệ sĩ lớn, là một người có linh khiếu thị kiến, chứ không phải một người bám lấy thực-tế.

Nhà nghệ sĩ lớn (cố nhiên có thể lấy Malraux làm thí dụ. Nhưng còn chính

khách lớn là những ai vậy ? — Malraux sẵn sàng, hướn; dẫn độc giả tìm ra rặng ấy. Theo ông, giữa thế kỷ XX này, trên thế giới chỉ có 4 người. Bốn người xúng đáng thảo luận về số phận của nhân-loại. Đó là De Gaulle, Nehru, Mao Trạch Đông và . . . Malraux !

Theo sự chọn lựa ấy thì trong cuộc thảo luận định đoạt nhân loại ngời ta xi xò tiếng Pháp hơi nhiều, bởi lẽ trong bốn kẻ vĩ nhân thay mặt tất cả loài người có đến hai ông Tây, tức hai thầy trò Malraux.

Malraux không làm thơ mà ngông đến thế, nếu ông làm thơ như Lý Bạch thì

Cao-lực-si van xin chưa chắc đã được cời giày.

Những kỳ-mã xuất sắc.

Bên cạnh Malraux, chắc chắn Joseph Kessel không « lóa » bằng. Tuy vậy có một chi tiết liên quan tới Kessel tưởng cũng nên mách với giới độc giả sách Pháp. Đó là cuốn *Les Cavaliers*, suốt 27 tuần lễ, gần bảy tháng trời, luôn luôn xếp vào hạng mười tác phẩm bán chạy nhất. Hẳn có cái gì đặc sắc trong ấy chứ. Bạn nào muốn thử một chút chắc chắn khỏi phải tự trách về sự mạo hiểm của mình.

TRÀNG THIÊN (X-1967)

CÁO LỖI

Truyện dài MÁ HỒNG của Đỗ-tiến-Đức phải ngưng lại trong 2 kỳ: Bách khoa số trước (số 259 ngày 15-10-67) và số này (số 260 ngày 1-11-67) vì tác giả mắc nhiều công việc bất thường.

MÁ HỒNG sẽ được đăng tiếp trên Bách-khoa từ số tới đây. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Cũng trong số này vì lý do kỹ thuật truyện ngắn « MA LÍNH » của Trần Quí Sách phải gác đến số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả và Ông Trần Quí Sách.

Tòa soạn BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

TIN MỪNG

Chúng tôi vừa nhận được thiệp hồng của anh chị TRẦN VĂN KHÊ, 214 | 21i, đường Trần quang Khải, Sài Gòn, báo tin làm lễ vu qui cho trưởng nữ TRẦN THỊ THỦY TIÊN sánh duyên cùng cậu TRƯƠNG VĂN SÁNG trưởng nam ông bà TRƯƠNG VĂN XƯỜNG, 111B | 15 ấp Bắc ái 8, Bạch đằng, Gia định.

Hôn lễ sẽ cử hành trong vòng thân mật vào ngày 5 tháng 11 năm 1967 (nhằm ngày mồng 4 tháng 10 năm Đinh-Mùi).

Chúng tôi xin góp vui cùng anh chị KHÊ được rề thảo và xin chúc hai cháu SÁNG — TIÊN sẽ iên vui và sáng ấm.

Vợ chồng: PHẠM KÌ NGÔI, LÊ THƯƠNG, BÙI VĂN NHU, LÊ NGỘ CHÂU, NGUYỄN HỮU NGƯ và LƯU NGUYỄN Đ.T.T.

CÁO LỖI

Trong *Bách Khoa* số trước (số 259 ra ngày 15-10-67) vì sự sơ xuất về ấn-loát nên trong bài « *Những ngày chưa quên* » của Ô. Đoàn Thêm, phần cuối trang 26, có nhiều số báo chữ không rõ. Chúng tôi xin cho in lại dưới đây phần đó để quý bạn tiện dán vào số trước và xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả « *Những ngày chưa quên* » và quý vị độc giả của *Bách Khoa* :

Chỉ có kẻ gàn mới ước mong đem vào chánh-trị một tinh thần khoa học khách quan để nhận xét mọi hành-động và biến-chuyển, khi những sự-khiến này lại phát sinh từ những nhiệt-tình sôi nổi.

Nhưng thoát khỏi bản khoản tìm hiểu cũng là động-lực thúc đẩy khám phá cho chính mình nếu chẳng cho ai. Và nếu theo lối trực-tiếp là thu thập bằng chứng không được, thì đành theo đường gián-tiếp, nghĩa là suy luận từ thời-sự tổng quát mà cố đi tới một nhận định nào đó.

Nên tôi đã tự hỏi : ngoài việc bỏ phiếu, dù gian lận hay không gian lận, có thể dựa vào những sự thật nào khác để biết là lòng dân hồi đó đã ngã về ai ?

Một điều chắc chắn, là ngay từ 1952, chế-độ Quốc trưởng 1949 đã mất nhiều tín nhiệm, vì không thực hiện nổi những công cuộc mà dân chúng đợi chờ, nhất là sự tái lập an-ninh và thu hồi chủ-quyền. Hại hơn nữa, dù trút trách-nhiệm cho các chánh-phủ, Quốc-trưởng vẫn mang tiếng là thụ-động, nhu - nhược, và phóng-dăng.

Rồi tới khi tình-thế giữa nghiêng và đất nước sắp bị chia xẻ, ông lại cùng những người thân-tín rời xa xứ-sở, bỏ mặc dân trong hoang-mang, ly-tán, và nguy-khốn. Chính những người đã thực tâm tận tụy với ông, như ô. Nguyễn-Hữu-Tri, cũng phải chán nản vì thái - độ tiêu-cực của ông. Còn những người hay nhóm theo ông vì thân Pháp và nể Pháp, thì đã lảng xa ông khi biết rằng sắp không còn lợi gì nữa, vì Pháp cũng thất-thế và chuẩn bị rút về.

đầm mồ hôi. Hai bắp thịt ở má rung lên... Toàn giữ nguyên điệu bộ đó cho tới khi xe ngừng lại.

Ông tài diu bà hàng thịt, còn tôi bế đứa bé trên tay. Tất cả lừ rừ bước tới căn nhà. Chỉ có Toàn ở lại xe.

Ông tài bỗng dở lại giọng hùng biện, trước đám đông tò mò đang ủa tới:

— Đâu có chi mà ngó dữ vậy? Đi đi bà con cô bác!

Máu của đứa bé thấm trên tay áo tôi, nóng hổi. Mắt nó nhắm nghiền. Mặt tái mét hơn. Bà mẹ vẫn khéc lóc thảm thiết...

oOo

Tôi ra ngoài nhà Thương trước. Toàn đã rời khỏi chỗ ngồi. Anh dựa lưng vào cửa xe hút thuốc. Mặt hướng về phía nhà thương. Cặp kính đen của anh đã được bỏ xuống, mắc lủng lẳng trước ngực áo. Trên đôi mắt anh, vẻ khắc khổ, già dặn hiện rõ. Toàn hỏi tôi, giọng vẫn bình thường, nhưng tôi chắc anh đang cố nén xúc động:

— Họ có sao không?

— Bà hàng thịt thì không sao. Đạn sượt nhẹ qua đùi. Nhưng đứa bé phải chở về tỉnh. Họ chỉ băng bó và chích thuốc cầm máu thôi!

— Làm sao có xe về tỉnh được?

Tôi không trả lời, băng khuâng nhìn mấy vạt nắng chập chờn trên hàng cỏ cao trước bệnh viện. Toàn cũng vậy. Chúng tôi không thể nói gì hơn. Bỗng dưng tôi nhớ đến Hùng. Tôi nói với Toàn:

— Nếu anh về quận X... nhớ báo cho Hùng biết đừng xuống ấp dẫy nữa giùm!

— Hùng nào?

Câu hỏi của Toàn cho biết câu nói của mình lảng vẹt không đầu đuôi gì cả. Tôi lúng túng:

— Hùng dạy học Chương-trình giáo-dục Hè ở ấp Ka. Anh có phải là anh của Hùng?

Toàn gật đầu. Anh đang suy nghĩ điều gì. Cơn xúc động vừa rồi có lẽ bây giờ mới rả tới. Toàn cứ đứng im như thế một lát, bỗng anh bảo tôi:

— Tôi sẽ bao xe này về tỉnh cho đứa nhỏ.

Sự im lặng lại tiếp tục. Tôi phải lên tiếng trước:

— Chắc anh định về Saigon thăm cháu?

— Không tôi phải di chuyển tới quan Y... để giữ an-ninh cho vụ bỏ phiếu...

Toàn lơ đãng:

— Anh về tỉnh làm gì?

Câu hỏi như mất hồn của Toàn làm tôi ngỡ ngàng:

— Tôi ở tỉnh về ấp, bây giờ trở về để mai một bỏ phiếu.

Toàn như không nghe gì lời nói của tôi. Anh rút khẩu súng ra khỏi bao mân mê ở tay.

Có tiếng bà mẹ khóc từ trong nhà thương vẳng ra. Tiếng khóc bắt đầu rên rĩ. Toàn nhìn tôi:

— Tôi cũng có một cháu nhỏ... Gần bằng em này. Bây giờ anh bảo tôi phải làm sao? Mọi lần tôi về thăm con cũng phải tự vệ bằng cách ấy...

Toàn dơ khẩu súng về phía bụi. Tôi tưởng anh sẽ bắn mấy phát vào bụi, rồi quẳng súng xuống đất như trong các cuốn phim hào hùng. Nhưng không anh vẫn từ tốn, đút khẩu súng vào bao, đứng im như vị trí cũ, đôi mắt đỏ hoe.

Tiếng khóc của bà mẹ lại cất lên, dội vào tai hai người. Tôi buồn rầu ngó xuống khoảng áo chemise thấm máu của đứa bé.

Thú thật, ở giữa cuộc chiến tranh này, tôi chẳng biết phải làm sao cả...

TRẦN-ĐẠI

André MAUROIS

nửa thế - kỷ để xây một kim - tự - tháp

● NGUYỄN HIỂN LÊ



« Đối với một người đã chơi một canh bạc lớn thì sự rút lui về nghỉ ngơi là một điều gần như chịu không nổi. Người đó đã ghiền một thứ là hoạt động, không thể tẩy độc được nữa »

André Maurois.

Cậu Emile Herzog ngay từ hồi sáu tuổi đã ước ao sau này được chơi một canh bạc lớn, hồi mười một mười hai tuổi đã tập tành, hai mươi tuổi bắt đầu dự bị, ba mươi ba tuổi ra quân, thắng lớn; rồi từ đó canh bạc tiếp tục luôn nửa thế kỷ, thường là ăn hoặc hòa chứ ít khi thua, đến tám chục tuổi còn thắng một bàn khá lớn, đúng như Alain, thầy học của cậu đã tiên đoán Hai năm sau, gà mới gáy sáng mà canh bạc mới tàn: ngày 9-10 vừa rồi, Emile Hergog, tức André Maurois mất ở Neuilly, vì bệnh đau ruột, thọ 82 tuổi, kém Alain một tuổi.

Gia đình và thầy học

Ít có cậu bé nào mà được trời cưng như Emile, dành sẵn cho những lá bài rất tốt.

Cậu là giòng giống Do Thái nhưng gia đình theo đạo tin lành. Cha Ernest Herzog, là một kỹ nghệ gia lớn của pháp ở Alsace. Năm 1871, vì Pháp thua trận Alsace bị sáp nhập vào Đức, ông kháng khái dời xưởng nỉ gồm rất nhiều máy móc và bốn trăm người thợ, đến miền Normandie lập như một « thuộc địa Alsace » tại Elbeuf. Ông truyền lại cho Emile lòng ái quốc tính

cương cường liêm khiết kiên nhẫn, trọng sự thật và làm việc gì cũng đến nơi đến chốn.

Mẹ - Maurois ít khi nhắc tới mẹ - hiền hậu, giản dị, hồi trẻ học về văn chương ở Paris yêu thơ, có một tủ sách đủ các tác phẩm cổ điển, và nhiều tiểu thuyết lãng mạn. Hồi Emile sáu tuổi, bà đã giảng thơ Victor Hugo cho cậu, cậu thích quá muốn sau này được như Hugo, và về già vẫn còn cho Hugo là thi sĩ lớn nhất của Pháp. Chính nhờ mẹ mà cậu đọc sách rất sớm và rất nhiều. Bà đích thân săn sóc sự học của cậu (sinh ngày

26-7-1885 ở Elbeuf) và hai người con gái nữa (có lẽ là em Emile). Vậy cậu là con trai độc nhất trong một gia đình giàu có, danh vọng.

Trời lại cho cậu thông minh. Ở trường Trung học Elbeuf được mấy giáo sư tận tâm dắt dẫn cậu luôn luôn đứng đầu sò, mà vẫn gắng sức chứ không tự đắc. Hồi 10-12 tuổi, cậu có hùng tâm viết một vở kịch về Odette de Champdivers, người yêu của vua Charles VI. Nhất định là chẳng ra cái trò gì rồi, nhưng cậu không bỏ dở và viết cho đủ cả năm màn, và bằng thơ nữa nhé. Giáo sư Kittel dạy lớp đệ lục đoán sau thế nào cậu cũng thành văn sĩ nên cuối năm học, thưởng cho cậu cuốn *Âme russe* (Tâm hồn người Nga), một tuyển tập các văn phẩm của Pouchkine, Gogol, Tolstoi, và viết hàng chữ này lên trang đầu « ... đề sau này, khi xuất bản cuốn sách đầu tiên, trò nhớ tới ông thầy già của trò. » Không rõ điều đó có ảnh hưởng gì tới giám thức của cậu không, chỉ biết sau này André Maurois thường lấy Tolstoi, Tourgueniev, Tchekov làm kiểu mẫu.

Lên đệ tam, cậu vô trường trung học Rouen lại nhất lớp nữa, lại gặp một giáo sư triết, ông Emile Chartier — tức triết-gia Alain, — nhận được tài xuất chúng của cậu, hết lòng yêu mến, khuyến khích, chỉ bảo và cậu hai lần giạt được giải nhất trong những kỳ thi Văn chương và Triết học chung cho toàn thể học sinh Trung học Pháp. Alain lúc đó là văn sĩ nổi danh thường viết câu chuyện hằng ngày trên tờ *Depêche de Rouen*, có lần bảo một người

bạn : « Không bao giờ tôi còn có thể gặp được một học sinh ưu tú như vậy nữa ». Mà Emile cũng bị ông thôi miên ngay từ buổi học đầu. Những giờ giảng triết của ông thực linh động : « học sinh chưa ngồi được năm phút thì đã bị xô đẩy, kích thích, khiêu khích » vì ông khuyên họ đừng vội tin các triết gia cổ kim, phải tự tìm ra chân lý, và đưa ra nhiều nhận xét, phân tích, phán đoán rất mới mẻ, làm cho họ phải ngạc nhiên, thích thú. Emile ngưỡng mộ ông như một vị thần, ông bảo gì nghe nấy, và ta có thể nói một phần sự nghiệp của André Maurois là của ông, hầu hết tư tưởng của André Maurois là của ông.

Alain đề cao ý chí và hoạt động, bảo « *tôi muốn, vậy là có tôi* » ; « cứ xông vào hoạt động đi, rồi sẽ được cái mình muốn » ; sau này André Maurois cũng là một trong ba văn sĩ hoạt động nhất của Pháp (hai nhà kia là Malraux và Saint Exupéry).

Ông hướng dẫn cậu trong việc đọc sách :

« — Trò đọc những tác giả nào ? »

Cậu đáp :

— Anatole France, Maurice Barrès, André Gide.

Ông bảo :

— Cả bà đều là những tác giả nhỏ ; đọc hết Balzac và hết Stendhal đi. »

Và từ 18 đến 20 tuổi, cậu đọc hết bộ *Comédie humaine*. Rồi tiếp tục đọc Balzac tới suốt đời. »

Về bút pháp, ông khuyên cậu phải viết cho cô đọng, và tới cuối bài phải hạ một câu mạnh như một quả đấm. Ông còn bắt bỏ các giới từ như : *vậy thì, bởi vì, nhưng mà, tuy nhiên...* Cậu rần theo, tuy không được đúng.

(1) Theo Cinquante ans de vie littéraire trong Annales số tháng giêng 1966. Theo Portrait d'un ami qui s'appelait moi - Naumur 1959, thì là : « đề khi nào trò định bắt chước các nhà văn này thì nhớ đến thầy cũ của trò ».

nhưng không lúc nào quên; và trong cuốn *Lettre ouverte à un jeune homme* viết hồi tám chục tuổi, ta thấy Maurois mới thực sự học được bài học của thầy: chỉ giữ sự liên lạc tự nhiên giữa các ý, và bỏ gào hết nhưng liên lạc về ngữ pháp về hình thức, cho nên văn cuốn đó có vẻ như không xuôi, khó dịch.

Nhưng lời khuyên quyết định nhất, ảnh hưởng lớn nhất tới đời cầm bút của Maurois là lời khuyên dưới đây.

Năm 1902, khi trao cho cậu Emile giải thưởng triết học trong kỳ thi toàn quốc, Alain giữ cậu lại, hỏi sau này định làm gì. Emile muốn vô trường Cao đẳng sư phạm để sau vừa dạy học vừa viết lách (như Alain), Alain bảo:

«Thầy cho rằng không nên. Không phải là trò không thành công trong ngành đó đâu. Thi vô sư phạm, trò sẽ đậu dễ dàng. Nhưng rồi sẽ ra sao? Trò sẽ gặp nhiều nỗi nguy lớn. Trò có tính dễ dãi rất đáng sợ. Tôi ngại rằng trò chưa đủ già giặn mà đã vội viết lách. Làm giáo sư, trò sẽ không được thấy rõ cuộc đời mà trò phải tái tạo khi viết tiểu thuyết. Các môn phái văn học nhỏ nhỏ sẽ tiếp đón trò khi trò còn trẻ quá. Balzac, Dickens không bước vào nghề như vậy. Balzac làm thư ký trong một phòng công chứng rồi làm nhà in; Dickens làm ký giả. Phải thân phụ trò là kỹ nghệ gia không? Thầy muốn trò vô làm trong xưởng nhà để quan sát người ta làm việc (...). Ban ngày làm việc ở xưởng, ban tối chép tay cuốn «La Chartreuse hay cuốn «Le rouge» để học kỹ thuật của nhà văn đó, cũng như các họa sĩ trẻ tuổi vẽ lại các bức danh họa. Bước đầu vào đời như vậy là đẹp.

Nghĩa là Alain trút tất cả hi vọng vào con gà nòi của ông; muốn cho Emile sau thành một Balzac, và khuyên cậu phải tiếp xúc với đời, phải dự bị cho

lâu, phải học kỹ thuật viết của Stendhal.

Ông có biết rõ tính khí của học trò ông không? Muốn viết được một bộ *Comédie humaine* cho thế kỷ XX thì ngoài thiên tài ra phải bốc đồng, lẫn lộn, chìm nổi, phóng túng, trâng tráo, lỗ bịch, nghèo khổ như Balzac, phải tiếp xúc với đủ các hạng người từ hạng quí phái đến hạng ma cô, du côn ăn cướp, phải «trăm nghìn đồ một trận cười» rồi trốn chui trốn nhủi, viết đêm viết ngày để trả nợ; mà cậu Emile, con một đại kỹ nghệ gia — lúc đó xưởng dệt của thân phụ cậu đã muốn tới một ngàn rưởi thợ — phong lưu rất mực, tính tình lại đa cảm (di truyền của mẹ) thì có thể sống một cuộc đời như Balzac được không?

Nhưng triết gia «tôi-muốn-tức-là-có-tôi» đó đã muốn cho cậu Emile thành Balzac, tin rằng cậu sẽ thành Balzac, lại sẵn sàng hướng dẫn cậu thành Balzac thì làm sao cậu bé mười bảy tuổi đó không hãnh diện, không tận lực để khỏi phụ lòng sư phụ? Thế là cậu muốn đeo cái «mặt nạ» (2) của Emile Faguet hay Jules Lemaitre mà cậu phải bỏ, rồi hồi hai mươi lăm tuổi được bầu làm hội đồng thị trấn Elbeuf, nhiều người khuyên cậu: «Cứ tiếp tục đi, không có gì mà không đạt được» nhưng cậu cũng lại bỏ; có lúc nhớ tới kịch thơ *Odette de Champ divers*, cậu muốn nhảy qua ngành kịch, nhưng cũng không dám, vì Alain đã bảo phải thành Balzac để tặng đời một *Comédie humaine* nữa.

Đọc các hồi ký, tùy bút, tiểu luận của Maurois, luôn luôn ta thấy ông nhắc tới Alain: Alain bảo... Alain nói... Theo Alain... Alain nghĩ... Alain khuyên..

(2) Chữ của Maurois | Trong *Lettre ouverte à un jeune homme*, ông bảo mỗi người có thể đeo mặt nạ, nghĩa là có thể làm nhiều nghề, đóng nhiều vai trong xã hội,

Cứ y như là « Tử viết » trong Luận Ngữ vậy. Từ xưa tới nay tôi chưa thấy một nhà văn nào đối với thầy học, mà giữ được cái nếp của Platon đối với Socrate, hoặc của Tử Tư, Tử Cống đối với Khổng Tử như vậy.

Tám chục tuổi, đầu đã hói, tóc đã bạc mà đọc diễn văn ở các hội văn nghệ, ông vẫn luôn luôn kính cần nhắc đến thầy cũ: Tôi nhớ Alain... Alain đã dạy tôi... Tôi còn nhớ lời Alain., Thật cảm động! Mà cũng thật là khác thường, có cái gì như một sự ám ảnh. Sau mà bất kỳ lúc nào cũng dẫn hoài Alain như vậy, nhắc đi nhắc lại cả trăm lần (tôi không ngoa) những ý kiến của Alain như vậy? Cái tình Maurois — Alain là một đề tài rất hấp dẫn cho các sinh viên Cao học văn chương Pháp, và tôi chắc người ta sẽ khám phá được nhiều điều lạ. Đáng là một hiện tượng trong văn-học thế-giới.

oOo

Thời kỳ dự bị

Vậy cậu Emile nghe lời Alain, không thi vô Cao đẳng Sư phạm, học thêm một năm nữa, lấy được một chứng chỉ triết học, rồi xin thi hành quân dịch.

Cậu 18 tuổi nhưng chỉ lớn bằng một thanh niên 16 tuổi; viên bác sĩ bảo rằng cậu đau tim, may lắm thì sống được mười năm nữa, cậu phải nấn nì... Sĩ được chấp nhận. Vậy mà sau sống được tới 82 tuổi và ở trong quân đội đồng cộng được chín năm. Có lạ không chứ?

Thi hành xong quân dịch, cậu về giúp việc cho cha. Thực tình là cậu không ưa công việc dẹt nỉ, đập nỉ, nhuộm nỉ một chút nào cả, nhưng Alain đã bảo thì phải nghe, và được vài năm, cậu quen quen, thấy cái nghề chỉ huy cũng thích thích, sự tiếp xúc với thợ thuyền cũng giúp cậu hiểu được nhiều vấn đề xã hội.

Đúng như lời Alain dạy, ngày co xưởng, tối đọc sách, tập viết. Có điều là cậu không làm cái việc chép tay lại *La chartreuse* hoặc *Le Rouge* của Stendhal. Maurois không nói ra, nhưng ta đoán được như vậy vì có lần ông bảo mỗi buổi sáng, trước khi viết ông thường đọc ít trang của Tolstoi, Tourgueniev... để có hứng. Thực may cho ông và cho chúng ta, nếu ông mỗi buổi sáng đọc bộ luật của Pháp như Stendhal rồi mới viết thì chúng ta đã không được hưởng cái văn trong trẻo, tươi nhã, hóm hỉnh đôi khi du dương của Maurois.

Nghỉ hè cậu Emile thường qua Anh du lịch, để học thêm tiếng Anh và vẽ văn mấy thiếu nữ Anh nghèo nhưng đẹp trên bờ sông Thames. Và mỗi chủ nhật cậu lên Paris coi diễn kịch. Cậu rất thích kịch và thêm cuộc đời của các văn-nghệ sĩ cắp tay các đào hát tới ngồi trong các quán cà phê ngắm thiên hạ qua lại trên bờ sông Seine. Cậu du lịch Thụy-sĩ, Tây-Ban-Nha, Ý-đại-Lợi và ở ở Thụy-sĩ gặp một thiếu nữ gốc Ba-Lan, tuyệt đẹp, nghèo, ở với mẹ, nàng Janine de Szymkiewicz. Thế là máu Don Juan trong con người-tài-hoa đó bùng bùng lên. Chàng phỗng ngay nàng, đưa nàng qua Oxford (Anh), bao mẹ con nàng, cứ mỗi cuối tuần vượt biển Manche qua thăm nàng một lần, ba năm sau, năm 1912 mới chịu thú với cha mẹ và xin làm lễ cưới. Cha mẹ chàng đều sùng sốt, lo ngại, nhưng biết làm sao được! Về điểm đó chàng có thể theo gót Balzac được, và chỉ về điểm đó thôi.

Cặp vợ chồng đó rất yêu nhau, nhưng tôi ngờ rằng tình mẹ chồng con dâu không được đầm ấm lắm, vì sau này, Maurois viết truyện *Le Cerle de famille* trong đó tả những bi kịch và sự sung khắc giữa một người mẹ và một người con gái.

Ông coi xưởng giúp cha được mười

năm. Trong thời gian đó ông viết một tập tản truyện, năm 1905, bỏ tiền ra thuê in ở Rouen nhưng khi sửa bản vẽ, ông nhớ lại lời Alain, dạy « phải dăng lưới ở cao hơn », nên chỉ in hai chục bản để cất kín, chứ không xuất bản, mặc dầu tập ấy cũng không kém gì nhiều tập khác.

Ông nhận xét công việc cùng thợ thuyền, thu thập được nhiều tài liệu, kinh nghiệm để sau này viết một cuốn tiểu luận về thuật chỉ huy : *Dialogues sur le Commandement*, và một tiểu thuyết tả chân về thợ thuyền, có nhiều tư tưởng công bằng cuốn, *Bernard Quesnay*. Hiện nay cuốn này được các nhà xã hội học dùng làm tài liệu để nghiên cứu.

Nhưng hình như cũng trong thời đó ông thấy có những mâu-thuẫn giữa đời sống của ông và những tư tưởng xã-hội Alain truyền cho ông, nên sau ông tìm hiểu thi sĩ Anh Shelley (cũng có những mâu thuẫn như ông) và viết tiểu sử cho Shelley, để giải tỏa nỗi lòng của mình.

* * *

Ý chí tiềm thức và sự ngẫu-nhiên.

Sau mười năm chán ngấy cái « mùi nước rịn và mùi dạ ằm », chán ngấy cái đường đời kỹ nghệ gia nó chỉ đưa tới Phòng Thương Mại, tức tối cái « chỗ tuyệt vọng », ông phân vân, rầu rĩ chưa biết phải làm gì, thì may thay, không phải Alain, mà thế chiến 1914-1918 đã cứu ông. Triết gia « tôi muốn » đó không biết hay biết mà cố không chịu tin rằng ở đời không phải chỉ có « tôi muốn » mà còn có sự tình cờ nó muốn nữa. Nhất là đời một nhà văn. Sự nghiệp của một nhà văn già nữa là do sự tình cờ. Ai đã cầm bút trong mười năm cũng đều nhận ngay thấy như vậy.

Sau này mấy lần Maurois chua chát chịu thua sự ngẫu nhiên, nhưng không bao giờ dám trách sự phụ cả, mà chỉ tự

trách mình là không đủ nghị lực. Thái độ đó của ông thật đáng quý.

Trong một bài phỏng vấn của tạp chí *Lectures pour tous* số tháng sáu năm 1965 ông bảo :

« Người ta tin rằng sắp làm việc đó, mà rồi người ta lại làm một việc khác. Sau khi bỏ cái ý định viết kịch, tôi tự nhủ : « Phải viết một bộ *Comédie humaine*, một loạt tiểu thuyết mới được ». Tôi đã viết được nhiều tập rồi chứ ». *Climats*, *Le cercle de famille*, *Instinct du bonheur*. Nhưng rồi rui cho tôi là tôi lại viết một cuốn tiểu sử. Thiên hạ bảo « Tiểu sử, ông viết rất hay ! Viết nữa đi ! » Thế là tôi viết nữa... »

Trong *Lettre ouverte à un jeune homme* ông bảo cái « kim tự tháp » (3) của ông — tức sự nghiệp của ông — mỗi ngày một lên cao nhưng cạnh nó vụn vẹo, không được ngay : ý ông muốn nói ông không viết chuyên tiểu thuyết để hoàn tất một bộ *Comédie humaine* thứ nhì, thành một Balzac của thế kỷ XX như Alain muốn, mà viết về đủ các loại khác nữa : tiểu luận, sử, tiểu sử, phê bình...

Cũng trong cuốn đó ông lại ân hận rằng đã nề lời người khác nên sao lãng công việc viết tiểu thuyết và khuyên thanh niên phải tập trung hết tâm trí vào một việc thôi để gây nên sự nghiệp, mà cương quyết từ chối mọi công việc khác, Ông buồn rằng ông đã nề lời người ta mà đi diễn thuyết khắp Anh, Mỹ, nhận « com măng » viết tiểu sử của Flening, của bà La Fayette...; nhất là nhận « com măng » viết cả ngàn bài báo nữa. Như vậy thế làm sao còn viết *Comédie humaine* được ! Ông đã phụ lòng Alain vị sự phụ theo dõi từng bước sự nghiệp của ông — và có phải vì vậy mà ông nhắc hoài tới Alain không, gần

(3) Tiếng này ông mượn của Goethe.

như có mặc-cảm tội lỗi với Alaina không?

Nhưng ông thực hiện được *Comédie humaine* có phải tại ông thiếu nghị lực?

Tôi ngờ rằng không. Nghị lực của ông là nghị lực của giòng giống Do thái, đâu có kém ai. Chứng cứ: hồi nhỏ ông rất yếu ớt, xương sống vẹo, phải đeo cái đai bằng sắt, vậy mà lên trung học khi bỏ được đai rồi ông quyết tâm tập thể-dục cho mạnh không kém một bạn học nào và ít năm sau ông giật được giải quán quân thể-dục của học sinh ông lấy làm vinh-dự về phần thưởng đó hơn là phần thưởng nhất môn luận Triết trong kì thi toàn quốc.

Sức kiên nhẫn của ông cũng không vừa: ba năm vượt biển mỗi tuần lui tới với người đẹp, mười năm nghe lời thầy làm một việc mà ông không thích trong xưởng của cha, và năm chục năm, hầu như ngày nào cũng viết, không phải hai trang như Stendhal, mà ba trang, năm trang. Thử hỏi mấy ai đã được như ông.

Không ai phủ nhận sức mạnh của ý-chí. «Muốn thì được». Nhưng còn phải biết cách «tôi muốn» nó ra sao.

Nếu nó chỉ là một phát động của lý-trí thì nó chưa có một sức mạnh gì cả; nó phải là một phát động của tiềm thức, của toàn bộ cơ thể ta thì nó mới là một sức mạnh. Ốc tôi muốn nhưng đồng thời từng bấp thịch, đường gân, từng mạch máu, tế-bào của tôi cũng phải muốn nữa thì mới đưa tới hoạt động bền bỉ được. Nói cách khác là cái mà tôi muốn phải hợp với bản chất, tính tình, khả năng của tôi thì tôi mới có thể thực hiện nó một cách hoàn hảo được.

Thời xưa ai mới cầm bút cũng muốn làm thơ, bây giờ ai cũng muốn viết tiểu thuyết, và dù làm thơ hay viết tiểu thuyết, ai cũng muốn được như nhà này,

nhà nọ; nhưng trừ một số ít, còn thì a cũng phải dò dẫm lâu mới thấy được đường của mình, nghĩa là tìm được một cái mình muốn mà hợp với bản chất, tính tình khả năng của mình. Emile tìm được là do ngẫu nhiên.

oOo

Ba mươi tuổi, André Maurois bỗng tìm được điệu nhạc trong lòng.

Ở Elbeuf, nghe lời Alain, Emile, trong những giờ rảnh đã nghiên cứu kỹ-thuật viết tiểu-thuyết của Stendhal, Balzac, Proust, Tourgueniev và Tolstoi. Cậu thích nhất Tolstoi trong *Anna Karénine* và *Guerre et Paix*. Cậu lại nhận xét giới kỹ nghệ gia ở Normandie, rồi tập viết. Nhưng sau mười năm chưa viết được một tập truyện nào thật vừa ý, thì thể chiến thứ nhất bùng nổ. Cậu được lệnh nhập ngũ. Được di truyền tinh thần ái quốc của cha, lại thích nghề binh, cậu muốn được phục vụ trong một đội quân chiến đấu, nhưng tới trại ở Rouen thì cậu được lệnh xung vào quân đội Anh để làm thông ngôn, rồi sau làm liên-lạc-viên vì cậu biết tiếng Anh khá khá. Cậu cự nự: « Không, tôi không muốn chiến đấu với người Anh », có biết đâu rằng cái rủi chính là cái may của cậu.

Tiếp xúc với các sĩ quan Anh, cậu tò mò nhận xét thấy họ tuy « phớt tỉnh » nhưng lịch sự và có tinh thần hài hước rất hợp với cậu. Thế là cậu có thiện cảm với họ, tìm hiểu họ và giúp họ hiểu đồng bào của mình. Nói chuyện với họ, nghe họ nói chuyện với nhau trong tiếng súng ở Flandres, ở Artois, « lần lần một cuốn sách thành hình trong đầu óc cậu một cách ngẫu nhiên, không có bố cục sẵn ». Cậu viết rất dễ dàng, « gần như cầm bút lên thì đã xong rồi », V cậu đã tìm thấy điệu nhạc trong lòng cậu

tìm thấy cái khuynh hướng của cậu. Không phải là cậu viết, tất cả những đường gân, thớ thịt, tế-bào của cậu viết cho cậu : từ trước nó vẫn đợi có cơ hội để phát hiện thì bây giờ nó phát hiện thành một thể văn sở trường của cậu, thể đối thoại, đi dóm khá sâu sắc về tâm-lý cũng như về tư tưởng. Cuốn đó là cuốn *Les silences du Colonel Bramble* (Những lúc im lặng của Đại tá Bramble)

Bảo cuốn đó là một tiểu-thuyết thì cũng được vì các nhân vật đều do tưởng tượng, một tiểu-thuyết có tính cách triết-lý và tâm-lý bàn về chiến tranh, về ái tình, về vấn đề sinh tử, mà lại có tính cách thơ vì thỉnh thoảng xen một vài bài thơ. Muốn cho đúng, có lẽ phải gọi nó là tiểu luận viết theo lối tiểu thuyết.

Nhà Bernard Grasset thích cuốn đó cho in ngay trong khi còn chiến tranh, và năm 1918 nó ra mắt độc giả. Năm đó cậu Emile 33 tuổi. Cậu không kí tên thật vì các sĩ quan thượng cấp sợ những lời mỉa mai nhẹ nhàng của cậu làm cho các tướng tá Anh ở trên đất Pháp phật ý; cậu lựa bút hiệu André Maurois : André là tên một người anh họ, còn Maurois là tên một làng cậu thích vì có những thanh âm buồn buồn.

Lần đầu chỉ in có một ngàn bản. Hết veo. In thêm năm ngàn nữa, cũng hết. Rồi hai chục ngàn. Chỉ trong khoảng một hai năm bán được trăm ngàn bản. Maurois sướng như điên. Y như trong truyện *Ngàn lẻ một đêm*, một chú đóng giày bừng mắt dậy bỗng thấy mình thành một ông vua ngất ngưỡng trong một cung điện đầy châu báu chung quanh là hằng ngàn cung tần mỹ nữ vậy. Đề độc giả thấy cái vui của Maurois ra sao, tôi xin thưa, ở Pháp hiện nay một tiểu thuyết đầu tay mà bán được ba ngàn bản thì cũng đáng kể là thành công rồi,

và ở nước ta thì tất cả những tiểu thuyết của Khái-Hưng xuất bản và tái bản đi tái bản lại từ 1934-1935 tới nay, cộng gộp cả lại, may ra mới được trên trăm ngàn bản.

Trước kia Maurois chỉ ước ao được làm quen với France, Kipling, Clément-ceau, thì bây giờ họ đều viết thư khen ông. Lyautey bảo : « cuốn sách lạ lùng quá ! » Các phê-bình-gia nổi tiếng đều sửng sốt : « Quái, trong quân-đội ở đâu mà xuất hiện anh chàng làm chủ được kỹ-thuật một cách hoàn toàn như vậy ? »

Nhưng cả trong lúc vui đó, hình bóng của Alain vẫn hiện lên để nhắc nhở nên nhũn nhặn : « Trong đời anh, chỉ có hai lần mà anh được báo chí nhất loạt hoan nghênh như vậy thôi : bây giờ về cuốn đầu tiên của anh, và hồi anh 80 tuổi, về cuốn cuối cùng của anh. » Nghĩa là anh còn phải cầm cò làm việc năm chục năm nữa. Tôi muốn anh thành Balzac kia !

Giữa hai thế-chiến. — Ôi Alain !

Giải ngũ rồi. Maurois lại trở về xưởng dệt. Phụ thân ông khuyên ông hãy đợi viết vài cuốn nữa xem sao rồi hãy đoạn tuyệt với nghề của nhà. Ông nghe lời, viết cuốn *Ni ange ni bête* (1919) không thành công mấy, chỉ bán được tám, chín ngàn bản, không được các nhà phê-bình đề ý tới, mà chính ông cũng không thích, nhưng Alain lại khen là : « Hay lắm. Anh đã hiểu bài học của Stendhal. »

Năm sau, ông cho ra một cuốn nữa, cũng tầm thường : *Les Bourgeois de Witgheim*. Ông trở lại khai thác thêm những kỉ - niệm trong chiến tranh, viết cuốn : *Les discours du Dr O' Grady* (Những lời biện luận của bác sĩ O' Grady)

cũng dùng cái thể trong cuốn *Bramble* và cũng thành công như *Bramble*.

Năm 1923 ông viết tiểu sử *Shelley* để giải tỏa một mâu thuẫn trong lòng. Cuốn này được Gide khen, nhưng một số nhà phê-bình chê ông là tiểu thuyết hóa đời của Shelley, điều này làm ông rất bực mình vì sự thực ông đều căn cứ vào tài liệu, không hề tưởng tượng, thêm bớt, chỉ vì chú trọng vào phần tiểu-thuyết trong đời thi sĩ đó mà bị thiên hạ hiểu lầm. Năm 1924, vợ chết, ông rất buồn, bỏ luôn công việc kỹ nghệ, lên Paris, đứng hơn là Neuilly-sur Seine, sống với ba người con và từ đây chuyên về nghề cầm bút.

Ông lần lượt cho ra *Dialogues sur le commandement* (Biện luận về thuật chỉ huy mà ông học được khi chỉ-huy xưởng dệt), rồi *Bernard Quesnay* (1926) một tiểu thuyết khá thành công về tình hình và tâm lý thợ thuyền trong xưởng dệt.

Ở Paris, ông làm quen với François Mauriac, Jean Giraudoux, Paul Morand, Charles du Bos — sau thành bạn rất thân của ông, thường khuyến khích, khuyên răn ông trong việc sáng tác — và một hôm ông được giới thiệu với cô Simone de Cavaillet. Thiếu nữ này đẹp, nhà giàu, yêu văn nghệ, có hồi được Anatole France nuôi nấng, là con người bạn thân của Marcel Proust. Proust đã tả cô trong *Recherche du temps perdu*, gọi cô là De Saint Loup. Hai người mến nhau liền, năm 1926 làm lễ cưới và từ đó bà làm thư ký cho ông: ở Neuilly, sát phòng viết của ông là phòng việc của bà cũng chứa đầy sách như phòng của ông. Hễ ông viết xong trang nào, bà đánh máy lại ngay cho ông, y như cảnh vợ chồng Tolstoi hồi trẻ vậy mà không có những cơn đông tố như gia đình Tolstoi. Bà đã đánh máy 5 lần cuốn *G. Sand* cho ông. Về điểm đó, Mauroi cũng lại được trời cưng nữa.

Đời hết cô độc, ông viết đều đều và khá nhiều. Đáng chú ý là cuốn *La vie de Disraeli*, kể lại đời sống của một chính khách đại tài của Anh thời nữ hoàng Victoria, một đời sống mà ông ước ao có được, nhưng lại phải lánh xa chỉ vì ý muốn của Alain. Cuốn đó viết rất hay ông khéo đối chiếu tính tình, hoạt động của hai chính khách tài ngang nhau, đối nghịch nhau: Disraeli và Gladstone. Nhiều nhà phê bình khen ông và khuyên ông nên đi vào con đường viết tiểu sử. Ông đã nghe lời họ mà chính là nghe lời con tâm của ông nữa, từ đó bước vào ngành tiểu sử. Ôi Alain !

Mới đầu ông còn rụt rè. Vẫn đeo đuổi cái mộng thành Balzac, coi việc viết tiểu-sử và tiểu-luận là việc phụ, nên đã đề nhiều tâm trí vào tiểu thuyết *Climats* (4) rất thành công (lần đầu bán được hai trăm ngàn bản, và từ 1928 tới nay vẫn được tái bản hoài... được coi là tiểu thuyết có giá trị nhất của ông) và một truyện quái dị có tính cách triết lý: *Voyage au pays des Article* (du lịch ở xứ các người-trồng-ng nghệ-thuật.) Ông tưởng tượng một đảo chỉ có hai hạng người: hạng chuyên trồng-ng nghệ-thuật (*article*) chỉ ăn rồi lo trau giồi trí óc, và một hàng chuyên làm ruộng để nuôi hạng trên, và ông kết luận rằng hạng thứ hai có thể thích cuộc đời của hạng thứ nhất, bỏ hết các công việc đồng áng mà toàn dân trong đảo sẽ chết đói hết. Vẫn là cái triết lý của Alain: văn nghệ sĩ cũng phải hoạt động chứ không thể chủ trương nghệ

(4) Tập đó mới có một bản dịch của Mặc Đỗ. Chữ *climats* rất khó dịch: nó trở cái không khí tình cảm, tinh thần mà một người thân của ta gây cho ta. Ông Mặc Đỗ dịch là tâm trạng

thuật vì nghệ thuật được, Truyện khá được hoan nghênh nhưng đâu phải là cái loại của Balzac, trái lại nó phảng phất giống *L'Ile des pingvins* của Anatole France về kỹ thuật, về thể văn.

Ta thử kê những tác phẩm của ông trong mười năm sau, cho tới thể chiến thứ nhì, sẽ thấy :

Về tiểu thuyết ông sáng tác được :

Le cercle de famille (1932)

L'instinct du bonheur (1934)

Về truyện quái dị đều ngắn cả, khá được hoan nghênh và có tính cách triết lý như *Articoles* :

Le peseur d'âmes (1931) (5)

La machine à lire les pensées (1937)

Còn thì là tiểu luận :

Aspects de la biographie (1928)

Contact (1928)

Le côté Chelsea (1928)

Relativisme (1930)

L'Amérique inattendue (1931)

Mes songes que voici (1933)

Introduction à la méthode de Paul Valéry (1933)

Chantier américain (1933)

Sentiments et coutumes (1934)

Magiciens et logiciens (1935)

Un art de vivre (1939) (6)

một cuốn sử :

Histoire d'Angleterre (1937)

và quan trọng hơn cả là những cuốn tiểu sử :

Byron (1930)

Lyantey (1931)

Tourguenier (1931)

Voltaire (1933)

(5) Có bản dịch của Hoàng Văn Đức : Người cân linh hồn.

(6) Có bản dịch của Hoàng Thu Đông : Một nghệ thuật sống.

Còn nhiều tập nữa, tôi đã lược bớt.

Edouard VII et son temps (1937)

Chateaubriand (1938)

Cuốn nào cũng được hoan nghênh, nhất là *Voltaire* và *Chateaubriand*.

Không biết Alain lúc này có buồn không : học trò ruột của ông mỗi ngày mỗi đi ra ngoài con đường ông vạch sẵn; nhưng chính Maurois thì đã hơi ân hận, tự thanh minh rằng chỉ tại thiên hạ mờ mịt quá mà mình lại cả nê. Anh, Mỹ đều mời ông qua diễn thuyết, giảng dạy tại các đại học đường Oxford, Cambridge, Princeton ; vì tình thân thiện giữa đồng minh với nhau, ông làm sao mà từ chối được ; phải cho người Anh người Mỹ hiểu thêm dân tộc Pháp, văn, học Pháp chứ ! Đó chẳng phải là bổn phận của văn sĩ Pháp sao ? Rồi ngay ở trong nước, người ta cũng mời ông diễn thuyết, xin ông bài báo. Thành thử Alain cấm ông vào Đại-học Sư-phạm thì ông lại đi vòng vào ngành dạy học theo một ngã khác, vinh quang hơn nhiều. Ông rầu rầu nhận rằng những công việc khảo sát, trừ tác đó «chẳng có lợi gì mấy cho nhà văn» — ông muốn nói cho một nhà văn muốn thành Balzac — nhưng rồi ông lại tự an ủi : «mỗi thế hệ cần có ít người đi ra nước ngoài để giới thiệu nước Pháp» — mà cái đời dạy học và diễn thuyết ở nước ngoài đó thật là vui sướng lạ lùng.

Vui nhất là năm 1938 ông được bầu vào Hàn-Lâm-Viện. Việc ông ứng cử vô viện cũng là một điều trái hẳn với ý muốn của Alain. Mấy lần bạn bè bảo Maurois nộp đơn, sẽ hết lòng ủng hộ. Maurois mới đầu từ chối vì nhớ lại lời Alain dạy : «Những chuyện ứng cử đó ghê tởm lắm ! » Nhưng rồi rồi 1936, không biết có phải vì nê lời bạn không, Maurois chịu nộp đơn và thấy rằng cái việc đó chẳng có gì là nhục nhã hết. Trái lại

rất thú vị là khác. Do xã giao mà đi thăm các cụ Hàn chữ đầu phải đề xin xỏ một lá phiếu. Mà các cụ Hàn đó hiểu biết rất rộng, nói chuyện rất vui, về đủ vấn đề hết, lại rất tế nhị, không hề nhắc tới cái việc ứng cử. Thế rồi tới ngày bầu. Năm 1936 ông rút. Năm 1938 ông ra lần nữa lần này đậu và thay R. Doumic.

Vô Viện rồi, lại còn thú hơn nữa. Ông chê Sainte Beuve là nói bậy: «Hàn Lâm Viện như những bông huệ ở trong ruộng chẳng cày chẳng dệt, mà ngay Salomon trong cái thời vinh quang nhất, cũng chẳng được ăn bận đẹp hơn.» Có cày, có dệt đấy chứ? Có làm tự điền ấy chứ! Đành rằng có chậm thật, nhưng chính ngôn-ngữ cũng thay đổi chậm kia mà. Ôi những buổi họp vào ngày thứ năm ở Viện thú biết bao! Được gặp mặt những bực quý, hạng tinh hoa nhất trong nước, ở trên bờ «con sông đẹp nhất thế giới» nội cái đó cũng là «một kết quả đáng kể rồi».

Chính cái việc làm tự điền cũng vui đáo để. Ông kể chuyện có lần một cụ Hàn đề nghị phải thêm vào định nghĩa tiếng *caravelle*, hồi xưa nó là một thứ tàu biển

Bồ Đào Nha, bây giờ nó trở một loại máy bay. Một cụ Hàn khác đáp:

— Không được, nó không phải là một máy bay, nó là một nhãn hiệu và Hàn Lâm Viện, mà lại đi làm quảng cáo cho một nhãn hiệu à?

Một cụ thứ ba bảo:

— Phải lắm, nhưng như vậy khi một độc giả gọai quốc đọc câu: «Tướng De Gaulle đã ngồi chiếc Caravelle của ông đề qua Rome» thì người đó sẽ tưởng rằng ông ta đáp một chiếc tàu biển Bồ Đào Nha đề qua Rome» mất!

Chuyện của các cụ Hàn lí thú thật! Ông chỉ hơi tiếc André Mahaux, Jean Aouilh, Marcel Aymé, Aragon không vô Viện cho vui, và ông còn bảo giá thời này mà có một Victor Hugo, và một Balzac (lại Balzac nữa!) thì ông sẽ níu lấy áo họ mà kéo cho được họ vào Viện. Trong *Lettre ouverte à un jeune homme* ông bảo ở đời cần có một chút vinh dự đề khỏi thối mắc về nó nữa mà có thể yên ổn thực hiện sự nghiệp.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

sorbitol delalande



**BỔ DƯỠNG GAN MẬT
BIỂU HÒA TIÊU HÓA**

khiến mọi người vui vẻ yêu đời

VIỆN BẢO CHẾ DELALANDE PHÁP QUỐC
Có bán tại các nhà thuốc Tây

KN số 915 BYT. QCDP - 23-7-64

Thế-giới trong những tuần qua

● TỪ-TRÌ

Ba sự-kIỆN đã được dư-luận quốc-tế chú trọng tới là cái chết của «Che» Guevara, chuyên-viên du-kích ở Mỹ-Châu, những khó khăn nội-bộ của Pháp và Đức; và sau hết tại Trung-Đông: các quốc-gia Ả-Rập vẫn chưa tìm ra lối thoát.

Mỹ-châu : «Che» Guevara bị mạng vong ở Bolivie.

Như trong Bách-khoa số trước ta đã biết rằng Ernesto Guevara — mà người ta thường gọi là «Che» Guevara — đã được Fidel Castro, Thủ tướng Cuba, gửi sang các quốc gia Nam Mỹ để du nhập vào các nước này những cuộc «chiến tranh Việt Nam». Từ mùa xuân 1965, Guevara đã biến khỏi Cuba và đã hoạt động mạnh để lật đổ các chính phủ ở Nam-Mỹ, ngõ hầu thiết lập những chế độ cộng-sản ở lục-địa này. Từ đó Guevara như một hồn ma luôn luôn ám ảnh các chính phủ Nam-Mỹ. Vì vậy cái chết của Guevara gần đây đã khiến các chính phủ này được thở dài nhẹ nhõm.

Sinh tại Argentine trong một gia đình khá giả Ernesto «Che» Guevara là con của kiến-trúc-sư Ernesto Guevara Lynch. Năm 14 tuổi, Guevara hết sức phấn nộ khi được biết là mẹ mình đã bị tra tấn dã man trong nhà tù của chính thê độc-tài Péron. Guevara bèn trốn nhà đi tranh đấu chống Péron. Năm 1954 Guevara tham gia cách-mạng để ủng hộ Tổng thống Arbenz, bị Mỹ lật đổ. Arbenz thất bại, Guevara phải trốn sang Mễ-

Tây-Cơ và gặp hai anh em Fidel và Raul Castro.

Từ đó Guevara, một y-sĩ, đã trở thành một chuyên-viên du-kích-chiến. Từ 1956 tới 1959, cùng với anh em Castro, Guevara tranh đấu lật đổ chính thê độc-tài Batista ở Cuba. Ngày 1-1-1959 chính quyền Batista sụp đổ, Guevara cùng anh em Castro lên cầm quyền ở La Havane. Được cử làm Giám-đốc Ngân hàng quốc-gia Cuba, sau đó Tổng-trưởng Bộ Kỹ-nghệ, Guevara có nhiệm vụ phát-triển Cuba, đưa nước này ra khỏi tình trạng khiếm khai.

Nhưng thích phiêu lưu, Guevara không thể chịu nổi đời sống hành chánh quá trầm lặng. Hơn nữa, Guevara với một tính tình nồng nhiệt, sôi động, không chịu nổi tính «lưng khùng» của người Cuba. Ngoài ra có lẽ bất đồng ý kiến với Castro, Guevara đã ra đi tìm lại tự do vào tháng 3-1965, để lại vợ con ở Cuba.

Ngoài tính ưa phiêu-lưu, Guevara còn muốn làm cách-mạng cộng-sản trên toàn thế giới. Guevara chỉ trích các quốc-gia cộng sản vẫn còn thân thiện với Mỹ. Guevara quyết định mở một mặt trận thứ hai chống Mỹ ngay tại Nam-Mỹ là chủ tâm muốn làm nhẹ bớt gánh nặng cho Bắc-Việt.

Từ khi Guevara ra đi nhiều tin tức luôn luôn được tung ra: Người thì bảo rằng Castro đã giết Guevara, người thì bảo «Che» ở Congo, ở Việt Nam. Đến



Che Guevara khi sống và khi chết. Xác được trình bày cho báo chí đến xem xét.

đầu năm nay, khi Régis Debray, một trí thức Pháp bị nhà cầm quyền Bolivie bắt giữ, tuyên bố là ông tới Bolivie để phỏng vấn Guevara thì người ta mới theo dõi gặt gao hoạt động của Guevara ở nước này.

Tính lãng mạn của Guevara đã làm hại Guevara. Muốn đơn thương độc mã hành động, Guevara đã bị thất bại. Hơn nữa Guevara đã làm một điều hết sức sai lầm là áp dụng kinh-nghiệm cách-mạng của Cuba vào những điều kiện thời gian và không gian hoàn toàn khác biệt. Chính thể độc-tài của Batista ở Cuba ngày trước khác với chính-thể tương đối dân-chủ của Barrientos ở Bolivie ngày nay. Khi xưa, Cuba bị các công ty Mỹ như United Fruit C^o khai thác và người Cuba bị chế độ thối nát của Batista áp bức nên dân chúng phấn nộ; ngày nay ở Bolivie không có sự lạm dụng của công-ty Mỹ và của chính quyền nên dân chúng thờ ơ trước những kêu gọi nổi dậy của Guevara-

Ngoài ra vỡ tuồng cách mạng của Guevara diễn lại ở Bolivie 10 năm sau Cách-mạng Cuba, nên các chính phủ Nam-Mỹ và các chuyên viên của Hoa-Kỳ đã học hỏi được rất nhiều về phương-pháp chống du kích nên Che Guevara không thể tránh khỏi, thất bại.

Ngày 8-10-1967 Guevara hướng dẫn một tiểu-đội du-kích bị quân chính-phủ bản trọng thương và bắt sống. Vì luật Bolivie không cho phép xử tử-hình nên có lẽ chính phủ nước này, muốn tránh mọi hậu hoạn đã ra lệnh làm chết Guevara. Xác Guevara được đưa về trưng bày tại Valle Grande cho các ký giả tới xem và nhận diện. Vết tay của người chết cũng được nghiên cứu kỹ lưỡng để không còn nghi ngờ gì nữa: chính Guevara đã chết. Như vậy cuộc sống phiêu lưu của một nhà cách mạng chuyên nghiệp mà lãng mạn đã thực sự chấm dứt.

Âu-Châu : Khó khăn nội bộ tại Pháp và Đức

Mùa hè năm 1967 này đã là một mùa

gây biến chuyển trong chính trường Pháp. Thật vậy Tổng thống Pháp De Gaulle đã có những cử chỉ khiến dân chúng càng ngày càng khó chịu.

Tháng 6-67 tướng De Gaulle ủng hộ Á-Rập trong cuộc chiến tranh Trung Đông. Tháng 7, ông đòi giải phóng Québec. Tuy nhiên, chính sách đối ngoại của De Gaulle cũng chưa phải là yếu tố chính làm dân chúng Pháp bức tức mà yếu tố làm người dân phần nộ lại là chính sách kinh tế của ông. Đề thi hành hiệp-ước La-Mã 1956 thành lập Thị trường chung, nước Pháp phải bãi bỏ mọi hàng rào quan-thuế để sản phẩm của 6 quốc-gia hội viên được tự do lưu thông từ nước nọ sang nước kia. Như thế có nghĩa là sản-phẩm kỹ nghệ của Pháp bị sản phẩm kỹ nghệ Đức cạnh tranh trên chính thị-trường Pháp và sản phẩm canh nông của Pháp cũng bị sản-phẩm của Bỉ và Hòa-Lan cạnh tranh trong điều kiện tương tự.

Để chuẩn bị sự tràn ngập của sản-phẩm ngoại quốc vào, để tránh những hậu quả tai hại cho nền kinh tế quốc-gia, chính phủ Pháp đã xin Quốc-hội cho toàn quyền hành động để dùng sắc lệnh tổ chức lại guồng máy sản xuất. Những biện pháp khắc khổ đã được ban hành như tăng giá chuyên trở, hạ bớt tiền cứu trợ của quỹ An-ninh xã hội, hợp lý hóa ngành canh nông. Những biện pháp này đã bị dân chúng phản đối mạnh mẽ.

Tại cuộc bầu cử các hội-đồng quận, phe De Gaulle bị mất phiếu trong khi đó đảng cộng-sản thu được nhiều thắng lợi : lần đầu tiên đảng này chiếm được đa-số tại hai quận.

24 giờ sau cuộc bầu-cử này, hơn 100.000 dân cây đã biểu tình trên khắp

nước Pháp vì họ ở những vùng nghèo nàn, nếu sản phẩm canh nông Hòa Lan tràn vào thì nền canh nông của Pháp sẽ bị lũng đoạn. Kết quả của các cuộc biểu tình này là có tới 300 người bị thương.

Sự chống đối ở Quốc hội lại còn mạnh mẽ hơn nữa : triệu tập cho khóa mùa Thu, Quốc - hội đã chỉ trích chính phủ rất nhiều. Phe đối-lập tả phái đã đưa ra kiến - nghị bất tín-nhiệm chính phủ (motion de censure). Kiến nghị này chỉ còn thiếu có 37 phiếu thì được chấp thuận. Sở dĩ phe đối lập không lật đổ được chính phủ là tại vì Trung - phái gồm 41 nghị sĩ không ủng hộ kiến-nghị. Tuy nhiên lãnh tụ Trung-phái, Jacques Dnhame¹, tuyên bố rằng phe ông không chấp nhận kiến nghị không có nghĩa là tín nhiệm chính phủ. Và De Gaulle, để lấy lòng phe này, đã phải hứa là sẽ sửa đổi một phần nào những biện pháp kinh tế xã hội của chính-phủ. Như vậy ta thấy rõ rằng Trung phái có vai trò quan trọng trên chính trường Pháp hiện thời và ở vào thế có thể bất bị được chính phủ .

Liên-bang Tây-Đức cũng gặp khó khăn không kém. Cuộc Tổng-tuyên-cử 1969 càng tới gần, các đảng lại càng phải kiểm điểm lại lực lượng của mình. Đảng Tân Quốc-xã (néo-nazi) theo khuynh hướng độc tài của Hitler, xuất hiện từ vài năm nay, đã tham gia các cuộc bầu cử Địa phương và đã lượm được một số phiếu đáng kể. Gần đây tại tiểu-bang Bremen, trong cuộc bầu cử cơ quan lập-pháp, đảng Xã-hội đã mất phiếu, trong khi đó đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo có thêm được một số phiếu, còn lại bao nhiêu phiếu, đảng Tân-Quốc-xã lượm hết. Những kết quả này đã khuyến khích đảng

Tân-Quốc-xã và lãnh tụ đảng, Adolf Von Thadden, hy vọng sẽ có dân-biểu tại Quốc-hội liên-bang vào năm 1969...

Trung Đông : Ả Rập không tìm ra lối thoát

Cuộc chiến tranh Trung Đông đã gây ra một hiện tượng lạ lùng là thái độ của các người Ả-Rập đối với nhau thay đổi hết sức mau lẹ. Có người đang bị coi là thù thì được nâng lên hàng bạn trong khi có kẻ vốn là bạn lại bị coi là thù hay bị bỏ rơi tùy theo sự đòi hỏi của chính-trị.

Trước hết là quốc vương Hussein xứ Jordanie, từ trước tới giờ, bị các quốc gia « cách-mạng » coi là phản động, đi ngược lại nguyện vọng của dân Ả-Rập v.v... Tại Nga người ta coi Hussein là « một công cụ của chủ-nghĩa đế-quốc », một người có nhiệm vụ « ngăn cản bước tiến của dân Ả-rập »... Với cuộc chiến tranh Trung Đông vào tháng 6 vừa qua Hussein đã trở nên một trong những anh hùng Ả-Rập. Ông vừa sang Nga và được chính phủ nước này đón tiếp hết sức trọng thể và nồng-nhiệt. Nga muốn Hussein rời khỏi ảnh hưởng Anh — Mỹ nên hứa hẹn viện-trợ khí giới cho Jordanie, . Báo Pravda ca ngợi Hussein đã ủng hộ thống nhất Ả-Rập.

Nhưng Hussein tuy trẻ tuổi lại tỏ ra rất khôn ngoan. Vì sau khi sang Nga ông sẽ qua Mỹ và lại có tin rằng ông sẽ thương thuyết với Do-Thái. Như vậy chính sách của ông là để đe dọa cả Mỹ, Nga lẫn Nasser, bên này không giúp ông, ông sẽ theo bên kia. Hussein sẽ chỉ lựa chọn đường lối tùy theo thái độ của mỗi khối.

Ngoài trường hợp Hussein, ta còn thấy trường hợp của quốc vương

Fayçal xứ Arabie Séoudite Trước đây Fayçal vẫn là địch thủ của Nasser, ngày nay Nasser gặp lúc khó khăn lại phải thân thiện với Fayçal. Thật vậy Nasser giờ đây không tìm ra được lối thoát. Chiến tranh Trung Đông ngoài những tổn thất quân sự đã đóng cửa kênh Suez, ngăn du khách tới Ai Cập và không cho Ai Cập khai thác mỏ dầu hỏa ở Sinai. Như vậy Nasser mất một nguồn lợi là 400 triệu Mỹ-kim mỗi năm. Nasser đành phải xin Fayçal giúp tiền, nhưng Fayçal tuy cấp cho Nasser 100 triệu Mỹ kim vẫn không thiết vì ông đã bắt bí Nasser bắt Nasser phải ngừng ủng hộ chính-thể cộng-hòa ở Yémen, tức là phải bỏ tham vọng làm lãnh tụ khối Ả-Rập. Để làm bạn với Fayçal, Nasser đã bỏ rơi người bạn khác là Thống chế Salal, Tổng-thống Yémen.

Tại quốc-nội. Nasser đã phải thanh trừng quân đội, hạ bệ cả người bạn cố-hữu là thống chế Amer đến nỗi ông này phải tự vẫn. (1)

Tài chính suy sụp, quân đội yếu kém vì thua trận và bị thanh trừng, Nasser giờ đây không còn đủ điều kiện để đóng vai trò quan trọng tại Trung-Đông nữa.

TỪ TRÌ

(1) B.K.T.Đ số 258 (1-10-67).

SÁCH MỚI

— Vào nơi gió cát, truyện dài của Nguyễn thị Hoàng, do Hoàng Đông Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Đây là tác phẩm thứ tư được xuất bản của tác giả « Vòng tay học trò », một nhà văn nữ rất quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa. Sách dày... 278 trang. Bản đặc biệt.

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

CON CHỒN TINH QUÁI

Truyện cổ tích, do LINH BẢO kể, Ngày Mới xuất bản, 270 trang — Giá 130đ.

Tác giả :

LINH BẢO tên thực là Nguyễn-thị Diệu-Viên, sinh ngày 14-4-1926 tại Huế. Từng theo học-Đại học-đường Tôn-Trung-Son (Quảng Châu, Trung Hoa) Hiện đi làm và sống tại Huế-Kỳ.

Đã cộng tác với các báo: Mới, Người Việt tự do, Văn-hóa ngày nay, Vui sống, Tân Phong, Đông phương, Bách Khoa...

Đã xuất bản : *Gió bắc* (1952) *Tàu ngựa cũ* (1961) *Con chồn tinh quái* (1967).

Tác phẩm :

Kể chuyện đời xưa là một thử thách, trừ phi là kẻ không cần nghệ thuật, chỉ cần góp nhóp cho thành một tập tài liệu về văn học truyền khẩu. Thử thách, bởi vì trước mình đã có bao nhiêu người làm công việc ấy từ những kẻ vô danh trong dân gian trải qua nhiều thế hệ, cho đến những tác giả hữu danh kế tiếp nhau truyền bá chuyện cũ. Và lại, cổ tích thường được quần chúng biết sẵn, các tác giả kể cổ tích không dành cho câu chuyện được chút yếu tố bất ngờ nào để lôi cuốn độc giả.

Linh-Bảo chấp nhận sự thử thách, và đã thành công. Truyện *Con chồn* trong cổ tích Tây phương đã lưu truyền từ hàng nghìn năm qua nhiều xứ trên thế-giới, số sách thuật câu chuyện ấy dưới mọi hình thức, hoặc khổ lớn hoặc khổ nhỏ, hoặc bằng văn vần hoặc bằng văn xuôi, hoặc bằng tranh, hoặc bằng lời v.v... không biết bao nhiêu mà kể. Tuy vậy đọc tác phẩm của Linh-Bảo độc giả vẫn thấy hào hứng. Trí thông minh, giọng hài hước tinh tế, óc sáng kiến và kiến thức rộng rãi của tác giả đem vào câu chuyện xưa một hình thức mới mẻ, linh động.

Linh Bảo là một trong số hiếm hoi những nhà văn nổi tiếng chịu quan tâm tới đám độc-giả nhỏ tuổi. Trước đây, đã có lần Linh Bảo góp vào tủ sách hồng của nhà đời nay một tập truyện (dường như quá bé nhỏ để có thể phát huy hết những điểm độc đáo của tài-năng tác-giả). Lần này tác phẩm quả xứng đáng với danh tiếng của tác giả.

Trên đây, chúng tôi chưa "đọc giúp" chút nào cho các bạn, chúng tôi đã nói về tác giả mà chưa nói đến tác phẩm, thậm chí chưa tóm tắt cả nội-dung câu chuyện. Như thế là vì câu chuyện *Con chồn tinh quái* đã quá quen thuộc, tưởng không cần giới thiệu. Tất cả những gì cần giới thiệu ở đây là cái nghệ-thuật của Linh-Bảo đưa vào chuyện.

CON ĐƯỜNG THUỐC LÁ

Vũ-Đình-Lưu dịch *Tobacco Road* của *Erskine Caldwell*; Ca Dao xuất bản, 220 trang.

Dịch giả .

— Sinh ngày 28-12-1914 tại làng Cẩm-Quan, tỉnh Hưng-Yên (Bắc-Việt). Cộng tác với *Đời mới* (1950) với bút hiệu Cô-Liêu. Sau với *Bách Khoa* (1957), *Mai* (1960), *Tin sách* (1962), *Văn* (1964). Chuyên phổ biến những kiến-thức mới về khoa học và tâm lí-học, giới thiệu danh tác quốc tế bằng cách rút ngắn. Thỉnh thoảng viết truyện ngắn.

Đã xuất bản : *Cái chết của Ivan Illitch* (dịch Tolstoi 1963), *Lưu đày và quê nhà* (dịch Camus, 1965), *Nghệ-thuật hiện-đại* (dịch Muller, 1965), *Thảm kịch Văn hóa* (Khảo luận, 1956), *Một cái chết dịu dàng* (dịch Simone de Beauvoir, 1967)

Tác-phẩm

Đây là cả một tấn bi-hài-kịch. Nó xảy ra tại miền Georgia rừng rú đất hết màu, không trồng trọt gì được, dân cư cố bám lấy đất sống cơ cực không chịu ra tỉnh làm cho các xưởng dệt.

Anh tá điền Jecter Lester sống với gia đình đói khát: Ada, người vợ ốm đau bà mẹ già mà cả nhà coi như một người thừa, Dade, người con trai 16 tuổi, Ellie May, đứa con gái sứt môi; còn đứa con gái út là Pearl mới 12 tuổi nhưng đã lấy một người phu than là Lov đi ở nơi khác. Những người nông dân khốn cùng này đang sống trong cảnh chết đói chậm, cái nghèo khổ đã làm họ mất hết nhân cách và trở lại hành động theo bản năng thấp hèn, chỉ còn biết tiếng gọi của đói khát và dục tình

Một bữa kia, Love, người con rề, đến với một bao củ cải, cả nhà Jecter lừa lúc sơ ý cướp lấy chia nhau hết. Bessie là vợ góa một vị mục sư có mặt ở đây cũng theo tiếng gọi của thú tính quyến rũ cậu con trai 16 tuổi, bằng cách lấy hết tiền để dành của chồng quá cố mua chiếc xe hơi mới cho cậu Dude lái đi chơi. Trong người có 800 đô-la, chị ta bỏ ra hết mua thứ xa-xỉ-phẩm ấy, thậm chí không còn tiền mua ét-xăng nữa. Chiếc xe chạy chưa được mấy ngày đã hư hết vì vào tay những người nhà quê không hiểu gì về thứ tự-động-xa này cả. Từ đây diễn ra một loạt những màn kịch ngộ nghĩnh mà chủ động là mấy người nhà quê đói khát, và chiếc xe lộng lẫy mâu thuẫn ghê gớm với cảnh khốn cùng : họ đem chiếc xe sang trọng ấy chở củi ra tỉnh bán, họ kéo nhau vào thuê phòng ngủ, diễn ra những trò cười với tánh cục mịch và tâm hồn chất phác của họ.

Trong khi ấy thì sức thu hút mạnh mẽ của thị thành đã làm cho người con gái út bỏ chồng ra đi. Rồi một buổi sáng kia, ngọn lửa tình thiếu chết hai vợ chồng già trong lúc còn ngủ. Thế cũng là may cho mẹ Ada, người vợ, vì có sống thêm một ít lâu vì tất mẹ đã có tiền mua bộ áo hợp thời trang để mặc lúc chết theo sự mơ ước trong bao năm. Cái xác thành than tuy không được liệm với bộ áo mới nhưng cũng trút bỏ được bộ áo cũ mà mẹ không muốn đem lên Thiên đàng, Thánh-địa của Chúa. Mẹ về với Chúa vẫn nguyên vẹn tro bụi như lúc sơ sanh.

Dude, người con trai, chôn cất cho cha mẹ rồi, bỗng nảy sinh ý muốn nối nghiệp cha vỡ đất làm mùa, không chịu ra tình làm cho nhà máy.

oOo

Bạn đọc Bách Khoa đã có dịp biết qua Erskine Caldwell qua loạt bài của Trần-Phong. Nhà văn H ệ-p-chúng-quốc đồng thời với chúng ta là một trong những tác giả được đọc nhiều nhất thế giới và đây là lần đầu được dịch ra tiếng nước nhà. Các phê-bình-gia năm châu thừa nhận ông có hai danh tác cỡ quốc tế : *Tobacco Road* và *God's little acre*. Cô Liêu Vũ-Đình-Lưu, với kinh nghiệm trong việc dịch và trong nghề viết, đã cho ta một bản Việt dịch gọn và sáng.

MỘT LUỒNG LỬA KHÓI

Danh nhân truyện ký, do HỒNG CỨC thuật, NGÀY MỚI xuất bản, 104 trang. Giá 50 \$.

Tác giả :

HỒNG CỨC tên thực là Tô thị Hồng Cúc, sinh năm 1943 tại Saigon. Hiện là tư chức ở Saigon.

Đã xuất bản : *Người Việt cao quý* (dịch từ nguyên-tác của PAZZI) — *Một luồng lửa khói*.



Tác phẩm :

Đây là cuốn sách thứ hai của một nhà xuất bản mới—nhà Ngày mới—do Lê tất Điều chủ trương. So sánh hai tác phẩm, người ta nhận thấy trong cách trình bày có một sự đồng nhất về hình thức, khá trang nhã. Sự góp mặt của nhà văn họ Lê mong rằng sẽ đem thêm một sắc thái mới vào ngành xuất-bản.

Một luồng lửa khói thuật lại cuộc đời ly kỳ của nhạc sĩ Paganini. Riêng cuộc đời ấy tự nó đã hấp dẫn. Paganini đã chơi vĩ cầm trước Henri Heine, trước Goethe, trước hoàng đế Napoléon, trước Liszt v.v... Ở đâu, cũng khiến người ta mê say, ngạc nhiên, khiếp phục. Dư luận đương thời coi ông ta là một quái nhân, là quỷ xa-tăng, là phù thủy. Lời đồn đại có ảnh hưởng rộng rãi và nguy hại đến nỗi sau khi ông qua đời rồi mà thi hài ông vẫn không được chôn cất ở đất thánh. Người con trai duy nhất của nhạc-sĩ phải đưa quan tài cha lênh đênh từ nơi nọ sang nơi kia, ở đâu cũng bị xua đuổi, ngót sáu mươi năm trời mới tìm được chỗ để vùi chôn xuống đất !

Cuộc đời quái đản ấy đã được Hồng Cúc thuật lại, căn cứ vào tài liệu xác đáng.

NEO TUỔI VÀNG

Tập thơ của HỮU PHƯƠNG, 92 trang — Giá 100đ,

Tác giả :

HỮU PHƯƠNG tên thực là Nguyễn hữu Chí, sinh năm 1931 tại Trác-Giang, Kiến-Hà. Hiện đang phục vụ trong Hải quân với cấp bậc Trung-tá. Nhà thơ quen thuộc từ lâu của bạn đọc Bách-Khoa.

Đã xuất bản : *Luống biển* (1962); *Tâm sự người đi biển* (1963); *Neo tuổi vàng* (1967)

Tác phẩm :

Hữu Phương là nhà thơ của biển. *Neo tuổi vàng* là tập thơ thứ ba của anh.

« *Neo tuổi vàng* » cũng lấy biển cả làm khung cảnh, nhưng biển của Hữu Phương lần này đã mang nhiều biến đổi.

Trong hai tập thơ trước, Hữu Phương là anh thủy thủ yêu đời ca vang trước biển, đã nhân-cách-hóa biển để tỏ niềm yêu thương. Trong « *Neo tuổi vàng* », ta thấy tình yêu của nhà thơ không phải chỉ là biển thuần túy mà đó đây đã thấy xuất hiện nếp sống của « đất liền » cùng hình ảnh em bằng xương bằng thịt. Biển của Hữu Phương ngày nay là cảnh biển trầm lặng, tuy thiếu ồn ào nhưng vẫn chứa nhiều sóng gió. Thêm vào đó, cái mệt mỏi của đều đặn (*Nụ buồn ngày tháng 77, Dư ảnh 65, Cuối tuần 76,*) cộng với hình ảnh cuộc chiến (trang 11) sự ray rứt tâm tư (trang 14) đã tạo thành những khía cạnh mới của thơ Hữu-Phương. Với *Neo tuổi vàng* một khúc quanh đã đến với nhà thơ, hẳn vì cuộc sống và tình thế đất nước đã làm thấm mệt, nhưng còn nhiều thiết tha yêu thương.

Anh đã gia nhập với đám người của đất liền, với những yêu, thương, chán, giận, thông thương.

Tất cả nội-dung đó anh đã gói ghém trong những lời thơ rất hồn nhiên mộc mạc. Hữu Phương không phải là nhà thơ chỉ biết gò bó trong mười vần điệu, với nếp suy tư vị kỷ. Anh đã thoát ra ngoài, chân thành cởi mở, cảm thông với cảnh vật. Thơ anh không có nỗi dằn vặt lằng mạn, trừu tượng, mà chỉ là một tỏ bày không hoa mỹ, uốn éo.

« *Neo tuổi vàng* » là điểm ghi một sự thay đổi trong thơ Hữu-Phương. Anh sẽ khám phá thêm nhiều chân trời mới, ngoài bầu trời thanh thoát bao la và nét xanh bát ngát của biển.

HIỆP ĐỊNH GENÈVE 1954 VÀ CUỘC TRANH CHẤP TẠI VIỆT NAM

HỮU NGHỊ xuất bản, biên khảo, 290 trang, giá 160đ

Tác giả :

TRƯƠNG HOÀI TÂM sinh ngày 26-8-1941 tại Vạn Tượng. Bút hiệu : Minh Vỡn, Thạc-Bách.

Tốt nghiệp cử nhân Luật khoa và Cao học Hành-chánh. Đã cộng-tác với nhiều báo tại Saigon. tham gia bộ biên tập *Liên-Á Nhân-Quyền*. Đã xuất bản : tập thơ *Của Lịch sử* (1964), *Hiệp-định Genève và cuộc tranh chấp tại Việt-nam* (1967). Hiện chủ trương nhà xuất bản Hữu-Nghị.

Tác phẩm :

Đề cập tới vấn đề thời-sự số một của Việt-Nam và Thế-giới : Hiệp-định Genève 1954 và cuộc chiến tranh tại Việt-Nam. Chú ý của tác giả muốn xét lại giá trị của Hiệp định Genève 1954 sau 13 năm ký kết. Cuốn sách chia làm 2 phần :

Phần thứ nhất : Phân tích cuộc tranh chấp hiện nay tại Việt-nam.

Phần thứ hai : Bàn về vấn đề hòa-bình và thống nhất Việt-nam.

Trong phần thứ nhất, tác giả cho rằng thế giới hiện nay chia thành hai khối đối lập : khối Cộng sản và khối Dân chủ, tự do. Nhưng vì sự xuất hiện của vũ khí nguyên tử, nên hai khối nói trên đã không dám phiêu lưu vào một cuộc chiến tranh thật sự. Hiệp-định Genève 1954 ký kết giữa Pháp và Việt-Minh chẳng qua cũng chỉ là sự xác nhận việc *bế tắc* giữa hai khối Đông-Tây mà thôi. Thành ra Hiệp định Genève 1954 đã không giải quyết trọn vẹn được vấn đề Việt-nam, nghĩa là vấn đề độc lập và thống nhất của Việt-nam. Sự đối chọi hiện nay giữa hai khối đã ảnh hưởng mãnh liệt vào Việt-nam khiến cho những điều khoản của Hiệp-định Genève 1954 đã không được hai bên thi hành. Nhất là điều khoản về Tổng-tuyên-cử vào năm 1956 để thống nhất đất nước. Do đó mà cuộc chiến tranh đã bùng nổ trở lại với sự can thiệp trực tiếp của trên nửa triệu quân Mỹ tại chiến trường Việt nam.

Ngày nay những điều khoản của Hiệp định Genève có còn giá trị cho cuộc tranh-chấp hiện nay nữa không ?

Nói một cách khác : Hiệp định Genève 1954 có còn giá trị không ?

Tác giả trả lời rằng : *Hiệp định Genève 1954 vẫn còn giá trị (vì nó vẫn tạo thành một căn-bản pháp lý và chính-trị cho một giải pháp thương thuyết về cuộc chiến tranh hiện nay tại Việt nam. Giải pháp của tác giả trong phần II gồm hai điểm :*

— A) *Trở lại Hiệp định Genève 1954.*

— B) *Xây dựng một miền Nam hùng mạnh và tiến bộ bằng cách thực hiện một cuộc cách-mạng xã-hội đích thực và tiến tới việc xây dựng một ý-thức-hệ mới cho miền Nam, có như vậy hòa-bình mới có tính cách ổn cố và miền Nam sẽ không sợ Cộng sản thôn tính sau khi ngưng chiến.*

Đặc biệt trong phần xây dựng một ý-thức-hệ mới, tác giả đã đề ra một số tiêu-chuẩn nền-tảng khả dĩ có thể vượt được chủ nghĩa Mác-xít.

CON TÀU BÍ MẬT

Truyện thiếu nhi ANH-HUY xuất bản, 127 trang.

Giá 30đ.

Tác giả : Nguyễn trường Sơn.

Tác phẩm :

Nhân dịp hè, Việt được cha mẹ cho phép về Xuân Lộc nghỉ ở nhà dì. Khung cảnh yên tĩnh, không khí trong lành tươi mát tuy có lợi cho sức khỏe cậu nhưng lại không hợp mấy với cái tuổi ham hoạt động.

Việt ăn gấp đôi lúc ở Sài Gòn, ăn xong là thấy đói liền. Đọc sách mãi cũng chán. Việt ngồi ngắm cảnh, nhớ Sài Gòn và lần thẩn ước ao : Giá có Khôi lúc này đề cùng mình nô đùa thì thú quá !

(Khôi là bạn thân của Việt, cùng học một trường, cùng ở một phố. Họ đi đâu cũng như đùa có đôi : lúc học, lúc chơi, lúc chờ nhau đến trường, lúc nhờ nhau dạo mát.)

Thật vậy, Việt đã chán leo trèo, chạy nhảy một mình ở ngoài vườn, chơi thì phải có bạn mới vui chứ ! Việt đã buồn cho đến nỗi phải làm bạn với một chú Vện đề khuấy khuấy, đề có dịp, có cơ mà hoạt động. Và, than ôi ! cũng vì chú Vện này mà Việt phạm lỗi, làm mích lòng một người làm vườn láng giềng của dì mình.

Dì Hạnh không tỏ ra giận dữ nhiều nhưng cũng trách cứ cháu qua loa, vì dì biết cháu đang cần có bạn. Ấy vậy là dì chịu khó nấu chè, làm bánh, đề đãi mấy trẻ hàng xóm hầu mong cháu có bạn cho vui, không ngờ kết quả trái lại : Việt đánh lộn với một trong những người mà dì muốn trở thành bạn của Việt.

Trong lúc cu cậu đang còn ngồi vừa hối hận về hành động nóng nảy của mình vừa nhớ đến Khôi thì anh chàng xuất hiện.

Do một sự tình cờ trên đường đến Xuân Lộc Việt, Khôi khám phá ra một vại bí mật, anh chàng kể lại và cùng Việt nói dối, xin phép dì đi cắm trại vài hôm, song kỳ thật là đề tìm theo dấu vết khả nghi kia, trong một lò gạch đồ nát.

Cùng đi với hai người có cả chú Vện nữa.

Trong đêm tối, kẻ khả nghi trở lại lò gạch tìm ám hiệu của mình. Đợi hẵn chui ra, Khôi, Việt và chú Vện theo sát gót. Nhưng cũng vì chú Vện mà kẻ gian biết có người theo dõi mình nên đề phòng cầu thận hơn. Cuộc săn đuổi diễn ra trong bóng tối cho đến một lúc biết Vện bị nguy, hai người phải liều xông vào cứu Vện và... Khôi bị kẻ bí mật vụt cho một gậy vào trán rồi tẩu thoát vào rừng.

Hai bạn mệt lử, vừa may tìm được một túp lều xinh xắn, tuy không thấy chủ nhân đâu, họ vẫn vào bừa, ngã ba lô xuống nền nhà, đánh một giấc say sưa.

Sáng ra, chủ nhân — là một cô gái tên Bạch-Liên — bắt gặp người lạ vào



« nhà » trái phép nên nặng nhẹ vài lời, song về sau, biết rõ ý định hai người, tuy cô không lấy gì làm phục và tin hai tướng nhưng mà cô cũng sốt sắng hứa sẽ giúp họ bằng cách tin cho cậu mình, một si-quan Hải-quân, để ông giúp cho, sau khi cho hai tướng ăn no nê một bữa. Họ chia tay.

Dò đoán theo ám hiệu, hai cậu lại tìm ra vết tích kẻ gian và sau cùng nhờ khôn ngoan, hai người lọt xuống chiếc tàu chở kẻ gian kia. Họ còn khám phá ra hẳn là một tên Trùm buôn lậu, cầm đầu một bọn thảo khấu khét tiếng ở biên giới và là một gã Tàu lai Miên !

Chưa kịp trở tay, Khôi, Việt bị lộ chỗ ẩn trong tàu, thế là cuộc xung đột xảy ra mà cầm chắc là cả hai thiếu niên tò mò khó lòng thoát được. Trên tàu, trừ vài thủy thủ Việt-Nam lương thiện, còn thì hầu hết đều một bụng với chủ tàu (là người Tàu) và tên gian manh lợi hại Lia.

Trong lúc xung đột, một thủy thủ bị thương, mà thủy thủ này lại là người theo phe hai bạn trẻ. Nguy cơ ngay trước mắt. May thay, nhờ Bạch-Liên vận động với người cậu nên tàu Hải Quân tới kịp, bắt kẻ gian và cứu hai người.

Khôi, Việt được Đò đốc tiếp kiến. Công hai người to thế mà không được khen, có ưc không? Thật ra không phải người lớn vô ơn, song người lớn sợ hai cậu ỷ tài, làm lại một chuyến phiêu lưu khác nữa như thế thì có thể thiệt thân một ngày nào đó, chẳng ai đâu hay biết mà gấn huy chương cho.

« Con tàu bí mật » là cuốn thứ ba trong tủ sách « Tuổi hoa » nhưng lại là cuốn thứ nhất trong loại sách trinh thám, mạo hiểm dành cho tuổi trẻ. Khác với hai cuốn trước (Lòng mẹ và Chú thỏ Đẻ, là loại tình cảm nhẹ nhàng. Mục đích của những người chủ trương lần này là muốn cho các em trai vừa ý.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.



Đôi hàng cảm ơn:

Gom góp được đủ 426 số báo *Bách Khoa* thu vào một DVD là công sức của nhà văn/nhà báo Phạm Phú Minh và Quản thủ Thư viện Phạm Lệ Hương, với sự tiếp tay của chuyên viên Nguyễn Vũ. Nghĩ tới độc giả của *Quán Ven Đường* và đưa tặng là nhã ý của Gs. Trần Huy Bích. *Quán Ven Đường* xin thành thật cảm ơn các vị.